

Số: 897/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người phải điều trị Covid-19, cách ly y tế và hỗ trợ cho đối tượng trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật phải điều trị Covid-19, cách ly y tế trên địa bàn huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 156/TTr-SYT ngày 31/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Phê duyệt danh sách do Sở Y tế lập kèm theo Tờ trình số 156/TTr-SYT ngày 31/3/2022 và kinh phí hỗ trợ cho người phải điều trị Covid-19, cách ly y tế và hỗ trợ cho đối tượng trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật phải điều trị Covid-19, cách ly y tế trên địa bàn huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/người /ngày	Thành tiền
1	- Chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em (chính sách số 07 - mức 1.000.000 đồng/người)	989		1.000.000	989.000.000
2	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị Covid-19, cách ly y tế F0, F1 (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	3.933	42.448	80.000	3.395.840.000
	Tổng cộng:	4.922			4.384.840.000
	Bằng chữ:	Bốn tỷ, ba trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng.			

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn phụ trách và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn đơn vị về quy trình, thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 42

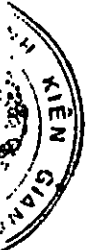
Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TBXH;
- Chánh, Phó CVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX, CVNC;
- Lưu: VT, pthtran.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung



DANH SÁCH F0, F1, TRẺ EM, NGƯỜI KHUYẾT TẬT, NGƯỜI CAO TUỔI NHẬN HỖ TRỢ

(Đính kèm Tờ trình số 156 /TTr-SYT ngày 31/3/2022 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
I	F0, F1 nhận hỗ trợ										
I. XÃ BÌNH AN									263.120.000		
01	Huỳnh Thị Nhấm		1955	TỔ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
02	Lâm Minh Truông	1985		TỔ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
03	Cao Thị Bé Trinh		1988	TỔ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
04	Trần Thị Yến Nhi		2008	TỔ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
05	Lâm Cao Quang Đại	2013		TỔ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
06	Lâm Cao Tấn Phát	2015		TỔ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
07	Huỳnh Văn Răng	1960		TỔ 1- Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.280.000		F1
08	Phạm Thị Minh Thư		2007	TỔ 1- Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	640.000		F1
09	Danh Thị Mỹ Trinh		2010	TỔ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.600.000		F0
10	Lý Thái Tèo	1974		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.280.000		F1
11	Nguyễn Văn Thu	1983		Tổ 1-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F0
12	Vũ Văn Bắc	1972		Tổ 1-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F0
13	Phạm Thị Tuyết Phương		1983	Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
14	Lâm Nguyễn Bảo Thy		2018	TỔ 8-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
15	Kha Thị Linh		1988	TỔ 7-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	640.000		F1
16	Kha Linh	1991		Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	640.000		F1
17	Danh Thị Trúc Quyên		2015	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	1.120.000		F0
18	Danh Thị Thảo Duyên		2019	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	1.120.000		F0
19	Danh Hà Luân	1985		Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	720.000		F0
20	Nguyễn Lâm Bảo Thuyên		2013	TỔ 3- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.040.000		F0
21	Ngô Tường Linh	1984		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	960.000		F0
22	Trần Ngọc Minh	1967		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1

CHỖ DÁN CHỮ

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
23	Ngô Minh Ánh		2016	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	1.200.000		F1
24	Ngô Tường Minh Khôi	2020		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	1.200.000		F1
25	Lâm Ngọc Yến		1988	Tổ 1- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	1.200.000		F1
26	Lữ Khả Hân		2013	Tổ 1- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	1.200.000		F1
27	Lữ Hồng Thiên	2016		Tổ 1- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	1.200.000		F1
28	Phan Mỹ Kim		2009	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/1/2021	1.520.000		F0
29	Trần Tuấn Việt	2003		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	960.000		F0
30	Huỳnh Hoài Thương		2002	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	640.000		F1
31	Huỳnh Thảo Nguyên		2008	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	1.200.000		F1
32	Phan Thị Thịnh		1958	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	640.000		F1
33	Huỳnh Thanh Liêm	1975		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/1/2021	640.000		F1
34	Trần Văn Lấp	1970		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/1/2021	1.120.000		F0
35	Nguyễn Tuấn Em	1975		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.120.000		F0
36	Huỳnh Duy Tân	1982		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/1/2021	1.200.000		F0
37	Võ Thủy Hoàng Anh		1979	Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1
38	Dương Kim Phụng		2007	Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1
39	Ngô Khánh Tú	1978		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1
40	Ngô Minh Anh		2016	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/1/2021	1.120.000		F0
41	Huỳnh Văn Phơ	1972		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.120.000		F0
42	Nguyễn Tấn Kiệt	2002		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.120.000		F0
43	Nguyễn Thái Học	2001		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.120.000		F0
44	Hoàng Minh Tuấn	1980		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.120.000		F0
45	Phạm Văn Gia Bằng	2002		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
46	Lưu Trí Hào	2002		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
47	Vô Hồ	2001		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
48	Dương Ngọc Minh	2002		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
49	Trần Văn Yên	1999		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
50	Đỗ Quốc Cường	1999		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
51	Nguyễn Văn Lộc	2000		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
52	Huỳnh Quốc Nam	1999		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
53	Hồ Nhật Đang	2001		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
54	Hồ Danh Hoàng Phúc	2002		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
55	Nguyễn Hữu Lợi	2002		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
56	Nguyễn Minh Đức	2001		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
57	Lâm Trường Linh	1999		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
58	Danh Chành Tha	1980		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
59	Lê Văn Thìn	1977		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
60	Trương Tấn Liệt	1978		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
61	Nguyễn Trung Chánh	1969		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
62	Nguyễn Minh Diên	1985		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
63	Đỗ Công Như	1969		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
64	Đặng Hoài Thanh	1979		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
65	Trương Văn Tĩnh	2001		Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	640.000		F1
66	Danh Vũ Phương	1982		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000		F1
67	Danh Thanh Tiến	2003		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000		F1
68	Dương Ly Na	1970		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000		F1
69	Danh Thanh Tuyên	1979		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000		F1
70	LƯU Thanh Hiền	1985		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
71	Danh Ra	1997		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	800.000		F0
72	Danh Tuấn	1980		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	800.000		F0
73	Phan Trán Nghiệp	2001		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	800.000		F0
74	Danh Na	2004		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	800.000		F0
75	Dương Thanh Hoàng	1978		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.040.000		F0
76	Danh Sà Lai	1983		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.360.000		F0
77	Nguyễn Hải Dương	1985		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
78	Nguyễn Thị Ánh		1948	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
79	Nguyễn Ngọc Nhã Đan		2020	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
80	Nguyễn Ngọc Thái Phong	1981		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	640.000		F1
81	Vũ Ngọc Duy	1979		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	640.000		F1
82	Nguyễn Huy Thành	1980		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	640.000		F1
83	Nguyễn Văn Tú	1995		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	640.000		F1
84	Tô Ngọc Trĩnh	1984		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	640.000		F1
85	Đặng Minh Phát	1984		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	640.000		F1
86	Hình Như Gia Hân		2005	Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	800.000		F0
87	Hình Như Gia Bảo	2009		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	800.000		F0
88	Trần Phương Loan		2012	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F0
89	Trần Phương Linh		2009	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F0
90	Nghiêm Thị Như Quỳnh		2014	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
91	Huỳnh Kim Bình		2007	Tổ 3- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F0
92	Nguyễn Văn Dũng	1973		Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
93	Lâm Thị Hồng		1952	TỔ 3-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F0
94	Thị Ngọc Giàu		1993	Tổ 8- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	560.000		F1
95	Trần Thị Bình An		2008	Tổ 8- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
96	Nguyễn Mỹ Trân		2003	Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1
97	Nguyễn Tấn Hiếu	2007		Tổ 3- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	1.360.000		F0
98	Phạm Văn Thuận	2006		Tổ 1-Áp Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
99	Lâm Mỹ Chương		1993	Tổ 3-Áp Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	880.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
100	Hàng Thái Sơn	1979		Tổ 1-Ấp Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
101	Danh Tuấn Ôi	1987		TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.040.000		F0
102	Thị Hoa		1975	Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
103	Huỳnh Văn Hồ	1967		Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
104	Huỳnh Thị Bích Thùy		2007	Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	640.000		F1
105	Huỳnh Tuấn Phúc	2018		Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
106	Huỳnh Tuấn Phong	2014		Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
107	Trần Kim Hiều		1979	Tổ 4- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	880.000		F0
108	Vũ Trần Phương Nam	2007		Tổ 4- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	880.000		F0
109	Vũ Ngọc Hà	1976		Tổ 4- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
110	Trần Bình Trọng	1967		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
111	Nguyễn Thị Gấm		1976	TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
112	Trần Hồng Nhung		2001	TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
113	Trần Thanh Hải	2011		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.200.000		F1
114	Trần Đình Lương	1978		TỔ 10- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.040.000		F0
115	Ngô Văn Long	1979		TỔ 4- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
116	Nguyễn Lâm Trí	2002		TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
117	Chao Thị Sảng		2005	TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
118	Trần Âm		1945	TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
119	Nguyễn Lâm Thuận	2005		TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
120	Trần Văn Chiển	1993		TỔ 5 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1



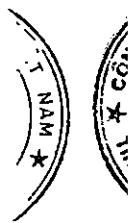
Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
121	Nguyễn Tấn Hùng	1969		TỔ 5 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1
122	Nguyễn Thanh Tạo	1974		TỔ 3- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.120.000		F0
123	Ông Phó Quốc Sang	2007		TỔ 8 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1
124	Ông Phó Quốc Trọng	2009		TỔ 8 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1
125	Đặng Công Châu	1958		TỔ 9 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
126	Huỳnh Châu Bảo Chi		2014	TỔ 9 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.120.000		F1
127	Huỳnh Châu Tuấn Kiệt	2020		TỔ 9 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.120.000		F1
128	Huỳnh Hữu Hiền	1995		TỔ 9 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	560.000		F1
129	Đinh Thị Quối		1966	TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	560.000		F1
130	Lâm Quốc Dân	1960		TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	560.000		F1
131	Lâm Nhật Tín	2001		TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	560.000		F1
132	Huỳnh Thị Kim Thanh		2000	TỔ 11 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
133	Nguyễn Thị Tứ		1983	TỔ 5- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.280.000		F0
134	Dương Gia Bảo	2012		TỔ 5- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.040.000		F0
135	Trần Văn Hòa	1975		TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
136	Phạm Quốc Trường	1993		TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.040.000		F0
137	Nguyễn Văn Ý	1984		TỔ 5- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.040.000		F0
138	Nguyễn Thạch Động	1985		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.040.000		F0
139	Nguyễn Thành Sơn	1963		TỔ 9 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	640.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
140	Nguyễn Thị Sao Ly		1985	TỔ 7 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
141	Nguyễn Thị Xuân		1950	TỔ 7 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
142	Trần Quang Vinh	2018		TỔ 12 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
143	Trần Thị HỒNG Đào		2016	TỔ 12 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
144	Trần Thị Phương Anh		2007	TỔ 12 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
145	Đào Thị Thảo		1986	TỔ 12 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
146	Phạm Thị Thủy		1982	TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
147	Trần Thanh Trung	2012		TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F1
148	Phạm Thanh Tùng	1983		TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	640.000		F1
149	Lê Thị Thu		1997	TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	640.000		F1
150	Nguyễn Khánh Nguyên	2014		TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F1
151	Dương Nguyễn Minh Khôi	2020		TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F1
152	Châu Bá Tùng	1996		TỔ 3 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1
153	Nguyễn Việt Minh	1975		TỔ 3 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1
154	Phạm Hùng Khanh	1980		TỔ 5 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F1
155	Lê Đức Quý	1983		TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
156	Ngô Thị Mơ		1961	TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
157	Bùi Thị Minh Nga		1986	TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
158	Huỳnh Thị HỒNG Nhung		1992	TỔ 2-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
159	Phạm Văn Nhanh	1985		TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F0
160	Lê Thị Tím		1980	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F0
161	Nguyễn Thị Ngọc Như		1981	TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1
162	Châu Tấn Khanh	1974		TỔ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1
163	Lê Hà Khánh Ngọc		2008	TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.200.000		F1
164	Lê Đức Phú	2018		TỔ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.200.000		F1
165	Trần Văn Tuấn	1980		TỔ 1-Bà Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F0
166	Ngô Minh Giang	2003		TỔ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F1
167	Ngô Văn Dương	1980		TỔ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F1
168	Ngô Thị Yến Nhi		2007	TỔ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.200.000		F1
169	Võ Phạm Ngọc Hân		2001	TỔ 2-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
170	Võ Phạm Thanh Trúc		2004	TỔ 2-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
171	Phạm Thị Bé Hoa		2005	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
172	Phạm Thị Bé Tiền		2007	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
173	Võ Văn Phụng	1972		TỔ 2-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F0
174	Dương Thị Hân		1981	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
175	Nguyễn Thị Bé Ngoan		1999	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
176	Lê Hoàng Luân	1998		TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
177	Nguyễn Thị Lệ Thu		1972	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1

10/11/2021

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
178	Ngô QuỲnh My		2012	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
179	HuỲnh Minh ĐỨc	1991		TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
180	Nguyễn Văn Lành	1975		TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
181	HuỲnh NgỌc DiỆp		2016	TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.120.000		F1
182	HuỲnh Minh NhẬt	2013		TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.120.000		F1
183	ĐẶng Thị Tâm Như		2015	TỔ 1- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F0
184	ĐẶng Thị MỸ Duyên		2009	TỔ 1- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.040.000		F0
185	Ong Thị Hồng		1964	TỔ 1 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
186	HỨa BẢo Đắng	2015		TỔ 1 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
187	HỨa Văn Hình	1964		TỔ 1 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
188	Lâm NhỰt Trung	1987		TỔ 4- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.040.000		F0
189	Ong TỶ LỢi	1974		TỔ 8-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
190	Ong Lê Hoàng Anh	2018		TỔ 2-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.120.000		F1
191	Phạm KhẢi Hoàng	1980		TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
192	Nguyễn HẢi Quân	1984		TỔ 8- Bãi GiẾng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
193	Phạm Thành Lin	1988		TỔ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
194	Trương BẢo Thi	1975		TỔ 10- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
195	Nguyễn Thị ThỦy		1983	TỔ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
196	Ngô ThẢo Uyên		2009	TỔ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
197	Nguyễn Văn An	1960		TỔ 10- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	880.000		F0
198	Lê Phát Đạt	1966		TỔ 10-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	560.000		F1
199	Uông Nam Hưng	1980		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
200	Lê Minh Phụng	1987		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
201	Nguyễn Thanh Tâm	1989		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
202	Vũ Minh SỰ	1995		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
203	Nguyễn Tấn Thành	1977		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
204	Nguyễn Lâm Đức Trung	1984		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
205	TỪ Văn Quấn	1971		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.440.000		F0
206	Quách Thái Đạm	1983		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
207	HỒ Nhật Trường	1984		TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.120.000		F0
208	Ong Vĩnh Phú	1979		TỔ 8-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.040.000		F0
209	Danh Thị Mỹ Thái		1988	TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
210	Phan Thị Cẩm Tài		1955	TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
211	Đinh Minh Phúc	1966		TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
212	Huỳnh Thị Cẩm Nhung		1986	TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
213	Hoàng Thị Linh		1976	TỔ 6- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
214	Hà Mỹ Khiêm	1956		TỔ 2- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	640.000		F1
215	Nguyễn Như Hoàng	2011		TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
216	Huỳnh Thị Úc My		1976	TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	640.000		F1
217	Nguyễn Xuân Nhật BẰNG	2002		TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	560.000		F1
218	Nguyễn Thị ThẨM		1988	TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	560.000		F1
219	Huỳnh Văn Miễn	1987		TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	560.000		F1
220	Huỳnh Thị Tuyết		1949	TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	560.000		F1
221	Huỳnh Bảo Ngọc		2009	TỔ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	560.000		F1
222	Danh Hà	1990		TỔ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.920.000		F0
223	Đinh Ngọc Như		2010	TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.200.000		F1
224	Đinh Hoàng Nhân	2012		TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.200.000		F1
225	Đinh Hoàng Nghĩa	2019		TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.200.000		F1
226	Đinh Ngọc Nhi		2020	TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.200.000		F1
227	Mai Thiên Bằng	1977		TỔ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F1
228	Lê Thị Kim Ngọc		2011	TỔ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F1
229	Lê Thị Kim Uyên		2013	TỔ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F1
230	Thị Nhung		1958	TỔ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
231	Danh Thành Phát	2009		TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.120.000		F1
232	Danh Thành Đạt	2006		TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.120.000		F1
233	Ngô Phước Hải	1990		TỔ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F0
234	HỒ Thị Thẩm		1975	TỔ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1

h.2/ - - 6/

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
235	ĐẶNG Thị Lanh		1995	TỔ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
236	Kim Song Tình	2019		TỔ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
237	Danh Hiệp	1954		TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
238	Thị Kim Muối		1993	TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
239	Mai Thiên KỶ		2008	TỔ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.040.000		F0
240	Dương Thị Tan		1966	TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
241	Danh Nhị	1966		TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
242	Nguyễn Thị Kim Ngân		2009	TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
243	Nguyễn Thị Ngọc Sương		2011	TỔ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
244	Đinh Thái Thuận	1988		TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F1
245	Đinh Ngọc Quý Anh		2009	TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F1
246	Đinh Ngọc Quế Anh		2014	TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F1
247	Trần Nguyễn Uyển Nghi		2004	TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
248	Lê Hữu Hiền	1979		TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.040.000		F0
249	Huỳnh Văn Đức	1966		TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.200.000		F0
250	Đinh Hùng Tính	1988		TỔ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	960.000		F0
251	Thị Lệ		1986	TỔ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	960.000		F0
252	Lâm Minh Quốc	1981		TỔ 1-Hòn Trẹm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	960.000		F0
253	Lê Thanh Tuyền	1991		TỔ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.040.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú	
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện					Tỉnh
1		2	3	4	5			6	7	8	9
254	Trần Hoàng Yến		1987	TỎ 7-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	640.000		F1
255	TÀ Kim Phụng		1993	TỎ 7-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
256	Thị Hương		1964	TỎ 7-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
257	Danh Hoàng	1968		TỎ 7-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1
258	Ngô Trúc Linh		1993	TỎ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
259	Ngô Phước Hoàng	2014		TỎ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
260	Ngô Phước Đạt	2018		TỎ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.200.000		F1
261	Trần Văn Thành	1977		TỎ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.200.000		F1
262	Thị Pét		1953	TỎ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1
263	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi		2007	Tỏ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
264	Trần Thị Thu Thủy		1995	Tỏ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
265	Huỳnh Thanh Phong	1974		TỎ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	880.000		F0
266	Lê Hữu Huấn	1989		TỎ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.040.000		F0
267	Nguyễn Văn Duy	2009		TỎ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
268	Lý Văn Đạt	2021		Tỏ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.200.000		F1
269	Lý Đại Phát	2009		Tỏ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.200.000		F1
270	La Kim Hồng		2010	TỎ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
271	Ngô Đức Quân	1961		TỎ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	960.000		F0
272	Ngô Tiểu Vi		2009	TỎ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.040.000		F0
273	Ngô Ngự Kim		2011	TỎ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.040.000		F0
274	Trần Văn Nhị	1965		TỎ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.280.000		F0
275	La Văn Ông	2008		Tỏ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5			6	7	8	9	
276	Trần Thị Ngọc Trinh		1993	Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
277	Danh Minh Quân	2021		Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
278	Nguyễn Thị Bích Quyên		2012	Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
279	Phạm Đăng Hồng Tuấn	1994		Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	560.000		F1
280	Phạm Trần Nhã Hân		2018	Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	560.000		F1
281	Hồ Điền Khang	2014		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F1
282	Lê Thu Thủy		1970	TỔ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.200.000		F0
283	Trương Văn Thành	1968		Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	560.000		F1
284	Lê Quang Trung	1957		TỔ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.200.000		F0
285	HỒ Thanh Phát	2012		Tổ 9- Bait Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	960.000		F0
286	Ngô Thị Đào	1991		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	560.000		F1
287	Trần Quốc Toản	1983		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
288	Trần Quốc Thịnh	2016		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
289	Trần Quốc Quân	2008		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
290	Nguyễn Thị Hằng		1982	TỔ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
291	Trần Thị Kim Thoa		1964	Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	560.000		F1
292	Nguyễn Ngọc Thảo		1998	Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
293	Ngô Ni	1989		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	560.000		F1
294	Trần Khang Duy	2008		Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
295	Nguyễn Tân Phát	2008		Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
296	Nguyễn Phương Ngân		2010	Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
II. Xã Hòa Điền											
297	Nguyễn Văn Khánh	1984		Tổ 7, Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
298	Vũ Trọng Nam	1985		Tổ 10, Thạnh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0
299	Đoàn Văn Quyên	1990		Tổ 7, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
300	Nguyễn Thị Xoa		1988	Tổ 7, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
301	Nguyễn Thị Khuyên		1977	Tổ 7, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
302	Đặng Văn Đức	1967		Tổ 4, Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
303	Nguyễn Thị Bích		1999	Tổ 7, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	05/12/2021	1.120.000		F0
304	Lê Văn Mỹ	1950		ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	03/11/2021	1.120.000		F1
305	Dương Kim Ngọc Dự		2018	ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	03/11/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
306	Hải Lâm	1981		Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	1.120.000		F1
307	Hải Lê	2014		Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	1.120.000		F1
308	Hải Liêm	2016		Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	1.120.000		F1
309	Nguyễn Hoàng Minh	1990		Tổ 3, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	09/11/2021	1.120.000		F1
310	Nguyễn Duy Khánh	1986		Tổ 3, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	09/11/2021	1.120.000		F1
311	Nguyễn Nhất Tâm	1994		Tổ 4, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
312	Châu Văn Đức	1965		Tổ 1, ấp Tân Điền	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
313	Vũ Thị Lại		1959	Tổ 6, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
314	Đỗ Danh Hiền	1952		Tổ 6, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
315	Đỗ Thúy Hằng		2015	Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
316	Đỗ Minh Hà		2017	Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
317	Phạm Thị Súng		1970	Tổ 4, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
318	Lê Thị Ngân Hà		1985	Tổ 1, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
319	Trịnh Văn Thịnh	1968		Tổ 2, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
320	Trịnh Thị Thủy Tiên		2001	Tổ 2, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
321	Trịnh Thị Thiên Trang		2002	Tổ 2, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
322	Châu Thá	1977		Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
323	Nguyễn Lê Khánh Toàn	2013		Tổ 4, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
324	Lê Hoàng Phúc	1980		Tổ 6, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
325	Trần Thị Nguyệt Nga		1977	Tổ 2, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
326	Nguyễn Văn Út	1960		Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
327	Nguyễn Thị Hương		1959	Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
328	Nguyễn Thị Kim Thê		1984	Tổ 2, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
329	Nguyễn Thị Hiệp		1959	Tổ 1, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
330	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc		2018	Tổ 1, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
331	Trương Minh Giàu	1972		Tổ 1, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
332	Lê Thị Cẩm Loan		1980	Tổ 1, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
333	Dương Văn Mến		1978	Tổ 1, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
334	Danh Thu Vân		1990	Tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1
335	Trần Gia Bảo	2016		Tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
336	Trần Gia Huệ		2014	Tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
337	Trần Bá Luyến	1964		Tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
338	Trần Thị Tú Bằng		2006	Tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
339	Trần Thị Càn		1955	Tổ 2, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
340	Nguyễn Anh Thư		2008	Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
341	Ngô Ái Vy		2010	Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	720.000		F1
342	Võ Minh Trí	2001		Tổ 9, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
343	Nguyễn Thanh Thanh	1997		Tổ 6, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
344	Trương Văn Khiêm	2006		Tổ 6, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
345	Trương Thái Hưng	1998		Tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
346	Trương Văn Xinh	1944		Tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
347	Trương Thị Thắm		1975	Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
348	Trịnh Thị Ly		1973	Tổ 9, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
349	Nguyễn Văn Quý	2016		Tổ 6, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
350	Trần Thạch Minh Châu		2020	Tổ 1, ấp Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
351	Nguyễn Hoài An	2003		Tổ 6, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
352	Trịnh Thị Loan		1965	Tổ 3, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
353	Nguyễn Ngọc Thanh	1988		Tổ 3, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
354	Võ Hoàng Sang	1993		Tổ 3, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
355	Lê Văn Nhân	1954		Áp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
356	Nguyễn Thị Loan		1985	Áp Thạnh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
357	Đỗ Hùng Cường	1968		Tổ 10, ấp Thạnh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
358	Giang Văn Thôm	1979		Tổ 11, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
359	Đỗ Văn Bạo	1940		Tổ 5, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
360	Trịnh Đỗ Anh Hào	2005		Tổ 5, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
361	Lương Thị Tố Nga		1975	Tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
362	Nguyễn Xuân Đào		1981	Tổ 3, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
363	Nguyễn Hồng Lụa		1988	Tổ 3, ấp Kinh 1	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
364	Điền Huỳnh Anh Xuân		2001	Tổ 2, ấp Kinh 1	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
365	Nguyễn Khải Hoàn	1999		Tổ 1, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
366	Phan Văn Tài	1996		Tổ 1, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
367	Đỗ Phúc An	1989		Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
368	Nguyễn Anh Nhơn	1986		Tổ 9, ấp Thạnh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
369	Nguyễn Ngọc Khải	1944		Tổ 7, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
370	Dương Văn Sơn	1952		Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
371	Trịnh Thị Tà		1954	Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.120.000		F1
372	Dương Duy Khánh	2015		Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.120.000		F1
373	Dương Duy Khang	2013		Tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.120.000		F1
374	Trịnh Loảnh	1990		ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
375	Huỳnh Văn Hùng	1993		ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
376	Dương Sân	1983		ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
377	La Văn Thái	1996		ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
378	Dương Tuốt	1994		ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
379	Dương Khánh Bằng	1993		ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
380	Huỳnh Văn Sanh	1977		ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
381	Nguyễn Văn Xinh	1945		Tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	560.000		F1
382	Nguyễn An Thiện	1976		Tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	560.000		F1
383	Nguyễn Lê Hà		2003	Tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	560.000		F1
384	Lê Thị Bích Hạnh		2001	Tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	560.000		F1
385	Nguyễn An Tính	2008		Tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F1
386	Phạm Kim Hòa		1947	Tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F1
387	Nguyễn Việt Nam		1987	Tổ 10, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
388	Lê Thanh Vũ	1984		Tổ 2, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
389	Nguyễn Kiều Oanh		1991	Tổ 2, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
390	Nguyễn Văn Dương	1963		Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1
391	Văn Thị Hường		1967	Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1
392	Ngô Kim Liên		1977	Tổ 7, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000		F1
393	Nguyễn Văn Đô	1989		Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000		F1
394	Nguyễn Văn Đức	1979		Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000		F1
395	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi		1999	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000		F1
396	Nguyễn Thị Huỳnh Hoa		2002	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000		F1
397	Nguyễn Văn Đạo	1991		Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
398	Nguyễn Thị Huỳnh Như		2009	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
399	Nguyễn Ngọc Quỳnh Xuân		2013	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
400	Lưu Thị Ngọc Yến		2010	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
401	Võ Thị Nhung		1997	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
402	Nguyễn Thị Huỳnh Mai		1978	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
403	Nguyễn Thị Thật		1977	Tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
404	Hồ Thị Kim Phượng		1999	Tổ 3, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F1
405	Hồ Thúy Hằng		2005	Tổ 3, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F1
406	Trần Thuận Thiên	1982		Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	560.000		F1
407	Lê Thị Giang		1985	Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	560.000		F1
408	Võ Hồ Khánh	1999		Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	560.000		F1
409	Huỳnh Thị Thiên My		1979	Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	560.000		F1
410	Nguyễn Thị Ngọc Thành		1988	Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	560.000		F1
411	Lê Đăng Hiền	1994		Tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	560.000		F1
412	Cao Văn Tuấn	1988		Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F1
413	Cao Văn Phát	1990		Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F1
414	Nguyễn Thị Quới		1993	Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F1
415	Nguyễn Văn Phương	1997		Tổ 7, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F1
416	Đoàn Văn Đạm	1998		Tổ 7, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F1
417	Trần Thị Lệ		1969	Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
418	Cao Tấn Khang	2019		Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
419	Cao Thiên Ý		2020	Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
420	Võ Thanh Tình	2013		Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
421	Võ Thị Như Ý		2013	Tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
422	Trần Ngọc Minh	1981		Tổ 1, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	560.000		F1
423	Lê Thị Kim Châu		1983	Tổ 1, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	560.000		F1
424	Trần Thị Kim Yến		2006	Tổ 1, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F1
425	Trần Thị Thùy Dương		1985	Tổ 1, ấp Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
426	Nguyễn Quốc Việt	1983		Tổ 3, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F1
427	Lư Văn Chánh	1945		Tổ 4, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F1
428	Nguyễn Tấn Sĩ	1983		Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
429	Nguyễn Tấn Trung	1965		Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
430	Huỳnh Thị Quý		1966	Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
431	Võ Thị Minh Thư		2002	Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
432	Nguyễn Huy Tài	1974		Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
433	Trương Thị Tuyết Hường		1976	Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
434	Vũ Mạnh Thông	1957		Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
435	Nguyễn Thị Thơm		1957	Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
436	Trần Thị Thu		1966	Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
437	Trần Văn Hai	1965		Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
438	Trần Văn Phái	1996		Tổ 6, Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/12/2021	560.000		F1
III . Xã Bình Trị									40.880.000		
439	Chau Phát	1983		Tổ 4 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
440	Chau Sĩ Na	1984		Tổ 4 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
441	Chau Sóc Phol	1983		Tổ 4 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
442	Chau Sơn	1988		Tổ 4 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
443	Lê Thành Đức	2008		Tổ 4 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
444	Danh Hoàng Phúc	1983		Tổ 4 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
445	Nguyễn Thị Diễm		1959	Tổ 7 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
446	Nguyễn Văn Bưởi	1952		Tổ 7 ấp Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
447	Thị Út		1972	Tổ 5 ấp Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
448	Vũ Ngọc Bích Thủy		1978	Tổ 6 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
449	Nguyễn Thành Đạt	2005		Tổ 6 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
450	Bùi Thanh Hùng	1961		Tổ 5 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
451	Võ Sao Mai	1987		Tổ 5 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
452	Ngô Minh Khánh	2012		Tổ 6 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
453	Thị Nghiễn		1967	Tổ 4 Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
454	Thị Ruol		1991	Tổ 4 Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
455	Danh Thái	1995		Tổ 4 Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
456	Ngô Minh Đăng	2013		Tổ 6 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
457	Trịnh Hoàng Trung	1978		Tổ 5 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
458	Hồng Thanh Muôn	1979		Tổ 3 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
459	Lý Văn Long	1978		Tổ 3 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
460	Bùi Thanh Cẩm	1988		Tổ 5 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
461	Trần Hoàng Anh	1972		Tổ 3 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
462	Danh Vĩnh	1996		Tổ 3 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
463	Danh Thành Phát	2016		Tổ 3 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
464	Nguyễn Thành Nhân	2008		Tổ 3 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
465	Phạm Quốc Tuấn	1980		Tổ 10 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
466	Nguyễn Huỳnh Như		2014	Tổ 6 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
467	Phạm Văn Kính	1980		Tổ 10 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
468	Dương Thị Bé		1985	Tổ 7 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
469	Nguyễn Thị Kim Tho		2004	Tổ 7 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
470	Nguyễn Thị Tú Nhi		2005	Tổ 7 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
471	Nguyễn Thị Hà My		2011	Tổ 7 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
472	Danh Thái	2008		Tổ 7 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
473	Danh Tính	2011		Tổ 7 ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
474	Nguyễn Thị Thúy Kiều		2000	Tổ 7 Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
475	Lý Thị Cẩm Tú		2010	Tổ 3 ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
476	Lý Thị Cẩm Tiên		2012	Tổ 3 ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
477	Danh Thị Cẩm Tiên		2008	Tổ 1 ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
478	Lâm Thị Mỹ Xuyên		1982	Tổ 3 ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
479	Phạm Thị Trúc Quỳnh		2003	Tổ 3 ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
480	Phạm Vi Khang		2005	Tổ 3 ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
481	Trần Kim Thi		1984	Cơ Quan UBND Xã	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
482	Dương Văn Hoàng	1976		Cơ Quan UBND Xã	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
483	Danh Phút	1986		Cơ Quan UBND Xã	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
484	Trương Trung Thật	38726		Tổ 4 ấp Hồ Bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0 (điều trị tại nhà)
485	Nguyễn Thị Ngọc My		2004	Tổ 4 ấp Hồ Bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
486	Trương Thị Như		2012	Tổ 4 ấp Hồ Bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
487	Trương Thị Ý		2014	Tổ 4 ấp Hồ Bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
488	Lai Văn Dĩ	2006		Tổ 1 ấp Hố Bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	560.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
489	Lai Văn Định	2010		Tổ 1 ấp Hố Bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.120.000		F1 (cách ly tập trung tại nhà)
IV . Xã Hòn Nghệ									63.520.000		
490	Nguyễn Thanh Thủy		1984	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.120.000		F0, cách ly tại nhà
491	Lê Văn Khánh	1999		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
492	Lê Văn Tám	1974		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.440.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
493	Phạm Thị Nở		1978	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	960.000		F0, cách ly tại nhà
494	Nguyễn Văn Cát	2004		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	960.000		F0, cách ly tại nhà
495	Huỳnh Văn Nhà Em	2003		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	960.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
496	Ngô Văn Toàn	2008		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	960.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
497	Trương Văn Trung	1975		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	800.000		F0, cách ly tại nhà
498	Danh Sang	1984		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	800.000		F0, cách ly tại nhà
499	Lê Hoàng Nam	2000		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	800.000		F0, cách ly tại nhà
500	Phan Hồng Hạnh		1965	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	800.000		F0, cách ly tại nhà
501	Thị Mỹ Vàng		1986	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	800.000		F0, cách ly tại nhà
502	Danh Thị Đa Vi		2013	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	800.000		F0, cách ly tại nhà

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
503	Lê Văn Khánh	1999		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	480.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
504	Lê Văn Tám	1974		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	480.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
505	Huỳnh Văn Nhà Em	2003		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	480.000		F1, cách ly tại nhà
506	Ngô Văn Toàn	2008		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	480.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
507	Lê Thị Vui		1967	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	480.000		F1 lên F0, cách ly tập trung
508	Nguyễn Kim Hương		1939	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	480.000		F1 lên F0, cách ly tập trung
509	Huỳnh Thị Phương		1964	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
510	Trần Thị Nương		1958	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
511	Lê Hoàng Oanh	1964		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
512	Lê Hoàng Ngoãn	1996		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
513	Lê Hoàng Lộc	1996		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
514	Đào Thị Hiền		1980	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
515	Nguyễn Thị Phương		1964	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
516	Nguyễn Thị Diễm Thùy		1991	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	26/10/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
517	Lâm Quang Cai	1950		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
518	Nguyễn Hồng Quang	1963		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
519	Huỳnh Thị Kim Tiền		1987	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
520	Lưu Vũ	1990		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
521	Mã Văn Tư	1973		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
522	Tổng Ngọc Như		1989	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
523	Võ Thị Thu Ngân		1990	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
524	Nguyễn Thị Kim Liên		1990	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
525	Đặng Thị Lê Như		1988	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
526	Nguyễn Minh Kha	1973		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
527	Nguyễn Thanh Lan		1987	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
528	Nguyễn Hoàng Phúc	1994		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
529	Huỳnh Kim Liên		1965	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
530	Nguyễn Hoàng Khoa	1987		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
531	Nguyễn Văn Tâm	1960		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
532	Nguyễn Huỳnh Tiến	2000		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
533	Nguyễn Thị Thu Tiên		1996	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
534	Nguyễn Thanh Tuyền		1989	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
535	Nguyễn Thanh Thùy		1993	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
536	Vũ Anh Kiệt	2008		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
537	Vũ Tân Nhật Nam	2012		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
538	Nguyễn Kim Ngân		2016	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
539	Nguyễn Hoàng Thịnh	2017		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
540	Nguyễn Hoàng Khang	2015		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
541	Nguyễn Chí Thanh	2018		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
542	Phạm Văn Em	1964		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
543	Mai Trọng Nghĩa	1992		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
544	Nguyễn Thị Tuyết Mai		1994	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
545	Quách Kim Trinh		1967	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
546	Phạm Mỹ Quang		1962	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
547	Trần Mỹ Xuyên		1971	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
548	Trần Thanh Sang	2000		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
549	Nguyễn Văn Đá	1977		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
550	Nguyễn Thị Bông		2007	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
551	Nguyễn Văn Nhứt	1964		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
552	Trần Quốc Trọng	1996		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
553	Nguyễn Thanh Khỏe	2009		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
554	Phạm Thanh Thao	1978		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại bè
555	Trần Trung Toán	1983		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
556	Huỳnh Thanh Đời	1983		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
557	Phan Công Anh	1979		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
558	Nguyễn Thanh Hải	1984		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
559	Vương Ngọc Tú		1983	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
560	Cao Trường Sang	1985		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
561	Phan Thị Cẩm Nhung		1986	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
562	Bùi Tiến Dũng	1986		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
563	Hoàng Đăng Hải	1986		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
564	Phạm Hồng Khanh	1966		Rạch Giá (Tàu Đò Thanh Tùng)		Rạch Giá	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
565	Dương Ngọc Báo	1957		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
566	Phạm Hồng Lực	1968		Rạch Giá (Tàu Đò Thanh Tùng)		Rạch Giá	Kiên Giang	29/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
567	Danh Thị Đa Vi		2013	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	160.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
568	Thị Mỹ Vàng		1986	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	160.000		F1 lên F0, cách ly tại nhà
569	Lâm Thị Thanh Thảo		1970	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
570	Vũ Xuân Hồng		1988	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
571	Nguyễn Thị Kim Thoa		1996	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
572	Nguyễn Thị Kim Phương Liên		1989	Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
573	Nguyễn Văn Tổng	1963		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà
574	Lý Thái Nguyên	1986		Tổ 3, Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	560.000		F1, cách ly tại nhà

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
575	Nguyễn Trung Tĩnh	1992		Tổ 3, Bãi Chàng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	03/01/2022	560.000		F1, cách ly tại nhà
576	Phạm Hoàng Nam	1994		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
577	Nguyễn Thị Như Ý		1990	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	1.120.000		F1, cách ly tại nhà
V. Xã Kiên Bình											
578	Huyền Văn Hà	25/12/1966		ấp Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.440.000		F0
579	Nguyễn Thị Sáu		01/01/1957	ấp Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.120.000		F1
580	Nguyễn Hưu Kha	1991		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.520.000		F0
581	Bùi Thị Thắm		25/09/1976	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	560.000		F1
582	Nguyễn Bùi Hà Minh		28/07/2008	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
583	Châu Quý Trình		01/01/1976	ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
584	Thị Hiêm		01/01/1946	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
585	Trần Thị Vân		1982	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
586	Thị Tol		1984	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
587	Trần Văn Phú	2004		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
588	Trần Văn Cẩm	1969		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
589	Nguyễn Văn Cháp	1980		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
590	Phan Ngọc Khả Vy		2017	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
591	Ngô Thị Ngọc Lan		2010	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F1
592	Lê Thị Thùy Trang		1989	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	800.000		F0
593	Phạm Mạc Bảo Hân		2014	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	800.000		F0
594	Mạc Văn Tài	1982		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
595	Mạc Phạm Huy Tấn	2007		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
596	Mạc Đăng Phú	1939		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
597	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		1946	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
598	Lê Hoàng Nhã	2002		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
599	Trần Minh Cường	1973		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	560.000		F1
600	Nguyễn Thị Hoàng Mỹ		2007	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.120.000		F1
601	Trương Công Mẫn	1950		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.280.000		F0
602	Nguyễn Thị Ba		1955	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.280.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
603	Tương Thị Mỹ Xuân		1989	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.280.000		F0
604	Tương Thủ Đức	03/02/2002		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.280.000		F0
605	Phạm Phương Anh		30/06/2005	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.840.000		F0
606	Tương Cao Thanh Thanh		20/11/2008	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.840.000		F0
607	Trần Thiên Sơn	20/11/1986		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
608	Bùi Thanh Thương		05/06/1989	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
609	Bùi Văn Hạnh	1968		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
610	Bùi Thị Thu Hiền		09/05/2002	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
611	Bùi Thị Đình		15/11/1979	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
612	Bùi Đình Thông	04/06/1986		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
613	Đào Thị Tình		1969	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
614	Lê Thu Liễu		1990	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
615	Bùi Lê Thảo Vy		19/11/2008	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
616	Bùi Lê Trọng Vinh	27/09/2010		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
617	Trần Thanh Trúc		21/10/20210	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
618	Trần Trúc Linh		06/04/2020	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
619	Trần Trúc Quỳnh		04/06/2012	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
620	Lê Thị Hương		1993	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
621	Quách Ngọc Đàm	01/01/1986		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
622	Nguyễn Hoàng Đạt	17/03/2011		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
623	Nguyễn Văn Lồng	1988		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
624	Quách Văn Dũng	30/04/1952		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
625	Quách Ái Trân		01/06/2006	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.200.000		F0
626	Quách Ngọc Đang	21/10/2021		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
627	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên		15/01/2018	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
628	Chao Thị Phi		09/02/1993	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
629	Chao Thị Phia		1995	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
630	Lý Anh Phước	16/07/2020		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.120.000		F1
631	Danh Hoài Lâm	07/03/2015		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.120.000		F1
632	Danh Hoài Tâm	27/09/1993		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
633	Chao Dương	1968		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
634	Châu Thị Đưa		1971	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
635	Đặng Thị Phương Trinh		30/06/2005	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
636	Đặng Thị Tố Anh		02/05/2017	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
637	Đặng Văn Tĩnh		1983	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
638	Dương Thành Tâm	10/06/1998		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	960.000		F0
639	Dương Thị Ngọc Huyền		10/04/1995	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
640	Dương Thành Sét	1973		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
641	Nguyễn Thị Phượng		01/01/1973	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
642	Nguyễn Song Huy	06/11/2017		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
643	Lâm Ngọc Ánh		16/04/1999	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
644	Dương Lâm Ngọc Giàu		24/03/2020	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
645	Lê Thị Thắm		18/05/1993	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	29/10/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
646	Trương Văn Gai	01/01/1968		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	2.000.000		F0
647	Châu Minh Thuận	19/07/2002		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	960.000		F0
648	Huỳnh Thị Thu Nhi		1980	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.520.000		F0
649	Đỗ Thị Thúy Loan		01/01/1956	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.520.000		F0
650	Nguyễn Thị Thúy Kiều		17/12/2003	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.520.000		F0
651	Châu Thu Thảo		16/04/2004	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
652	Châu Anh Tuấn	1967		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
653	Châu Ngọc Tú Anh		10/09/2021		Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
654	Hồ Văn Phong	02/11/1979		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	880.000		F0
655	Trần Quyền Trang	24/06/1990	24/06/1990	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.440.000		F0
656	Phạm Thị Năm		1954	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	880.000		F0
657	Hồ Quỳnh Anh		17/11/2012	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	880.000		F0
658	Hồ Minh Anh	20/10/2015		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
659	Hồ Minh Đức	05/06/1991		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
660	Trần Văn Cảnh	01/01/1980		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.360.000		F0
661	Ngô Tùng Hải	30/08/1983		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	800.000		F0
662	Trần Thị Út Nhỏ		07/09/1987	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.360.000		F0
663	Phan Văn Sơn	1961		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
664	Phan Văn Bình	1963		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.120.000		F1
665	Đặng Văn Long	15/07/1990		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
666	Trần Minh Hiếu	11/10/1993		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
667	Lê Thị Hà		06/06/1964	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	03/11/2021	1.120.000		F1
668	Phan Thành Phúc	19/11/1973		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	800.000		F0
669	Trang Cẩm Thúy		26/07/1974	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	800.000		F0
670	Trần Ngọc Tú Trinh		15/04/1979	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
671	Lê Chí Thành	1986		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
672	Từ Quốc Thái	09/06/2005		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F1
673	Nguyễn Văn Sến	01/01/1963		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
674	Nguyễn Thị Cẩm Tú		29/08/1999	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000		F1
675	Huỳnh Chí Thiện	01/01/1983		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.120.000		F1
676	Lê Thị Thảo Nguyên		09/05/2003	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.120.000		F1
677	Trần Thị Thanh Thảo		25/07/1984	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	560.000		F1
678	Nguyễn Ngọc Thu		1981	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	560.000		F1
679	Phan Trần Gia Bảo	24/09/2016		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F0
680	Nguyễn Thị Đáng		01/01/1985	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.200.000		F0
681	Đào Văn Thắng	1974		Kênh Chín	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1
682	Nguyễn Văn Trường An	10/08/1985		Kênh Chín	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1
683	Nguyễn Thị Mỹ Châu		1979	Kênh Chín	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1
684	Nguyễn Văn Lạc	10/07/1977		Kênh Chín	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1
685	Diệp Văn Thức	1990		ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/06/2021	1.680.000		F0
686	Nguyễn Văn Tiến	01/01/1960		ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	880.000		F0
687	Nguyễn Thị Nở		01/01/1963	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.440.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
688	Nguyễn Thị Thanh		15/04/2003	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	560.000		F1
689	Trần Trung Phát	26/12/2015		ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
690	Trương Mỹ Phương		09/01/2001	ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
691	Lê Thị Thảo		1970	ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F0
692	Lê Kim Đào		1979	ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.680.000		F0
693	Nguyễn Văn Vui	01/01/1975		ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.680.000		F1
694	Trần Văn Trọng	23/10/1989		ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000		F1
695	Nguyễn Cẩm Tho		01/03/1984	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	1.120.000		F1
696	Đoàn Thị Nhung		1972	ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
697	Võ Thành Tài	24/04/2011		ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F0
698	Phạm Thị Thảo		1976	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	960.000		F1
699	Ngô Văn Cơ	1973		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1
700	Lê Phú Mỹ	22/01/2018		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1
701	Lê Phú Tây	05/03/2019		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F0
702	Lê Phú Ta	1991		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.360.000		F0
703	Ngô Khang Tiên		29/03/1999	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	960.000		F1
704	Nguyễn Thanh Toàn	08/04/2011		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.120.000		F1
705	Nguyễn Văn Be	21/01/1976		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1
706	Trần Văn Kính	11/09/1987		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
707	Huỳnh Kim Chi		01/01/1962	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
708	Trần Văn Bền	20/02/1962		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
709	Danh Bại	1988		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
710	Trần Chí Bảo	28/07/2015		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
711	Trần Bảo Yến		07/05/2019	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
712	Nguyễn Văn Linh	04/08/1992		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
713	Dương Văn Đùm	1986		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
714	Quách Tường	12/01/2000		ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
715	Danh Thiện Nhân	06/12/2002		ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	320.000		F1
716	Lê Thị Bé		19/09/1967	ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	320.000		F1
717	Nguyễn Quách Đức Huy	28/03/2004		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F1
718	Nguyễn Quách Tuấn An	22/06/2002		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000		F1
719	Dư Mỹ Thanh		1968	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F1
720	Trần Thị Huệ		01/01/1963	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
721	Lê Minh Dũng	1986		ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F0
722	Phan Thanh Thuận	17/01/1982		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	880.000		F1
723	Nguyễn Thùy Linh		1993	ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	08/07/2021	1.120.000		F1
724	Võ Hoàng Bé	1988		ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/07/2021	1.120.000		F1
725	Trần Văn Tình	1979		ấp Công Trê	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	03/11/2021	1.120.000		F1
726	Trần Văn Xanh	1961		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
727	Võ Kim Cương		1962	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
728	Danh Ngọc Trâm		24/02/2012	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F1
729	Trần Kiều Anh		22/08/2013	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F1
730	Trần Quốc Anh	24/04/2008		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F0
731	Bùi Văn Đức	08/01/1970		ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	24/12/2021	640.000		F1
732	Mạc Thị Liên		17/12/1971	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
733	Bùi Thị Thu Hằng		06/09/2002	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
734	Lương Yến Linh		12/05/1999	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F1
735	Lương Trọng Phúc	09/02/2003		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F1
736	Danh Ngọc Triệu	24/10/2017		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F1
737	Trần Văn Vũ Linh	20/06/1989		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	560.000		F0
738	Dương Thị Tài Linh		1994	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	720.000		F1
739	Nguyễn Ngọc Phượng		1996	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
740	Ngô Thị Châm		06/01/2006	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	560.000		F1
741	Huỳnh Lê Như Ý		2019	ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.120.000		F1
742	Nguyễn Thị Nhật		18/06/1960	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000		F1
VI. Xã Sơn Hải									171.920.000		
743	Trương Đua Em	1983		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	240.000		F1
744	Mai Thị Trang		1980	Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
745	Danh Thị E'S		1980	Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
746	Lê Hùng Dũng	1988		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	560.000		F1
747	Nghiêm Ngọc Út	1989		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	560.000		F1
748	Lâm Thị Bé Xinh		1992	Tổ 4, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	560.000		F1
748	Nguyễn Thị Mỹ Tiên		2003	Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	560.000		F1
749	Bùi Trường An	1991		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	560.000		F1
749	Phạm Văn Suốt	1964		Tổ 5, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
750	Phạm Thanh Hiền	1998		Tổ 5, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
751	Nguyễn Hoàng Em	1986		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
752	Cao Văn Vũ	1970		Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
752	Võ Thị Như Liên		1972	Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
751.89	Lê Tấn Vinh	1973		Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	560.000		F1
753	Trần Văn Trung	1971		Tổ 2, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
754	Trần Kim Sen		1968	Tổ 4, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
753.91	Nguyễn Vũ Bằng	1974		Tổ 3, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
755	Huỳnh Văn Sơn	1966		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
756	Nguyễn Văn Mân	1977		Tổ 4, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
755.93	Trần Thọ Đò	1972		Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
757	Quách Văn Công	1970		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
758	Quách Văn Thành	1969		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
759	Nguyễn Sea Games	2004		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
759	Trương Hoàng Dung	1978		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
760	Trương Tấn Phong	2015		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
761	Trương Tấn Phi	2011		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
762	Sơn Ngọc Trần	1989		Tổ 2, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
763	Huỳnh Thị Thoi		1966	Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
764	Lê Quốc Giang	1979		Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F1
765	Đinh Ngọc Hùng	1974		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000		F1
766	Đinh Ngọc Tiến	1983		Tổ 1, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
767	Nghiêm Ngọc Thu	1964		Tổ 3, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	560.000		F1
768	Nguyễn Thị Lành		1972	Tổ 12, ấp Hòn Ngang	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F1
769	Phan Văn Linh	1994		Tổ 12, ấp Hòn Ngang	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F1
770	Phan Văn Vẹn	1971		Tổ 12, ấp Hòn Ngang	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F1
771	Danh Hoàng	1977		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
772	Trần Văn Hiếu	2009		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
773	Trần Văn Nghĩa	2011		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
774	Nguyễn Thị Anh Tuyết		2008	Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
775	Lê Văn Thường	1989		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
776	Nguyễn Út Lan		1988	Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
777	Trần Hữu Ngọc	1982		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
778	Trần Thị Tâm Anh		2019	Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.040.000		F1
779	Lê Văn Tuấn	1996		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
780	Thị Tài		1997	Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
781	La Minh Thám	1967		Tổ 4, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
782	Phạm Thị Kiên		1986	Tổ 5, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
783	Danh Thị Soan		1998	Tổ 9, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
784	Nguyễn Văn Trường	1984		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.680.000		F1
785	Ngô Quốc Duy	2001		Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
786	Thị Oanh		2001	Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
787	Nguyễn Ngọc Xuân		1982	Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
788	Phạm Thị Sương		1983	Tổ 6, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
789	Bùi Minh Quang	1982		Tổ 4, ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
					Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021			

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
790	Nguyễn Thu Hà		1988	Tổ 4, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.680.000		F1
791	Cải Hồng Thảo			Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021			
792	Phạm Cai Tông		1986	Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
793	Phạm Minh Nghĩa		2007	Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
794	Thị Nhảy		1981	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
795	Danh Hương		1953	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
796	Nguyễn Văn Không		1973	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
797	Nguyễn Vũ Luân		1976	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
798	Phạm Văn Khảm		2002	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.120.000		F1
799	Nguyễn Thị Mỹ Nương		1941	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.120.000		F1
800	Đặng Thị Tuyền		1990	Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
801	Phù Kim Tiền		1991	Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
802	Nguyễn Thị Thi		1991	Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	560.000		F1
803	Thị Thiên		1978	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000		F1
804	Nguyễn Phạm Thanh Đạt		1999	Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000		F1
805	Lê Thị Kim Chi		2019	Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
806	Phạm Văn Hơ		1981	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F1
807	Lê Huy Hậu		1975	Tổ 3, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F1
808	Lê Quốc Duy		2001	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F1
809	Lê Quang Lộc		1998	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
810	Lê Thị Ánh Tuyết		1992	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
811	Nguyễn Bình Minh		1963	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/11/2021	560.000		F1
812	Phạm Thanh Tý		1990	Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
813	Trịnh Văn Hưng		1984	Tổ 4, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
814	Phạm Minh Toàn		1975	Tổ 4, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
815	Trịnh Minh Ánh		1994	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
816	Dương Thị Lệ Hồng		1986	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
817	Thị Hòa		1989	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
818	Châu Văn Quy		1997	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	560.000		F1
819	Đặng Thị Nguyễn		1967	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	480.000		F1
820	Châu Thị Nhân		1997	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
821	Nguyễn Gia Huy		1965	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
822	Huỳnh Phương Anh		2003	Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
823	Bùi Quang Vinh		2005	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.680.000		F1
824	Trần Thị Trúc Ly		2007	Tổ 4, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
825	Trần Thị Mộng Trâm		2012	Tổ 4, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
826	Trần Thị Ánh		2006	Tổ 4, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1
			2010	Tổ 4, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
827	Nguyễn Phạm Như Thiện		2010	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.680.000		F1
828	Trần Mai Khanh		2010	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.680.000		F1
829	Phạm Khánh Toàn	2007		Tổ 1, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
830	Lê Hoài An	2002		Tổ 3, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
831	Nguyễn Thị Khen		1941	Tổ 4, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
832	Trần Kim Phương		1978	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
833	Nguyễn Thị Diễm		1997	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
834	Nghiêm Thị Mỹ Nương		1993	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
835	Ôn Minh Lâm	1973		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
836	Thị Dương		1983	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
837	Giang Kim Oanh		1979	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
838	Dương Văn Danh	1977		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
839	Đoàn Kim Cúc		1952	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
840	Mai Hồng Quân	1952		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
841	Dương Khá Ai		2007	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
842	Dương Quốc Duy	2017		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
843	Lê Công Hương	1963		Tổ 1, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
844	Nguyễn Ngọc Thơ	1986		Tổ 3, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
845	Lê Hữu Thọ	1992		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
846	Lê Kim Giang		1985	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
847	Võ Thị Phụng		1987	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
848	Nguyễn Thị Hồng Diệp		1970	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
849	Dương Thị Đáp		1968	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	480.000		F1
850	Bùi Thị Nhanh		1976	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	480.000		F1
851	Đặng Hoàng Đăng	2007		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	480.000		F1
852	Lê Thị Rỡ		1953	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	400.000		F1
853	Nguyễn Thị Tuyết		1971	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	400.000		F1
854	Vũ Đăng Yên Chi		2016	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	640.000		F1
855	Vũ Đăng Chi Dân	2020		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	640.000		F1
856	Dương Cẩm Hương		1973	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
857	Hồ Ngọc Phú		1984	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
858	Lưu Chí Bảo	2004		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
859	Vũ Tiến Đức	1976		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
860	Nguyễn Minh Hồ	1968		Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
861	Nguyễn Đức Tài	1994		Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
862	Nguyễn Thị Kim Tiến		2004	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
863	Nguyễn Văn Hiếu	1991		Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
864	Trần Kim Cúc		1963	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
865	Trần Minh Dũng	1960		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
866	Trần Minh Tạo	1992		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
867	Lê Thị Mỹc		1974	Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
868	Phạm Thị Thảo		1983	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
869	Trần Thị Bé Hiền		1994	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
870	Đặng Thị Âu		1953	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
871	Huỳnh Thị Phương		1982	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
872	Nguyễn Minh Sang	1990		Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
873	Trần Văn Vũ	1990		Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
874	Phan Thị Đào		1964	Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
875	Đặng Văn Phải	1945		Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
876	Tương Thị Thành			Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
877	Võ Văn Ut	1988		Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
878	Trần Văn Lo	1994		Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
879	Nguyễn Thị Tam		1960	Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
880	Ngô Thị Mạnh		1969	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
881	Trần Kiên Oanh		1978	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
882	Cao Hồng Ngọc		2002	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
883	Đinh Thị Ngọc Giàu		1991	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
884	Phạm Thị Minh Ngọc		2017	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
885	Huỳnh Hoàng Phúc	1988		Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
886	Trần Hồng Hoa		1978	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
887	Nguyễn Thị Ut	1970		Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
888	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2020		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
889	Trần Thị Phương Nghi		2008	Tổ 7, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
890	Huỳnh Quốc Dinh	2012		Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
891	Tạ Thị Mỹ Tiên		2002	Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	240.000		F1
892	Đinh Kim Liên		1990	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	240.000		F1
893	Dương Quế Trần		2019	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	240.000		F1
894	Trần Kim Ngân		2020	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	240.000		F1
895	Nguyễn Thị Nga		1958	Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.120.000		F1
896	Huỳnh Van Phên	1951		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
897	Trần Thị Minh Hồng		1983	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
898	Huỳnh Quốc Kiệt	2002		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
899	Huỳnh Gia Lạc	2007		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.120.000		F1
900	Huỳnh Gia Huy	2010		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.120.000		F1
901	Huỳnh Nhật Nam	1981		Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
902	Trịnh Văn Bình	1954		Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
903	Trần Trí Tĩnh	2010		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
904	Lê Khánh Duy	2010		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
905	Trịnh Văn Minh	1980		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
906	Phạm Thị Cẩn		1982	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
907	Trịnh Hà Thư		2009	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
908	Đặng Thiên Kim		2019	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
909	Đặng Thiên Ngân		2019	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
910	Trịnh Hà Nam	2007		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F0
911	Trần Trí Toàn	2007		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F0
912	Trịnh Thị Bích Tuyền		1984	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F0
913	Nguyễn Anh Dương		1977	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F0
914	Nguyễn Ngọc Khả Vi		2013	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F0
915	Nguyễn Hồng Ghi	1971		Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
916	Trương Minh Hiếu	1978		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
917	Ngô Thị Thiệt		1990	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
918	Nguyễn Phú Thọ	1993		Tổ 4, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
919	Huỳnh Thị Loành		1964	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
920	Trần Văn Cam	1963		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
921	Trần Thanh Ngoan	2016		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
922	Trần Huỳnh Long	2017		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
923	Nguyễn Phạm Phương Vi		2018	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
924	Trần Thị Tuyết Nhung		2012	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
925	Võ Văn Hà	2008		Tổ 6, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
926	Trần Thanh Ngân		2012	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
927	Tạ Thanh Sang	2006		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
928	Lê Thành Sang	2009		Tổ 6, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
929	Trịnh Thị Thúy Diệp		1986	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
930	Sử Công Liêm	1961		Tổ 3, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
931	Đoàn Kim Thư		1987	Tổ 3, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
932	Phạm Thị Phương		1980	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
933	Nguyễn Thị Diễm Mí		1993	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
934	Đặng Văn Mân	1984		Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
935	Dương Văn Giàu	1985		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
936	Trần Thu Hiền		1990	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F0
937	Trần Văn Khấu	2018		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	640.000		F1
938	Lâm Văn Đê	1952		Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	1.040.000		F1
939	Trần Thị Kim Thu		1969	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
940	Đặng Hoàng Khánh	2000		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1

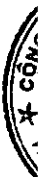
Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4		5			6	7	8	9
941	Nguyễn Văn Hùng	1984		Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	560.000		F1
942	Nguyễn Thanh Hải	2007		Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F1
943	Danh Thị Cẩm Hồng		1988	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	240.000		F1
944	Trần Văn Trung	2014		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F1
945	Trần Thị Thu Ró		1965	Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	560.000		F1
946	Đinh Đăng Khoa	2017		Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F1
947	Trần Thị Ngọc Diệp		2019	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		F1
948	Danh Minh Phước Thịnh	2010		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		F1
949	Danh Minh Khang	2008		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		F1
950	Đinh Hữu Thiện	2016		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		F1
951	Lê Phước Sang	1988		Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
952	Nguyễn Thị Huệ		1975	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
953	Lê Ngọc Yên		2011	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		F1
954	Trần Bảo Trung	1993		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
955	Phạm Ngọc Bích		1975	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
956	Lê Văn Sơn	1969		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		F0
957	Trần Trung Tĩnh	2003		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	560.000		F1
958	Trần Văn Khang	2008		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	1.120.000		F1
959	Vũ Thanh Hải	2005		Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	560.000		F1
960	Vũ Trần Thanh Hằng		2014	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	1.120.000		F1
961	Vũ Thanh Tùng	1968		Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	560.000		F1
962	Trần Thị Tuyết Mai		1972	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	800.000		F0
963	Thị Bé Năm		1988	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	800.000		F1
964	Danh Ngọc Bảo Ngân		2019	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	720.000		F1
965	Danh Ngọc Bảo Trân		2012	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	800.000		F0
VII. KHU ĐIỀU TRỊ TRUNG TÂM Y TẾ + NHÀ THIỂU NHỊ HUYỆN											
966	Hà Gia Mỹ	1999		Kp Cu Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	2.320.000		F0
967	Trần Kim Hui		1993	Bãi Ôt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.520.000		F1
968	Đào Thị Hoàng		1993	Tổ 3	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.520.000		F1
969	Sơn Tuấn	1992		Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.040.000		F1
970	Dương Thị Kim Thoa		1988	Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.520.000		F1
971	Nguyễn Thành Được	1988		Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.040.000		F1
972	Nguyễn Dương Ngọc Trần		2019	Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.520.000		F1
973	Lương Quốc Thương		2016	Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện				
1	2	3	4	5			6	7	8	9
974	Cb Dương Thị Kim Thoa		2021	Tổ 8 - Mũi Dừa -	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.040.000		F1
975	Trần Tấn Văn	1976		Tổ 2- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
976	Trần Thị Ngọc Mai		2019	Tổ 2- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
977	Dương Tường			Tổ 2 -Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.440.000		F1
978	Danh Hùng			Tổ 2 -Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
979	Dương Chương			Tổ 2 -Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
980	Phạm Minh Luân	2017		Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.600.000		F1
981	Nguyễn Thị Minh Tâm		2012	Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.360.000		F1
982	Nguyễn Thị Phiếp		1969	Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.760.000		F1
983	HuỠnh Thành Long	1994		Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.680.000		F1
984	HuỠnh Thành Hương	1970		Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.600.000		F1
985	Thị Thu	1965	1965	Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
986	HuỠnh Trí Tài	1995		Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
987	Danh Thị Thủy	1997	1997	Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
988	HuỠnh Văn Phát	1997		Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
989	HuỠnh Bảo Anh	2019	2019	Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
990	Phan Văn Nhi	1992		Tổ 2 - Lung Lớn -	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
991	Hà Văn Bình	1999		Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
992	Dương Sanh	1998		Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
993	HuỠnh Tấn Tài	1997		Tổ 5 -Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
994	Triệu Thị Xuân Hương		1983	Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
995	Hồ Thị Đầu		1970	Tổ 5 -Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
996	Phạm Thị Hương		1965	Giồng Kè	Bình Giang	Hòn Đát	Kiên Giang	960.000		F1
997	Cao Thị Thanh		1992	Giồng Kè	Bình Giang	Hòn Đát	Kiên Giang	1.600.000		F1
998	Đỗ Thanh Đô	1986		Tổ 3 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F1
999	Đỗ Nguyên Hương		2011	Tổ 3 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
1000	Nguyễn Thị Nhung		1982	Tổ 3 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
1001	Võ Thị Đài		1968	Tổ 6 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.520.000		F1
1002	Cao Thị Huệ		1985	Giồng Kè	Bình Giang	Hòn Đát	Kiên Giang	880.000		F1
1003	Cao Trần Minh Thư		2020	Giồng Kè	Bình Giang	Hòn Đát	Kiên Giang	1.520.000		F1
1004	Nguyễn Hoàng Phúc	1995		Ngô Quyền	Rạch Giá	Kiên Giang	Kiên Giang	880.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điền trù, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1005	Hà Văn Diệt	1994		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	480.000		F1
1006	Cao Hoàng Duy	2009		Giông Kè	Bình Giang	Hòn Đất	Kiên Giang	29/10/2021	1.360.000		F1
1007	Cao Thiên Kim		2019	Giông Kè	Bình Giang	Hòn Đất	Kiên Giang	29/10/2021	720.000		F1
1008	Lê Thị Ngọc Linh		2000	Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/10/2021	400.000		F1
1009	Nguyễn Thị Kiều Tiên		1986	Tổ 7 - Lũng Lớn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	640.000		F1
1010	Trần Kim Thủy		1987	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1011	Nguyễn Thị Hồng Đăng		1997	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	800.000		F1
1012	Lý Kim Vân		1993	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1013	Trần Quốc Tuấn	2004		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1014	Trần Quốc Toàn	1999		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1015	Hà Thị Dôn		1967	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1016	Lý Thị Kim		1943	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	800.000		F1
1017	Hồng Thị Xinh		1972	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	1.360.000		F1
1018	Trần Thị Hoàng		1959	Tổ 17 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1019	Trần Thị Lan		1976	Tổ 17 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1020	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		1996	Tổ 17 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1021	Ngô Tấn Lương	1996		Tổ 17 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1022	Ngô Gia Hân			Tổ 17 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	240.000		F1
1023	Nguyễn Trương Khắc Huy	1996		Tổ 1B - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1024	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		1980	Tổ 25 - Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1025	Trần Văn Lành	1994		Tổ 12 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1026	Trần Hồng Văn	1962		Tổ 12 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1027	Hà Thị Anh Thư		1997	Tổ 12 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1028	Dương Thị Thúy An		1995	Tổ 12 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1029	Đông Chi Nhân	2010		Tổ 12 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1030	Trần Văn Thi	1986		Tổ 3 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1031	Phạm Ánh Quân		1986	Tổ 3 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1032	Phù Cơ Tín	1993		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	720.000		F1
1033	Phù Nguyễn Phú Hiền	2018		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	720.000		F1
1034	Hà Mỹ Linh		1998	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.200.000		F1
1035	Lâm Gia Bảo	2016		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.440.000		F1
1036	Dương Minh Sơn	1998		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1037	Lý Văn Sài	1966		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	160.000		F1
1038	Chau Mỹ	2002			Bình An	Thị Tôn	An Giang	01/11/2021	1.760.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1039	Lâm Thị Kim Ngân		1980	Tổ 18 - Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	1.120.000		F1
1040	Lương Thị Vân		1963	Tổ 18 - Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	1.120.000		F1
1041	Né Ang Sóc Khon		1974			Tri Tôn	An Giang	11/01/2021	1.760.000		F1
1042	Nguyễn Anh Tuấn	1992		Tổ 18 - Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	1.120.000		F1
1043	Nguyễn Thanh Xuân	1960		Tổ 18 - Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	1.120.000		F1
1044	Vũ Đình Bảo	1992		388/39	Nguyễn Bình Khiêm	Rách giá	Kiên Giang	11/01/2021	1.120.000		F1
1045	Nguyễn Thị My		1989	Tổ 4 - Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/02/2021	240.000		F1
1046	Nguyễn Thị Ngân		1979	Tổ 4 - Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/02/2021	1.040.000		F1
1047	Thị Hạnh		1981	Tổ 4 - Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/02/2021	400.000		F1
1048	Trịnh Văn Thắng	1992		Tổ 4 - Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/02/2021	240.000		F1
1049	Cao Thị Hiền		1981	Tổ 11 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	1.200.000		F1
1050	Huỳnh Chí Hào	2003		Tổ 5 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	1.600.000		F1
1051	Kim Thị Ma Ly		1966	Tổ 4 - Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	1.200.000		F1
1052	Lê Thị Thủy		1979	Tổ 11 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	960.000		F1
1053	Nguyễn Thị Loan		2002	Tổ 5 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	480.000		F1
1054	Nguyễn Thị Thu Anh		1956	Tổ 5 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	320.000		F1
1055	Phan Văn An	1990		Tổ 5 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	320.000		F1
1056	Phan Văn Tuấn	1991		Tổ 5 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	320.000		F1
1057	Thạch Ngọc Nữ		2009	Tổ 5 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	1.200.000		F1
1058	Tổng Văn Tuấn	1982		Tổ 14 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	1.040.000		F1
1059	Trần Văn Kết	1955		Tổ 5 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/03/2021	320.000		F1
1060	Danh Bên	1960		Tổ 4 - Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1061	Dương Thị Bé Nở		1995	Tổ 6 - Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	960.000		F1
1062	Huỳnh Thị Ngọc Bích		1983	Tổ 6 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.520.000		F1
1063	Huỳnh Thị Thương	1984		Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1064	Lê Thị Kiều Tiên		2004	Tổ 15B - Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1065	Lê Thị Tuyết Nhung		1977	Tổ 15B - Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.520.000		F1
1066	Lữ Đăng Trường	1995		Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1067	Ngô Thanh Hiếu	2006		Tổ 11 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	880.000		F1
1068	Ngô Thanh Nhựt	2008		Tổ 11 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.680.000		F1
1069	Ngô Thị Kim Ngân		2014	Tổ 11 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.680.000		F1
1070	Nguyễn Minh Thái	2013		Tổ 6 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.120.000		F1
1071	Nguyễn Thị Bé		1962	Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.520.000		F1
1072	Nguyễn Thị Tuyền		1973	Tổ 2 - Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.120.000		F1
1073	Phù Xế Sơn	1963		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1074	Tạ Thị Ngọc Quỳnh		2009	Tổ 6 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1075	Tổng Lê Gia Bảo	2017		Tổ 11 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.120.000		F1
1076	Tổng Thúy Hằng		2007	Tổ 11 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	1.520.000		F1
1077	Trần Thị Ngọc Tiên		2010	Tổ 6 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1078	Võ Thanh Hiền	1986		Tổ 14 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1079	Võ Thị Bé Xuyên		2011	Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	240.000		F1
1080	Danh Thị Ánh		1971	Tổ 10 - Núi Trầu	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/05/2021	480.000		F1
1081	Huỳnh Văn Thuận	1995		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/05/2021	1.440.000		F1
1082	Ngô Thị Mai		1994	Tổ 10 - Núi Trầu	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/05/2021	480.000		F1
1083	Nguyễn Thanh Hải	1969		Mạc Cừu	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/05/2021	320.000		F1
1084	Trần Thị Mỹ Liên		2002	Tổ 10		Kiên Lương	Kiên Giang	11/05/2021	320.000		F1
1085	Bùi Vũ Trường	2002		Tổ 7 - Kp Hòa Lập		Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	320.000		F1

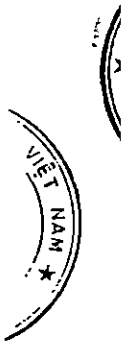


Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1086	Đào Huỳnh Như		1995	Tổ 24 - Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	720.000		F1
1087	Đào Thị Phúc		1993	Tổ 1 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1088	Đỗ Văn Hoàng	1951		Tổ 3 - Lung Lớn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	880.000		F1
1089	Dư Ánh Tuyết		1991	Tổ 36- Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	960.000		F1
1090	Lâm Ngọc Diên	1995		Tổ 1 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1091	Lê Văn Thanh	1970		Tổ 9	Phường Bình San	TP. Hà Tiên	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1092	Lê Văn Tuấn	1985		Tổ 9	Phường Bình San	TP. Hà Tiên	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1093	Lưu Thị Xuyên		1955	Tổ 4 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	1.200.000		F1
1094	Ngô Thanh Sơn	1974		Tổ 5 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1095	Nguyễn Thị Hạnh		1969	Tổ 5- Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	1.440.000		F1
1096	Nguyễn Thị Ngọc Yến		1995	Tổ 16 - Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	880.000		F1
1097	Nguyễn Thị Phương		1970	Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1098	Nguyễn Thị Tha		1962	Tổ 3 - Lung Lớn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	880.000		F1
1099	Nguyễn Thị Thuồng		1977	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	1.360.000		F1
1100	Nguyễn Thị Tuyết Hoa		1964	Tổ 5- Cống Tre	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1101	Nguyễn Văn Tâm	1951		Tổ 4 - Song Chính	Bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	1.200.000		F1
1102	Phạm Văn Hiên	2000		Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1103	Phan Nguyễn Kiều Trang		2017	Tổ 5- Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1104	Phan Văn Bảy	1967		Tổ 5- Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	1.840.000		F1
1105	Trần Phước Yên	1986		Tổ 5- Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1106	Trần Thị Lệ Thu		1965	Tổ 5- Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/06/2021	240.000		F1
1107	Danh Nam	1997		Tổ 7 - Xua Đũa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/07/2021	240.000		F1
1108	Lê Bá Thuận	1971		Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/07/2021	240.000		F1
1109	Tăng Văn Quyết	1997		Tổ 2 - Trà Phở	Phú Mỹ	Kiên Lương	Kiên Giang	11/07/2021	240.000		F1
1110	Bùi Ngọc Strong		2000	Tổ 9 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1111	Bùi Ngọc Diệp		1970	Tổ 9 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	960.000		F1
1112	Bùi Ngọc Quý	2003		Tổ 9 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	1.360.000		F1
1113	Hồ Minh Tâm	1980		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1114	Hồ Minh Trí	2012		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1115	Lâm Thị Xuân Lan		1979	Tổ 18- Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1116	Lê Lâm Ngọc Tín	2008		Tổ 18- Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1117	Lê Ngọc Trinh		2003	Tổ 18- Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	880.000		F1
1118	Nguyễn Thị Ánh Ngọc		1987	Tổ 9 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	960.000		F1
1119	Nguyễn Thị Bích Ngọc		1983	Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1120	Nguyễn Thị Hồng		1939	Tổ 7 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	240.000		F1
1121	Nguyễn Thị Lan		1961	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1122	Sầm Thị Tích Thủy		1981	Kpkiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	1.200.000		F1
1123	Tạ Như Ngọc		2009	Tổ 7 - Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1124	Thị Ai		1984	Kpkiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	1.200.000		F1
1125	Trần Thanh Tâm	1984		Tổ 3 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1126	Trần Thị Diệu		1986	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1127	Trần Văn Cồn	1943		Tổ 3 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1128	Trần Yến Nhi		2020	Tổ 3 - Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	160.000		F1
1129	Trịnh Minh Khánh	2014		Tổ 10 - Núi Trâu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	240.000		F1
1130	Trịnh Thanh	1994		Núi Trâu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	240.000		F1
1131	Trịnh Xai	1974		Tổ 10 - Núi Trâu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	240.000		F1
1132	Châu Thị Hạc		1962	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	1.200.000		F1
1133	Chiêmthị Yến Trang		2009	Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	1.120.000		F1
1134	Đặng Minh Ngọc	1978			Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1135	Danh Kiểm	1989			Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1136	Danh Oanh	1984			Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1137	Dương Lâm Ngọc Thảo		2007	Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1138	Hầu Thị Ánh Nguyệt		1995	Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1139	Huỳnh Gia Bảo	2005		Tổ 7 - Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	1.120.000		F1
1140	Lại Hoàng Nam	1985		Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1141	Lâm Thị Dếch		1974	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1142	Lâm Thị Đức		1972	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1143	Lâm Thị Sang		1978	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1144	Ngô Long Hiệp	2003				Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1145	Nguyễn Thị Ngọc Hoa		1985	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1146	Nguyễn Thị Quấn		1994	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	1.280.000		F1
1147	Nguyễn Trí Linh	1999			Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1148	Phạm Đức Thành	1993		Kp Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	1.120.000		F1
1149	Phạm Gia Mỹ	2002		Kp Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	560.000		F1
1150	Phạm Thanh Nhân	1985		Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1151	Phạm Thị Hải Yến		1999	Kp Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1152	Phạm Thị Tâm		1981	Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1153	Phạm Thị Thu Dung		1989	Kp Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1154	Trần Kim Oanh		2006	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1155	Trần Công Nguyễn	1989		Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	1.120.000		F1
1156	Trần Quốc Hưng	2005			Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1157	Trần Thị Trúc Linh		2005	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	80.000		F1
1158	Trần Tuấn Cảnh	1992			Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	160.000		F1
1159	Cao Văn Bảo	1992		Hòn Hèo	Sơn hải	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.200.000		F1
1160	Châu Thị Hươi		1968	Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.200.000		F1
1161	Danh Sà Lun		1985	Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.600.000		F1
1162	Danh Thanh Bình	2015		Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1163	Dương Thành Đạt	2015		Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1164	Dương Thành Năng	2012		Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1165	Dương Đước	1986		Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1166	Dương Nguyễn Thanh Nam	2017		Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1167	Dương Nguyễn Thảo Nguyên		2017	Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1168	Dương Thị Bông		1992	Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.680.000		F1
1169	Dương Thị Kim Thúy		2010	Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1170	Dương Thị Sóc		1955	Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1171	Lâm Ngọc Hường	2015		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.120.000		F1
1172	Lâm Ngọc Sỹ	1963		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.120.000		F1
1173	Lâm Văn Nhó	2020		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.120.000		F1
1174	Nguyễn Đình Lượng	2001		Tổ 6 - Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1175	Nguyễn Đức Thế	1997		Tổ 6 - Kp Ba Hòn		Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.600.000		F1
1176	Nguyễn Thị Châu Hà		2001	Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.040.000		F1
1177	Nguyễn Thị Yên		1973	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.120.000		F1
1178	Đặng Thị Lụa		1991	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	960.000		F1
1179	Trần Thị Thanh Thúy		2000	Tổ 36 - Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1180	Bùi Thị Nguyệt		1984	Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.040.000		F1
1181	Châu Thủy		1995	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	880.000		F1
1182	Danh Thị Hinh		1959	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	880.000		F1
1183	Dương Tý	2002		Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	880.000		F1
1184	Hồ Thanh Quân	2001		Kênh 6	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	240.000		F1
1185	Huỳnh Ngọc Thị		1985	Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	320.000		F1
1186	Huỳnh Văn Em	1959		Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	320.000		F1
1187	Nguyễn Kim Phi	1980		Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	880.000		F1
1188	Nguyễn Minh Trí	2009		Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	320.000		F1
1189	Nguyễn Thị Rót		1940	Tổ 2, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	320.000		F1
1190	Phan Văn Nghĩa	2005			Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	320.000		F1
1191	Trần Thị Thu Hằng		1974	Tổ 2, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	320.000		F1
1192	Trịnh Thị Khinh		1935	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	960.000		F1
1193	Huỳnh Giao Linh		1967	Tổ 7 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	80.000		F1
1194	Huỳnh Thị Mụi		1987	Ngã Tư,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	80.000		F1
1195	Nguyễn Hiền Sĩ	1965		Tổ 2 - Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	160.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1196	Nguyễn Văn Chúc	1981		Tổ 14, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	240.000		F1
1197	Trần Thị Ánh Hồng		1985	Tổ 14, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	240.000		F1
1198	Đoàn Thị Liễu		1954	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	80.000		F1
1199	Lê Thị Mộng Trinh		1994	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	80.000		F1
1200	Trần Quang Thái	1977				Quận Thốt Nốt	Tp. Cần Thơ	16/11/2021	160.000		F1
1201	Danh Ben	1987		Tổ 6, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	720.000		F1
1202	Huỳnh Ngọc Hiếu	1993		539,	Mạc Cửu -	Rạch Giá	Kiên Giang	17/11/2021	800.000		F1
1203	Huỳnh Thị Mỹ Tiên		1983	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1204	Lý Trọng Nhân	2005		Tổ 7, Hòn Chông,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	720.000		F1
1205	Lý Văn Đáng	1979		Tổ 6, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	720.000		F1
1206	Lý Văn Giàu	1966		Tổ 6, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	720.000		F1
1207	Nguyễn Phi Truyền	1980		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1208	Nguyễn Thị Trúc Lan		1983	204	Nguyễn Bình Khiêm	Rạch Giá	Kiên Giang	17/11/2021	720.000		F1
1209	Phan Hòa Bình	1975		Tổ 2, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	720.000		F1
1210	Phù Quốc Hùng	1975		Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	480.000		F1
1211	Phù Thọ Cang	1934		Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	480.000		F1
1212	Dương Thị Tám		1959	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	720.000		F1
1213	Huỳnh Lê Khang	2000			Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	640.000		F1
1214	Trần Chí Khải	2001		22 Lê Quý Đôn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	640.000		F1
1215	Danh Vũ Trần	2006		Hòn Heo	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	400.000		F1
1216	La Thành Em	1983		Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
1217	Nguyễn Công Thành	1983		Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
1218	Trần Đình Sang	2003		Tổ 39 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1219	Trần Thị Hà		1974	Tổ 7 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	560.000		F1
1220	Lê Minh Công	1975		Tổ 8 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	320.000		F1
1221	Lê Thị Mai Hương		1990	Tổ 14 - Khu Phố Ba Hòn-	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	880.000		F1
1222	Nguyễn Chí Thanh	2003		Tổ 14 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	880.000		F1
1223	Nguyễn Thị Kim Ngân		1964	Tổ 14 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	80.000		F1
1224	Nguyễn Văn Mến	1992		Tổ 14 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	880.000		F1
1225	Vi Thị Ngọc Bích		1991	Tổ 14 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	880.000		F1
1226	Cao Thị Thanh Thúy		1988	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1227	Châu Thị Hồng		1958	Tổ 1 - Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1228	Hầu Văn Sanh	1973		Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	320.000		F1
1229	Huỳnh Hân		2021	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1230	Lương Thị Kim Huê		1968	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	80.000		F1
1231	Nguyễn Thị Hiền		1962	Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1232	Nguyễn Thị Tú Anh		14.01.2020	Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1233	Nguyễn Văn Xứng	1952		Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	480.000		F1
1234	Phan Thanh Ly		1989	Giồng Kè	Bình Giang	Hòn Đất	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1235	Phan Thị Kiều Trinh		1987	Tổ 3 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1236	Phan Văn Mỹ	2000		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1237	Thái Thị Ba		1955	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	480.000		F1
1238	Trần Hồ Chánh	1993		Tổ 4, Hòn Chông,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	320.000		F1
1239	Trần Thị Hiền		2001	Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1240	Đinh Ngọc Nhi		2020	Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1

1/01/21
1/21

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1241	Dương Cánh	1992		Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1242	Dương Thị Anh Thơ		2018	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1243	Dương Thị Kên		1970	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1244	Dương Thị Minh Thư		2016	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1245	Dương Thị Sương		1992	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1246	Hồ Ngọc Trân		1977	Kp Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1247	Lâm Minh Hoàng	1968		Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	400.000		F1
1248	Lê Nhật Hoàng Lan	2016		Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1249	Lê Thị Quỳnh Hoa		1992	Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1250	Lý Hồng Mai		1988	Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1251	Ngô Ai Vy		2010	Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1252	Ngô Thị Mai		1994	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	80.000		F1
1253	Ngô Tường Lâm	1957		Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1254	Ngô Văn Thắng	1978		Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1255	Nguyễn Ngọc Nhã Đan		2020		Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1256	Nguyễn Thị Hung		1939	Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1257	Nguyễn Thị Xuyên		1971	Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1258	Phan Mỹ Ngọc	1995				Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1259	Phan Văn Mến	1987		Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	80.000		F1
1260	Phan Văn Quý	1995		Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	80.000		F1
1261	Trần Thị Huệ		1950		Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	560.000		F1
1262	Trịnh Thị Tư		1940	Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	80.000		F1
1263	Lê Bá Thuận	1971		Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	480.000		F1
1264	Lê Thị Ngọc Nữ		1995	Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	320.000		F1
1265	Nguyễn Lê Hương Giang		2015	Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	320.000		F1
1266	Dương Thắng		1971	Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1267	Dương Thị Diệp		1963	Hòn Trẹm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1268	Từ Hữu Đức	1965		Sóc Sơn	Hòn Đất	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	160.000		F1
1269	Võ Thị Kim Phượng		1955	Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	240.000		F1
1270	Hồ Thị Thu Thủy		1976	Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1271	Lê Chí Thiện	2003		Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1272	Lê Thuận Thành	1995		Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1273	Nguyễn Minh Chơn	1950		Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1274	Nguyễn Thị Nhâm		1934	Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1275	Nguyễn Thiên Kim		2020	Tổ 8 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	240.000		F1
1276	Nguyễn Thiên Phúc	2016		Tổ 8 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1277	Phạm Thanh Bình	1995		Tổ 8 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1278	Phạm Thị Mỹ Tiên		2004	Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1279	Phan Văn Phương	1981			Núi San	Châu Đốc	An Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1280	Sử Anh Tuấn	1972		Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1281	Sử Di	1949		Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1282	Sử Di Bách	2008		Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.280.000		F1
1283	Trần Điền Y Phụng		2004	Tổ 8 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.040.000		F1
1284	Nguyễn Thị Thu		1963		Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	320.000		F1
1285	Nguyễn Thị Út		1952	Tổ 9 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1286	Phan Văn Sơn	1961			Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	320.000		F1
1287	Danh Hoàng	1977		Vàm Rầy	Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1288	Dương Hen	1990			Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1289	Dương Thanh Điệp	1993		Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.520.000		F1
1290	Huỳnh .T .Tuyết Mai		1963	Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1291	Huỳnh Văn Sanh	1977		Hòa Điền	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1292	Lê Công Bình	1984		Hòa Điền	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1293	Lê Hoàng Việt	1970		Tổ 9- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
1294	Lê Sơn Hải	1975		Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1295	Lê Trung Trọng Nhân	2020			Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1296	Lê Văn Cứng	1996		Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	640.000		F1
1297	Lê Văn Thương	1989			Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
1298	Ngô Minh Giang	2003		Tổ 5 - Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1299	Ngô Văn Dũng	1980		Tổ 5 - Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5			6	7	8	9	
1300	Nguyễn Ánh Tuyết		2005	Hòn Héo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	640.000		F1
1301	Nguyễn Khải Minh	2019		Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
1302	Nguyễn Thị Khánh		1959	Tổ 32- Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1303	Nguyễn Út Lan		1988		Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1304	Nguyễn Văn Út	1975		Khu Phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.760.000		F1
1305	Phạm Thị Bé Bảy		1956	Tổ 9 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1306	Phạm Thị Yên		1996	Hòa Giang	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1307	Thái Thanh Quý	2013		Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1308	Thái Thị Thắm		1989	Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.760.000		F1
1309	Thị Nhái		1975	Núi Tàu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1310	Thị Oanh		2001	Vàm Rầy	Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1311	Thị Tài		1997	Hòn Héo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	640.000		F1
1312	Trần Văn Nghĩa	2011			Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1313	Trần Hữu Ngọc	1982			Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1314	Trần Minh Triệu	2016		Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1315	Trần Phi Hùng	1955		Tổ 9 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1316	Trần Thanh Huệ		1996	Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1317	Trần Văn Hiếu	2009			Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1318	Trần Văn Tài	1980		Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1319	Trần Văn Thông	2001			Bình Sơn	Hòn Đất	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1320	Cao Tấn Đạt	2013		Tổ 9 - Ấp Càng	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1321	Cao Văn Phát	1990		Tổ 9 - Ấp Càng	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1322	Nguyễn Công Đoàn	1993		Khu Phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1323	Nguyễn Ngọc Kha Ly		2019	Khu Phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1324	Nguyễn Thị Tuyết Quyên		1996	Khu Phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1325	Phạm Thị Ngoan		1990	Cổng Cà	Vĩnh Diêu	Kiên Thành	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1326	Phan Thị Hồng Xuyên		1980	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1327	Trần Thị Ba		1936	Kinh 9	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1328	Nguyễn Chí Nhớ	1990		TỔ 18, HỀM 25	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.600.000		F1
1329	Nguyễn Ngọc Thúy		1968	Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.360.000		F1
1330	Nguyễn Thị Ái Mỹ		2013	TỔ 18, HỀM 25	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F1
1331	Nguyễn Thị Chúc Ly		1991	TỔ 18, HỀM 25	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F1
1332	Huỳnh Thị Mót		1972	TỔ 18,HỀM 25-Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	160.000		F1
1333	Đặng Thành Thật	1981		Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	640.000		F1
1334	Dương Thị Mạnh		1957	Tổ 1 - Ba Núi	Bình an	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	160.000		F1
1335	Nguyễn Chí Tâm	2010		Tổ 18,HỀM 25-Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.520.000		F1
1336	Nguyễn Thành Dũng	1976		Tổ 20, HỀM 28, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	640.000		F1
1337	Nguyễn Văn Hiền	1970			Bình an	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	640.000		F1
1338	Nguyễn Thị Thu		1963	Tổ 2 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	12/01/2021	240.000		F1
1339	Lê Hùng Phương	1971				Thoại Sơn	An Giang	12/01/2021	1.120.000		F1
1340	Nguyễn Văn Sơn	1961		Tổ 2 - Kiên Sơn		Kiên Lương	Kiên Giang	12/01/2021	240.000		F1
1341	Huỳnh Đức	1996		Tổ 20 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	400.000		F1
1342	Phanthị Thấy		1961	Tổ 20 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.040.000		F1
1343	Trần Thị Lắm		1944	Khu Phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.040.000		F1
1344	Hoàng Thị Trúc		1986	Hòn Hèo	Sơn hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	960.000		F1
1345	Huỳnh Anh	1965		Cty CỔ PHẦN Xi Măng Hà Tiên	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	320.000		F1
1346	Lê Thị Hằng		1983	Tổ 20 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	400.000		F1
1347	Nguyễn Bé Ba		1981	HỀM 33 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	960.000		F1
1348	Nguyễn Ngọc Ái		2018	HỀM 33 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5			6	7	8	9	
1349	Nguyễn Thị Hai		1951	Tổ 20 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	400.000		F1
1350	Phan Hoàng Trúc Ly		2010	Hòn Hèo	Sơn hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	960.000		F1
1351	Trần Văn Kha		1966	Tổ 17 - Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	960.000		F1
1352	Trần Cẩm Tú		1985	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	80.000		F1
1353	Quách Hoài Văn		1985	Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	4/12/2021	80.000		F1
1354	Võ Thị Thảo		1960	Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	4/12/2021	1.120.000		F1
1355	Châu Hoàng Tài		1998	Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F1
1356	Dương Văn Hải		1974	Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F1
1357	Nguyễn Thị Vân		1981	Hẻm 7 - Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F1
1358	Trần Thị Khôn		1958	Hẻm 7 - Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F1
1359	Lý Ngọc Hương		1957	Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000		F1
1360	Nguyễn Phạm Tuấn Anh	2018		Tổ 4 - Hòa Lạc	Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.040.000		F1
1361	Nguyễn Thị Kha Y		1999	Tổ 7 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.040.000		F1
1362	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh		2011	Tổ 4 - Hòa Lạc	Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.040.000		F1
1363	Phạm Hoàng Sơn	1992		Tổ 7 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.040.000		F1
1364	Phạm Thị Phương		1990	Tổ 4 - Hòa Lạc	Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.040.000		F1
1365	Phan Tấn Đạt	2002		Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1
1366	Tăng Thị Huệ		1985	Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.040.000		F1
1367	Tô Thị Hương		1963	Tổ 9B - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.040.000		F1
1368	Trần Ngọc Phi		1962	Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	560.000		F1
1369	Dương Lê Thu Trang		2008	Tổ 26 - Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.440.000		F1
1370	Dương Phương Thảo		2010	Tổ 26 - Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1371	Lê Thị Giây		1952	Tổ 1 - Lung Lớn		Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.200.000		F1
1372	Lê Thị Hồng Hạnh		1978	Tổ 26 - Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	960.000		F1
1373	Nguyễn Thị Út		1946	Tổ 12 Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	480.000		F1
1374	Châu Kim Tiếng		1997	Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1375	Đặng Thị Bình		1974	Tổ 32 Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1376	Diệp Thu Long		1988	Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1377	Diệp Thủy Tiên		2015	Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1378	Hồ Chí Nghĩa	1970		Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.520.000		F1
1379	Huỳnh Kim Huệ		1966	Tổ 9 - Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1380	Huỳnh Thị Thu Sương		1968	Tổ 11 - Khu Phố Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1381	Lương Quốc Tài	2007		Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1382	Nguyễn Trường Cửu	1980		Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1383	Nguyễn Văn Xuân	1946		Tổ 9 - Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1384	Phan Quốc Tịnh	1998		477 Nguyễn Chí Thanh	Rạch Sỏi	Rạch Giá	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1385	Thái Thị Tám		1975	Tổ 12 Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F1
1386	Thái Thị Thu Nguyệt		1979	Tổ 12 Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1387	Thái Thị Thu Thủy		1981	Tổ 12 Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	480.000		F1
1388	Trương Anh Hào	2020		Tổ 24 Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.280.000		F1
1389	Võ Thị Phúc		1984	Tổ 24 Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1390	Vũ Ngọc Pha Lê	2005	2005	Tổ 32 Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
1391	Vũ Ngọc Trung Dương	2001		Tổ 32Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
1392	Vũ Ngọc Vắn	1967		Tổ 32Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
1393	Châu Thị Sánh		1986	Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.040.000		F1
1394	Đặng Thị Ngọc Diệp		1970	Tổ 1 - Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.360.000		F1
1395	Đinh Thai Phen	1948		Tổ 8	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1396	Đoái Hoàng Út	1970		Tổ 36 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1397	Dư Mỹ Diệu		1973	Tổ 4 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	320.000		F1
1398	Dư Thị Tư		1934	Tổ 4 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	320.000		F1
1399	Huỳnh Thanh Cường	1973		Tổ 17- Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1400	Huỳnh Thị Liễu		1998	Tổ 8 - Khu Phố Hòa Lấp	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1401	Lâm Kiều Trinh		1974	Tổ 36 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1402	Lâm Thị Lai		1935	Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lấp	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	80.000		F1
1403	Lương Tấn Nam	1970		Tổ 4 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.360.000		F1
1404	Lương Trương Huy	2009		Tổ 4 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1405	Nguyễn Lan Anh		2012	Tổ 24 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1406	Nguyễn Thị Đầm		1961	Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	160.000		F1
1407	Phạm An Nhiên		2019	Tổ 4 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1408	Phạm Thị Thu Ba		1970	Tổ 8 - Khu Phố Hòa Lấp	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1409	Phạm Văn Hùng	1997		Tổ 4 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1410	Tạ Văn Xe	1947		Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	240.000		F1
1411	Tổng Thị Chiếu		1987	Tổ 4 -Ba Núi	Bình AN	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1412	Trần Quốc Khánh	2008		Tổ 24 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.360.000		F1
1413	Võ Ngọc Truyền	1981	Nữ	Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	160.000		F1
1414	Võ Văn Cần	1991		Tổ 4 - Hòa Giang - Hòa Điền	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1415	Huỳnh Thị Tím		1983	Tổ 4, Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	80.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1416	Nguyễn Thị Kim Thoa		1944	Tổ 7 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.040.000		F1
1417	Nguyễn Tuấn Kiệt	1985		Tổ 4, Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	80.000		F1
1418	Dương Thị Hiền		1983	Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	560.000		F1
1419	Huỳnh Gia Vĩ	2002		Tổ 11 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	880.000		F1
1420	Nguyễn Hoàngthanh	1956		Tổ 16 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	640.000		F1
1421	Nguyễn Ánh Dương		2014	Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	560.000		F1
1422	Tạ Thanh Trúc		1980	Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	1.040.000		F1
1423	Lương Mỹ Dung		1972	Tổ 4 - Cờ Trống	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	80.000		F1
1424	Lương Yến Linh		1999	Tổ 4 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1425	Nguyễn Hòa	1984		Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	480.000		F1
1426	Nguyễn Ngọc Tiểu My		2007	Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	480.000		F1
1427	Nguyễn Văn Hòa	2002		Tổ 4 - Cờ Trống	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	480.000		F1
1428	Nguyễn Văn Thiện	1972		Tổ 4 - Cờ Trống	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	80.000		F1
1429	Huỳnh Thanh Thúy		1975	Tổ 18 - Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	160.000		F1
1430	Trần Thị Thu Diễm		2011	Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.040.000		F1
1431	Việt Quốc Sơn	1975		Tổ 18 - Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	160.000		F1
1432	Huỳnh Công Thiên	1969		Tổ 12 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1433	Lộc Thị Hiền		1996	Khu Phố 2		TP. Hà Tiên	Kiên Giang	13/12/2021	320.000		F1
1434	Lộc Thị Phương		1997	Khu Phố 2		TP. Hà Tiên	Kiên Giang	13/12/2021	320.000		F1
1435	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		1990	Tân Điền	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	80.000		F1
1436	Nguyễn Thị Trúc Ly		1996	Tổ 1 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	80.000		F1
1437	Thị Đet		1963	Tổ 3 - Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1438	Thị Sang		1979	Tổ 3 - Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1439	Lê Thị Dung		1952		Bình Giang	Honf Đất	Kiên Giang	14/12/2021	160.000		F1
1440	Nguyễn Thị Bích Đào		1983	Tổ 4 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	160.000		F1
1441	Nguyễn Thị Mỹ Tiên		1967	Tổ 2- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	160.000		F1
1442	Nguyễn Vàng Ký	2020		Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1443	Phạm Hoàng Tuấn	1970		Tổ 18 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	960.000		F1
1444	Phạm Hoàng Tuấn	1970		Tổ 18 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	960.000		F1
1445	Phạm Hồng Bích		1983	Tổ 5 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	240.000		F1
1446	Phạm Thị Cẩm Loan		1996	Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	240.000		F1
1447	Phạm Tuấn Kiệt	2015		Tổ 18 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	960.000		F1
1448	Thị Pha		1962	Tổ 5 - Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	320.000		F1
1449	Trần Thị Liên		1991	Tổ 5 - Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	320.000		F1
1450	Trần Văn Xiên	1988		Tổ 3 - Kiên	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	240.000		F1
1451	Từ Thị Kim Mụi		1989	Tổ 18 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	960.000		F1
1452	Từ Thị Kim Muội		1989	Tổ 18 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	960.000		F1
1453	Lê Văn Khá	2019		Tổ 7 - Giồng Kề	Bình Giang	Hòn Đất	Kiên Giang	15/12/2021	80.000		F1
1454	Nguyễn Thị Mai	2004	NỮ	Tổ 3 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	80.000		F1
1455	Phan Thị Liên		1968	Tổ 7 - Giồng Kề	Bình Giang	Hòn Đất	Kiên Giang	15/12/2021	80.000		F1
1456	Trần Thị Cuối		1957	Tổ 1 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	80.000		F1
1457	Võ Hoàng Linh	1994		Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F1
1458	Võ Thị Thúy		1996	Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F1
1459	Nguyễn Thị Hồng		1969	Tổ 2 - Song Chính	Song Chính	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	80.000		F1
1460	Hồ Phương Bảo	1988		Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	80.000		F1
1461	Huỳnh Thị Hồng		1968	Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	160.000		F1
1462	Huỳnh Thị Huyền		1955		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.040.000		F1
1463	Nguyễn Văn Hà	1965		Tổ 7 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	80.000		F1
1464	Nguyễn Văn Tách	1966		Tổ 2 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	80.000		F1
1465	Phạm Thị Diễm Kiều		2010	Tổ 4 - Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	480.000		F1
1466	Phạm Văn Lăng	1980		Tổ 4 - Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	480.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1467	Thoa Kim Chi		1979	Tổ 4 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	160.000		F1
1468	Trần Thị Huồi		1981	Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.040.000		F1
1469	Trịnh Thị Kim Hường		1961	Tổ 7 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	80.000		F1
1470	Hồ Thị Xuyên		1996	Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	320.000		F1
1471	Hoàng Thị Thương		1997	Tổ 8 - Khu Phố Hòa Lập -	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	160.000		F1
1472	Huỳnh Thị Cẩm Vân		1986	Tổ 14 - Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1473	La Thái Sơn	1946		Tổ 7 - Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1474	Lâm Hoàng Khang	2019		Tổ 8 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1475	Lâm Minh Nhiều	1989		Tổ 8 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1476	Lê Hoàng Long	1988		Tổ 14 - Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1477	Lư Thị Lan		1952	Tổ 7 - Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1478	Lý Hồ Việt Trung	2015		Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1479	Nguyễn Nhựt Bình	1980		Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	160.000		F1
1480	Nguyễn Thanh Đoàn	1985		Tổ 16 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	80.000		F1
1481	Tổng Anh Tuấn	1986		Tổ 13 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
1482	Trần Thanh Dung		1995	Tổ 3 - Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	400.000		F1
1483	Dương Thị Mỹ Ngó		1977	Tổ 3 - Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	960.000		F1
1484	Huỳnh Văn Sáng	1966		Tổ 15 - Khu Phố Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	960.000		F1
1485	Lê Hoàng Xuân Thụy		1997		Kinh Cùng - Phụng Hiệp - Tỉnh Hậu Giang	-Phụng Hiệp - Tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	18/12/2021	960.000		F1
1486	Ngô Thị Lựu		1985	Tổ 6 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	960.000		F1
1487	Nguyễn Anh Khoa	1979		Tổ 5 - Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	960.000		F1
1488	Danh Minh Nhựt	1998		Công An Huyện Kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	160.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1489	Danh Trọng	1998		Công An Huyện Kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	160.000		F1
1490	Hồ Ngọc Dũng	1977		Tổ 4 - Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	320.000		F1
1491	Nguyễn Ngọc Trung	1978		Tổ 9 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	80.000		F1
1492	Nguyễn Thị Thu Hà		1970	Tổ 4 - Hòn	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	320.000		F1
1493	Bùi Trung Du	1982		Tổ 24 - Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	800.000		F1
1494	Dương Kim Liên		1975	Tổ 7 - Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	800.000		F1
1495	Kiều Long Biên	1981		Tổ 24 - Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	800.000		F1
1496	Lê Thanh Phong	1981		Tổ 24 - Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000		F1
1497	Lê Văn Mạnh	1983		Tổ 24 - Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000		F1
1498	Lưu Tùng Lâm	2015		Tổ 24 - Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	800.000		F1
1499	Lưu Tùng Quán	2017		Tổ 24 - Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	800.000		F1
1500	Lý Hoàng Thà	1994		Tổ 13 - Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	160.000		F1
1501	Nguyễn Thị Thanh Hoa		1983	Tổ 8 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	880.000		F1
1502	Phạm Quốc Việt	1982		Tổ 8 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	880.000		F1
1503	Phan Văn Đình Phú Trọng	2012		Tổ 6 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	880.000		F1
1504	Trần Thị Thương		1983	Tổ 24 - Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	800.000		F1
1505	Nguyễn Ngọc Nhi		1970	Tổ 3 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	80.000		F1
1506	Nguyễn Văn Tho	1969		Tổ 3 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	80.000		F1
1507	Phạm Huỳnh Anh	2011		Tổ 8 - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	880.000		F1
1508	Danh Kim Thám		2001	Tổ 7- Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1509	Đình Phương Nam	1985		Tổ 13 - Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	1.840.000		F1
1510	Nguyễn Hải Đăng	1996		Tổ 37 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1511	Nguyễn Hải Hồ	1988		Tổ 37 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1512	Nguyễn Thái Bình Dương	1984		Tổ 35 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1513	Nguyễn Thị Kim Lài		1994	Tổ 3 - Khu Phố Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1514	Thị Mỹ		2004	Tổ 3 - Rạch Đùng - Bình Trị		Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1515	Thị Thùy		1996	Tổ 5 - Giồng Kê - Bình Giang		Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1516	Trần Kim Cúc		1963	Tổ 8-Hòn Hèo - Sơn Hải		Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1517	Trần Minh Dũng	1960		Tổ 8-Hòn Hèo - Sơn Hải		Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	1.040.000		F1
1518	Trần Thùy Dương		2006	Tổ 35 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1519	Vũ Đặng Chi Dân	2020		Tổ 7-Hòn Hèo - Sơn Hải		Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1520	Vũ Tiến Đức	1976		Tổ 7-Hòn Hèo - Sơn Hải		Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1521	Vũ Đặng Yến Chi		2016	Tổ 7-Hòn Hèo		Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	400.000		F1
1522	Hồ Thị Chi		1969	Tổ 6 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	80.000		F1
1523	Huỳnh Minh Thư		2002	Tổ 3 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	320.000		F1
1524	Nguyễn Thị Ngọc Kiều		1997	Tổ 1 -Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	80.000		F1
1525	Trần Văn Thái	1990		Tổ 6 - Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	80.000		F1
1526	Lê Thị Vui		1967	Bãi Chướng	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	320.000		F1
1527	Đặng Thúy Diệu		1985	Tổ 7 - Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	320.000		F1
1528	Danh Vinh	2000		Tổ 7 - Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	320.000		F1
1529	Lê Thị Hạnh		1949	Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/12/2021	480.000		F1
1530	Lê Thị Nho		1990	Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/12/2021	480.000		F1
1531	Nguyễn Văn Hoàng	1973		Tổ 30- Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/12/2021	160.000		F1
1532	Nguyễn Văn Thành	1993		Tổ 30- Khu Phố Cư Xá-	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/12/2021	160.000		F1
1533	Thị Thêm		1958		Phú Mỹ	Giang thành	Kiên Giang	23/12/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1534	Thị Vương		1996		Vĩnh Điều	Giang thành	Kiên Giang	23/12/2021	240.000		F1
1535	Nguyễn Trường Giang	1985		Tổ 20- Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/12/2021	400.000		F1
1536	Tăng Quốc Vũ	1965		Tổ 36 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/12/2021	400.000		F1
1537	Huỳnh Lộc Thọ	1995		Tổ 4 - Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	320.000		F1
1538	Huỳnh Thanh Vân		1952	Tổ 4 - Ba Núi		Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	320.000		F1
1539	Lưu Thành Hiếu	1996		Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	80.000		F1
1540	Võ Thị Ngân		1972	Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	80.000		F1
1541	Huỳnh Thanh HẢI	1969		Kp. Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	80.000		F1
1542	Lưu Thành Hiếu(Con Kim Nhung)	1996		Kp.Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	80.000		F1
1543	Nguyễn Kim Nhung		1966	Kp.Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	80.000		F1
1544	Võ Thị Ngân(VỢ Huỳnh Thanh HẢI)		1972	Kp. Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	80.000		F1
1545	Vũ Quốc Nam	1987				An Minh	Kiên Giang	26/12/2021	160.000		F1
1546	Vũ Xuân Dũng	1971		Tổ 6 - Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	320.000		F1
1547	Nguyễn Hoa Hồng		1964	Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	160.000		F1
1548	Trần Thị Dệt		1968	Tổ 36 - Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	80.000		F1
1549	Huỳnh Thị Kim Loan		1961	Tổ 10 - Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/12/2021	80.000		F1
1550	Chao Hạnh	1961		Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	80.000		F1
1551	Thị Sửu		1962	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	80.000		F1
1552	Trần Thị Triệu		1967	Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	80.000		F1
1553	Trần Đình Tuấn	1970		Kp Cư Xá, Ttkl	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	03/11/2021	2.720.000		F1
1554	Huỳnh Văn Ngổng	1952		Kp Ngã Ba, Tt Kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1555	Chao Thone	2002		Song Trinh,	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1556	Danh Ni	1998		Áp Hòn TrEm,	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1557	Trương Ngọc Phát	2016		Kp Cư Xá-	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1558	Huỳnh Văn Tý	1994		Kp Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1559	La Thành Ân	1994		Ấp CỎ TRẮNG,		Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1560	Lê Chí Nguyễn	2001		Ấp Ngã Tư,		Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1561	Nguyễn Văn Lan	1982		Ấp Ngã Tư,		Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1562	Nguyễn Thanh Long	1979		TỔ 7, Kp Hòa LẬP	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1563	Lâm Quang Trung	1991		Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1564	Nguyễn Văn Tý	1984		Ấp Ngã Tư		Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.360.000		F1
1565	Nguyễn Tiến Hưng	2005		TỔ 7, Kp Hòa LẬP	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.360.000		F1
1566	Phạm Minh Tuấn	1984		TỔ 7, Kp Hòa LẬP	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.360.000		F1
1567	Huỳnh Chấn Khang	2010		RẦY MỎI,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.360.000		F1
1568	Dương Thị Tám		1959	Ấp CỎNG Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	640.000		F1
1569	Dương Thị Oanh		1957	Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1570	Huỳnh Khả Hân		2017	Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1571	Huỳnh Thị Diễm Kiều		2004	Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1572	Phan Thị Minh Trân		1997	Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1573	HỒ Như Quỳnh		2000	Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1574	Huỳnh Thị Em		1969	TỔ 7, Kp Hòa LẬP	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1575	Trần Thị Quý Liên		1972	TỔ 7, Kp Lò Bom		KV 8	TP QUY NHƠN	11/11/2021	1.040.000		F1
1576	Lê Thị Kim Long		1963	TỔ 7, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1577	Chương Thị Phụng		1969	Ấp RẦY MỎI	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1578	Huỳnh Mỹ Lan		1970	Ấp RẦY MỎI	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.360.000		F1
1579	Lâm Thị Xuân Đào		1989	Kp Cư Xá	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1580	Thị Dung		1990	Ấp RẦY MỎI	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F1
1581	Trần Thị Nal		1973	TỔ 5, Hòn Chông,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1

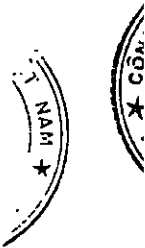
Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1582	TỔng ViỆt ThẮng	1987		TỔ 10, ThẠnh LỢi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.280.000		F1
1583	Hoàng Văn ĐỨc	1962		TỔ 6, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.280.000		F1
1584	TrẦn Thanh ĐẦy	1994		Ấp CỜ TrẮng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.280.000		F1
1585	NguyỄn Văn Sắg	1982		TỔ 6, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1586	Hoàng Trĩnh Minh KỶ	2000		TỔ 6, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1587	TrẦn ViỆt Hùng	1991		TỔ 6, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1588	Lê Văn Lâm	1979		TỔ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1589	Dương HỒng Dương	1981		HỀm 23, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1590	Lê Kim Xuyên		1999	Karaoke BẦY BẢo	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.440.000		F1
1591	Trĩnh Thị Thiệן		1961	TỔ 6, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.280.000		F1
1592	NguyỄn Thị ĐưỚc		1975	TỔ 6, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.280.000		F1
1593	Trương Thị MỸ Uyên		1998	TỔ 6, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.280.000		F1
1594	HuỠnh Thị LỆ		1970	TỔ 8, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.280.000		F1
1595	Dương Thị Bé Hà		1999	TỔ 1, Tà Sắg	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1596	Dương Thị KiỂu Như		2020	TỔ 1, Tà Sắg	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1597	TrẦn Chúc Đạn		1982	TỔ 5, Hòn Chông	Bình AN	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1598	TrẦn NgỌc Hân		2015	TỔ 5, Hòn Chông	Bình AN	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1599	NguyỄn Thị Liền		1991	TỔ 5, Ấp Lung LỚn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1600	NguyỄn TrẦn ĐỨc Duy	1994		Kp Cư Xá MỚi	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	320.000		F1
1601	Lý Thị Hương		1976	HỀm 23, TỒ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.760.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1602	Trần Thị HẠNH		1973	HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.760.000		F1
1603	Dương Văn BẢO Anh	2010		TỔ 1, KIẾN Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1604	Trương Đua Em	1983		TỔ 1, Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1605	Phạm Vũ Trường	2003		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1606	Tăng Hoàng MẠNH	1995		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1607	Lê Ngọc THẮNG	2003		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1608	Dương Văn Tài	1960		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1609	Huỳnh Phước Thanh	1982		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.360.000		F1
1610	Tăng Thành Khang	2018		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1611	Lý Văn Bé	1954		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1612	Lý Văn Út	1992		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1613	ĐỖ Minh Sang	1979		HỀm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1614	ĐỖ Danh Hiệp	1986		Ấp Thạnh LỢI,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.360.000		F1
1615	Nguyễn Văn Linh	2009		TỔ 5, Ấp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1616	Huỳnh Thị HỒNG		1982	TỔ 25 Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1617	Nguyễn Thị Lài		1988	TỔ 63 Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1618	Nguyễn Thị ChẮc		19767	Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.200.000		F1
1619	Nguyễn Thị Lan Anh		2005	TỔ 1, KIẾN Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1620	Dương Thị MỸ Nga		1979	TỔ 1, KIẾN Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1621	Phạm Thị Huê		1960	TỔ 8, Kp Kiên	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1622	Lý Thị HẰNG		1979	TỔ 8, Kp Kiên	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.360.000		F1
1623	Lê Thị Bé Sáu		1979	TỔ 8, Kp Kiên	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1624	Lâm Thị Trinh		1967	TỔ 8, Kp Kiên	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1625	Lê Thị Bình		1977	TỔ 8, Kp Kiên	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1626	Nguyễn Thị YẾN Phương		2006	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1627	Nguyễn Thị MỸ Anh		2012	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1628	Lê Ngọc Kiều		2005	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1629	Ngô Bảo Trâm		2017	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1630	Lý Thanh Hiền		2014	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1631	Phan Thùy Trang		1997	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1632	Trương Kim Loan		1968	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1633	Võ Thị Kiều Tuyết		1998	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1634	Phan Thị Sơn		1950	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1635	Tăng Thiên Tuệ		2020	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1636	Phạm Thị Đen		1956	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1637	Lý Thị Loan		1982	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1638	Lý HỒNG VỆ		2010	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1639	Lý HỒNG Mãi		2014	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1
1640	Đặng Thị Thu Hiền		2009	HỀM 23, TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	880.000		F1

10/11/2021
 10/11/2021

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1641	Trương Thị Bé Hai		1985	Hẻm 23, TÔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.520.000		F1
1642	Trần Thanh Đức	1944		ấp Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	560.000		F1
1643	Trần Thanh Đức	2016		ấp Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	560.000		F1
1644	Trần YẾN Nhi		2014	ấp Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	560.000		F1
1645	LẠI Thị Thanh Phương		1993	ấp Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	560.000		F1
1646	Phan Thị Cúc		1949	ấp Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	560.000		F1
1647	Nguyễn Hoàng Huy	2003		TÔ 5, CỎ TRẮNG	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.040.000		F1
1648	Nguyễn Hà Nam	1997		TÔ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	80.000		F1
1649	Trương Dương Kha	1998		TÔ 7, CỎ TRẮNG	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	560.000		F1
1650	Phạm Công Trung	1983		ẤP BÀI GIẾNG	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	560.000		F1
1651	Phạm Gia Mỹ		2005			Long An	Kiên Giang	15/11/2021	1.040.000		F1
1652	Huỳnh Thanh Long	1987		Cư Xá K Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	960.000		F1
1653	Trương Minh Sanh	2009		TÔ 8 Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	960.000		F1
1654	Lâm Thị Xuân Lý		1985	TÔ 18 Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	960.000		F1
1655	Trịnh Thị BẢY		1969	TÔ 6 Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	960.000		F1
1656	Nguyễn Thị Kim Luyến		1984	HỀM 3 Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.520.000		F1
1657	Ong Thị Kim Ngân		2001	ẤP BÀI GIẾNG, Bình An	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.280.000		F1
1658	Huỳnh Văn ĐẠT	1978		ẤP Kinh 9	Bình Giang	Hòn Đất	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1659	Nguyễn Thanh MÃN	2000		Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1660	Ngô Văn ĐẠT	2004		CỎ TRẮNG	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	320.000		F1
1661	Nguyễn Minh Điền	2002		CỎ TRẮNG	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	320.000		F1
1662	Tiền Nhí	2005		CỎ TRẮNG	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	320.000		F1
1663	Nguyễn Thị Cánh		1978	ẤP Kinh 9	Bình Giang	Hòn Đất	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1664	Tô Thị Kiều Nương		1982	ấp Hòn Chông	bình an	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1665	Nguyễn Thị Như Ngọc		2009	ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1666	Thạch Thị Bích TIỀN		2004	Hòa LẬP	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	960.000		F1
1667	Nguyễn Văn Sơn	1988		Ba Hòn, K1	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	960.000		F1
1668	Hoàng Anh Tú	1997		TÔ 1 Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	960.000		F1

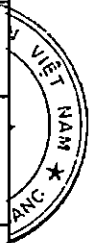


Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1669	Trần Thanh Ý Nghĩa	2000		ấp Hòn Heo	son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	400.000		F1
1670	Thị Tâm		1983	ấp Hòn Heo	son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	400.000		F1
1671	Thị Phiệt		1993	ấp Hòn Heo	son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	400.000		F1
1672	Thị Sen		2005	ấp Hòn Heo	son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	400.000		F1
1673	Trần Thị Ngà		2005	ấp Hòn Heo	son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	400.000		F1
1674	Dương T. Trà My		2001	ấp Hòn Heo	son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	400.000		F1
1675	Huỳnh Thị PhưỢng		1968	TỔ 14,Tám ThuỐc	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1676	Lê Thị Kim Chi		1983	TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1677	Phạm Thị Kiều My		2010	TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1678	Nguyễn Thị Kim Ngân		2001	TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1679	Nguyễn Thị CẨM Tú		2020	TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1680	Trần Nguyễn CẨM My		2013	TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1681	Phạm Tấn Phương	1996		TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1682	Phạm Văn Ron	1969		TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1683	Phù Tấn Đạt	2020		TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1684	Huỳnh Thanh Phong	2004		TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1685	Nguyễn Văn Hiều	1989		TỔ 6 ,ấp Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1686	Trần Văn Nghĩa	2006		TỔ 8, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	960.000		F1
1687	Lê Việt Triều		1972	Cty TNHH HẢI Châu	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	880.000		F1
1688	Danh Vũ ĐẦY	2004		ẤP Hòn Heo	Son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1689	Danh Vũ Trảng	2006		ẤP Hòn Heo	Son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1690	Danh Trọng	2003		ẤP Hòn Heo	Son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1691	Danh Thị TỎ Ngà		2000	ẤP Hòn Heo	Son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1692	Trần Thị Tâm Anh		2019	ẤP Hòn Heo	Son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1693	Thị Ra		1973	ẤP Hòn Heo	Son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1694	Danh Thị Lan		2008	Ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1695	Danh Thị Huệ		2010	Ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1696	Trần Thị Kim Anh		2018	Ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	240.000		F1
1697	Lê Thành Trung	1977		TỔ 7, Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	320.000		F1
1698	Phạm Văn Tươi	1999		TỔ 8 Hòa Điền	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	320.000		F1
1699	Phan Văn Phú	1972		TỔ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1700	Phạm Văn Khánh	2001		Ba Núi	bình an	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1701	Võ Minh Thuận	1996		Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1702	Lý Sóc Na	1992		Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1703	Nguyễn Văn Vọng	1966		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1704	Nguyễn Khắc Nghĩa	1977		Tám Thuộc	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1705	Dương Thay	1992		Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	240.000		F1
1706	Lâm Văn Cu	1970		Ấp Ba	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1707	Nguyễn Văn Minh	2008		TỔ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1708	Nguyễn Văn Hà	1956		TỔ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1709	Lý Thị Diệu		1960	Ấp Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1710	Vũ Thị Hằng		1983	TỔ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1711	Lê Hồng Anh		1987	ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1712	Nguyễn Thị Việt		1971	ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1713	Nguyễn Nhật Bình		2000	ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1714	Trần Thị Ngọc Nhi		2007	ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1715	Huỳnh Như Yến		2004	ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	320.000		F1
1716	Vũ Đình Hiếu	1994		TỔ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	960.000		F1
1717	Danh Ngọc Phương	1997		Rạch Đùng	bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.200.000		F1
1718	Phượng Minh Thắng	1981		Rạch Đùng	bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.200.000		F1
1719	Huỳnh Thị Thu Hương		1950	Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.200.000		F1
1720	Nguyễn Thúy Hằng		2002	TỔ 10, CỜ TRẮNG	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1721	Lương Thị Kim Ngọc		2001	TỔ 20, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	560.000		F1
1722	Lê Thị CẨM Thúy		1948	TỔ 8, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1723	Trần Thị Kim Anh		2019	TỔ 20, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1724	Dương Thị Bích Trang		1976	HỀM 30, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1725	Nguyễn Thị Dung		1968		TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1726	Nguyễn Tú Anh		2016		TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1727	Lê Thị Mỹ Huệ		1967	HỀM 3, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1728	Vương Ngọc Thu		1939	TỔ 2, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1729	Phan Ngọc Lan Phương		1971	TỔ 2, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1730	Phan Ngọc Phương Thu		1997	TỔ 2, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1731	Trần Thị Phương		1991	TỔ 4, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1732	Lê Thị CẨM Thúy		1948	Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1733	Trương Thị Phương		1973	Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1734	Huỳnh Thị Duyên		1978	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1735	Nguyễn Thị Giang		1975	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1736	Trương Thanh Thủy		1968	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1737	Dương Thị Sậy		1975	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1738	Phạm Thị Xuyên		1954	Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1739	Nguyễn Thị Loan		1979	Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1740	Trần Thị Cẩm		1976	Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1741	Võ Thị Thúy Nhung		1981	Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1742	ĐỖ Thị Phi		1977	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1743	Trần Thị Thơm		2012	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1744	Trần Thị Kim Anh		2019	Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1745	Nguyễn Thúy HẢO		2008	TỔ 10,CỜ TRẮNG Hòa Điền	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1746	Nguyễn Thị BIẾT		1989	Ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1747	Lê Thị Ánh Tuyết		2007	Áp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1748	Nguyễn Thị Hiền		1982	Áp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.360.000		F1
1749	Nguyễn Thị Phương		1988	Áp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.360.000		F1
1750	Dương Thị Đẹp		1963	Áp ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1751	Quách Nhật Khôi	2011		Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1752	Võ Văn Nghĩa	2019		Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1753	Lâm Văn Toàn	2011		Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1754	Nguyễn Văn Long	1963			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1755	Lê Tấn Lợi	2004		Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1756	Nguyễn Phan Hoàng Anh	2021		Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1757	Trần Gia Bảo	2014		Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1758	Trần Bảo Nhân	2018		Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1759	Nguyễn Lê Hùng	1978		Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1760	Trần Nguyễn Minh Tú	2009		Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1761	Trần Văn Minh	1989		Khu phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1762	Lê Văn Hoàng	1971		Khu phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1763	Lâm Kim Thành	1975		Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1764	Trần Thanh Tú	1988		Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1765	Nguyễn Thanh Tấn	1995		Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1766	Phan Văn Đồng	1990		Áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1767	Danh Tý	1992		Ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1768	Danh Tích	1985		Ấp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1769	Trần Văn Nhựt	1974		Khu phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1770	Trần Hoài Anh	2017		Khu phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1771	Phan Quốc Kiệt	2007		Ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1772	Phan Quốc Đan	2015		Ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1773	Dương ThẮng	1971		Ấp Tà Sắng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1774	Trần Hải Đăng	2011		Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.280.000		F1
1775	Nguyễn Thị CẨM Thu		1966	Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.040.000		F1
1776	Nguyễn Minh Duy	2000		Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	800.000		F1
1777	Nguyễn Thị TuyẾT Nhung		1999	Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F1

H. A. 10.2021/11

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1778	Phạm Thị Sâm		1992	Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F1
1779	Võ Thị Tuyết		1968	Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	2.240.000		F1
1780	Trung Thiên Ân	32Th		Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F1
1781	HỒ Văn Tiến	1968		Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F1
1782	Nguyễn Văn Trai	1975		Ấp Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F1
1783	Huỳnh Trọng Quý	1997		Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F1
1784	Lê Thanh Hiền	2002		Kp Xà Nghách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1785	Phạm Văn Quỳnh	1990		Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1786	Võ Văn Tường	1984		Ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1787	Nguyễn Văn Mãi	1980		Ấp Tà Săng	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1788	Lâm Bá Ninh	1970		Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1789	Nguyễn Lê Quang	1970		Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1790	Võ Thị Hiệp		1968	Khu phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1791	Nguyễn Thị Hồng Nga		1978	Ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1792	Nguyễn Ngọc Kim Ngân		1996	Ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1
1793	Trần Thị Thảo		1965	Ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F1

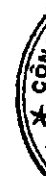


Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1794	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		2008	Ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
1795	Thị Tài		1997	Ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
1796	Thị NgQC		2000	Ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
1797	Nguyễn Thị Lan		1991	Ấp Kinh 1	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.440.000		F1
1798	Phan Thị Mỹ Nương		1985	Ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.440.000		F1
1799	Nguyễn Thị Thu		1966	Ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	2.080.000		F1
1800	Lê Văn Tuấn	1996		Ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
1801	Trần Kim Bảo	2014		Ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.200.000		F1
1802	Trần Hồng Anh	1970		Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.440.000		F1
1803	Phan Văn Sơn	1961		Ấp Hòn Heo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	2.080.000		F1
1804	Nguyễn Văn Thuận	1984		TỔ 9, Kp Kiên Tân		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1805	Phan Thanh Hùng	1982		TỔ 15, Kp Kiên Tân		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1811	Quách Văn Thiện	2000		Kp Ngã Ba, Ttkl		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1812	Nguyễn Văn Cơ	1999		Bình An, Hòn Chông		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1813	Danh Khỗi	1984		Ba Núi, Bình An		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F1
1814	Dương Thị Mạnh		1985	Tổ 1, Mo So, Tt Kiên Lương, Kiên Lương, Kiên Giang		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	240.000		F1
1815	Lâm Thị Mộc Ly		1992	Kp Ngã Ba, Ttkl		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1816	Danh Thị Mỹ Duyên		2002	Ba Núi, Bình An		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1817	Nguyễn Thị Minh Châu		1970	TỔ 9, Kp Kiên Tân		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1818	Trần Thị Mộng Thu		1980	Hòa Điền, Ttkl		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1819	HỒ Thị Thúy An		2007	Hòa Điền, Ttkl		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	960.000		F1
1820	Danh Thị Mỹ Duyên		2012	Ba Núi, Bình An		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F1
1821	Danh Khỗi	1984		Ba Núi, Bình An		Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F1
1822	Nguyễn Văn Huệ	1963		Cư Xá		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	160.000		F1
1823	Võ Thị Huệ Nương		2006	Ấp Càng		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	160.000		F1
1824	Lê Thị Cẩm Thúy		1985	Kp Kiên Tân		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	160.000		F1
1825	Lê Hùng Phương	1971		Thoại Sơn		Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	160.000		F1
1826	Bùi Thanh Kim Huệ		1985	Ấp Càng		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1827	Võ Thị Huệ Hương		2006	Ấp Càng		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1828	Võ Thị Diễm Trinh		2014	Ấp Càng		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1829	Dương Thị Mến		1978	Ấp Càng		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1830	Thái Thị Nguyệt Anh		2012	Ấp Càng		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1831	Lê Hữu Duân	1985		TỔ 5, Kp 8 Thước		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1832	Võ Thanh Tiễn	2011		Ấp Càng		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1833	Nguyễn Trọng Hiếu	1999		TỔ 4, Xã Bình An		Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F1
1834	Nguyễn Bích Xuân		1990	Kp Cư Xá		Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1835	Trần Thị Ngọc Bích		2001	Ấp Hòa Giang		Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F1
1836	Châu Như Huỳnh		2007	Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F1
1837	Phạm Tấn Đợi	1985		Hẻm 16, Kp 8 Thước,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F1
1838	Lê Hồng Pháp	1994		Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F1
1839	Lê Gia Bảo	2016		Kp Cư Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F1
1840	Trần Văn Trường	1986		TỔ 7, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	880.000		F1
1841	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	2015		TỔ 2, Ấp Kiên Thanh,	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F1
1842	Nguyễn Trường Đệ	1985		TỔ 2, Ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.440.000		F1
1843	Trương Văn Sang	2005		TỔ 1, Ấp Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	880.000		F1
1844	Lý Hải Sơn	1968		Kp Cư Xá		Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	320.000		F1
1845	Đặng Thị Thu Sương		1990	TỔ 18, Kp Kiên Tân,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.280.000		F1
1846	Đặng Thanh Tiền		2020	TỔ 18, Kp Kiên Tân,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1847	Châu Mộng Thúy		1989		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1848	Lê Thị Ba		1951	TỔ 18, Kp Kiên Tân,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1849	Lê Châu Bảo Ngọc		2011		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1850	Trần Thị Ngọc Mai		1980	Kp Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1851	Xa Thị Kiều Vy		2008	Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.280.000		F1
1852	Võ Thị Như Ý		2013	Ấp Thanh Lợi,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1848	Châu Nhật Anh	2007			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.280.000		F1
1849	Huỳnh Văn Minh	1998		TỔ 2, Kp Hòa Lập,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1850	Nguyễn Văn Dương	1963		TỔ 5, Ấp CỜ Trảng,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.120.000		F1
1851	Võ Thành Long	1989			Bình Đông	Tân Phú	An Giang	12/04/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1852	HÔNG THỊ CẨM TIÊN		1998	Ấp Chà Già,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	320.000		F1
1853	HUYỀN THỊ PHƯƠNG VY		2015	Kp Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1854	PHẠM THỊ LÀNG		1955	TỔ 25, Kp Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1855	LÊ KIM THẨM		1987	Ấp Bãi Ốt,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1856	DƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN		2017	Ấp Bãi Ốt,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1857	HỮA THỊ PHÍ		1975	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1858	NGÔ THỊ HUỲNH		1953	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1859	TRỊNH THỊ SƠM		1951	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1860	TRẦN ÁI DŨN		1962	Ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.280.000		F1
1861	LÂM MỸ TIÊN		1999	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1862	LÂM MỸ HIỀN		2004	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1863	TIÊU KIM PHUƠNG		1978	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1864	TRỊNH THỊ YẾN		2010	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1865	TRỊNH THỊ PHÍ		1977	Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1866	TRẦN CÔNG HẬU	1994		TỔ 1, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	320.000		F1
1867	TRẦN BÌNH HẢI	1976		Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	320.000		F1
1868	ĐỖ VĂN NGHI	1964		HỀM 2, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	320.000		F1
1869	MAI VĂN QUẬN	1963		HỀM 2, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	320.000		F1
1870	HUYỀN PHI HIỀN	1990		Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1871	DƯƠNG VĂN CÁO	1960		Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1872	DƯƠNG VĂN PHƯƠNG	1968		Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1873	DƯƠNG VĂN TÌNH	1985		Ấp Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1874	TRỊNH THƠM	1940		Ấp Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1875	DANH VŨ	1993		Kp1, Tt Thố 11		An Minh	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1876	DƯƠNG THÁI PHỤNG	1999		TỔ 2, Kp Hòa LẬP,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.520.000		F1
1877	HOÀNG XUÂN HOÀNG	1978		TỔ 9, Kp Hòa LẬP,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1878	NGUYỄN HỮU HOÀN	2000		TỔ 11, Kp Tám Thước,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1879	PHẠM MINH TUẤN	1976		TỔ 10 Kp Cư Xá		Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1

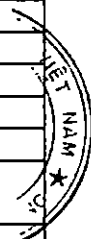


Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1880	Nguyễn Văn Sang	1994		TỔ 11, Kp Lò Bom,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1881	Nguyễn Văn Công	1990		Áp Bãi Giếng,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	320.000		F1
1882	Dương Sóc	1961		Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.040.000		F1
1883	Võ Thị Tâm		1960	Kp Lò Bom,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	400.000		F1
1884	Dương Thị Thiên Kim		2018	Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
1885	Lâm Thị Hoa		1951	Áp Mũi Dừa,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
1886	Dương Thị Hoa		1987	Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
1887	Dương Kim Phụng		1997	Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.040.000		F1
1888	Trần Thị Ngọc Tuyết		1994	Áp Chà Và,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.040.000		F1
1889	Hầu Thị Xuôi		1961	Áp Mũi Dừa,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.040.000		F1
1890	Dương Thị Đẹp		1983	Áp Chà Và,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F1
1891	Võ Phúc Hậu	2010		Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
1892	Tô Quộc Trung	2009		Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
1893	Chung Vũ Phương	1994		Áp Hòn Hèo,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
1894	Tô Quộc Đại	2013		Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F1
1895	Châu Tuấn Hoàng	1987		Áp Mũi Dừa,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F1
1896	Châu Văn TỐ	2012		Áp Mũi Dừa,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F1
1897	Chung Tiến Dũng	2016		Áp Hòn Hèo,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F1
1898	Huỳnh Văn Long	1990		Áp Chà Và,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	960.000		F1
1899	Nguyễn Minh Quý	1990		Kp Lò Bom,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.200.000		F1
1900	Dương Đon	1981		Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.200.000		F1
1901	Dương Nghiêm	1945		Áp Chà Và		Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.200.000		F1
1902	Trương Văn Sang	1987		TỔ 15, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	400.000		F1
1903	Trịnh Thị Hoàn		1985	Áp Tà Săng,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1904	Dương Thị Duối		1992	Áp Tà Săng,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1905	Dương Thị Bé Lài		1991	Áp Tà Săng,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1906	Giang Thị Bé Lài		2000	Áp Núi Trầu,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1907	Trịnh Nhà QuYnh		2019	Áp Núi Trầu,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1908	Nguyễn Thị Khánh Ngọc		1997	TỔ 16, Kp Kiên Tân,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1909	Nguyễn Thị Phương Tháo		2019	TỔ 16, Kp Kiên Tân,		Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1910	Trương Thị Kim Tròn		2000	Áp Hòn Hèo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1911	Trương Ngọc Báo Trán		2020	Áp Hòn Hèo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1912	Thị Hòa		1997	Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1913	Huỳnh Thị Thanh Trúc		2012	Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1914	Huỳnh Thị Thanh Huyền		2019	Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1915	Mai Thị Vân Anh		1982	Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1916	Phạm Thị Thủy An		2002		Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1917	Trương Thị Thủy Dương		2016	Ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1918	Trịnh Quốc Hiệp	1994		Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	320.000		F1
1919	Châu Văn Quyết	1967		Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	320.000		F1
1920	Danh Hiếu	1996		TỔ 16, Kp Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1921	Trần Văn Hà	1981		Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1922	HỒ Thanh Trùng	1983		Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1923	Nguyễn Ngọc Tập	1968		Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1924	Khoa Chánh Long	1966		TỔ 4, Ấp Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1925	Dương Văn Hiếu	1990		Kp Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	1.200.000		F1
1926	Huỳnh Thanh Giang	1989			son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	1.200.000		F1
1927	Lưu Minh Âu	1983		Ấp Chín Chở,	Đông Hòa	An Minh	Kiên Giang	12/10/2021	1.200.000		F1
1928	Huỳnh Hữu Cảnh	2011			Son Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	1.520.000		F1
1929	Phạm Quốc Bảo	1995		Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1930	Nguyễn Văn Công	1988		TỔ 16, Kp Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	960.000		F1
1931	Huỳnh Hữu Trọng	1986		Ấp Hòn Heo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/10/2021	320.000		F1
1932	Nguyễn Thị Anh Nhứt		1983	Kp Hòa Lập,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1933	Huỳnh Kim Ngân		1997	TỔ 2, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1934	Nguyễn Thị Thúy		1997	TỔ 4, Ấp CỎ Trảng,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1935	Nguyễn Thị Bích Trâm		2009	TỔ 4, Ấp CỎ Trảng,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1936	Lý Thị Láng		1986	Ấp Ba Núi,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1937	Nguyễn Kim Ngân		2000	Ấp Ba Núi,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1
1938	Trương Thị Xuân Hiền		1984	TỔ 4, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.200.000		F1
1939	Ngô Tiến Đạt	2016		Ấp Ba Núi,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện				
1	2	3	4	5			6	7	8	9
1940	Nguyễn Thị Mỹ		1984	Kp Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000	F1
1941	Thạch Thị Mỹ Nhung		2004	TỔ 2 Kp Hòa Lấp,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000	F1
1942	Trần Ngọc Giàu		1966	Kp Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000	F1
1943	Trần Nguyễn Duyên Thiên Lý		2009	Kp Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000	F1
1944	Hứa Thị Thủy		1975	Ấp Chà Già,	Dương Hòa Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	320.000	F1
1945	Nguyễn Thanh Tú		2003	TỔ 1SB, Kp CỨ Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000	F1
1946	Nguyễn Văn Đông		1980	TỔ 1SB, Kp CỨ Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000	F1
1947	Phạm Thái Ngọc		1982		TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	400.000	F1
1948	Võ Thị Diễm		1984	TỔ 7, Kp Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	320.000	F1
1949	Nguyễn Ngọc Tiên Mỹ		2007	Ấp Chà Già,	Dương Hòa Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	400.000	F1
1950	Dương Thị Hiền		1983	Ấp Chà Già,	Dương Hòa Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	400.000	F1
1951	Nguyễn Ánh Dương		2014	Ấp Chà Già,	Dương Hòa Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	400.000	F1
1952	Hoàng Văn Phái		1969	TỔ 25 Kp Xã Ngánh,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	320.000	F1
1953	Phạm Thế Lực		2000	Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	320.000	F1
1954	Nguyễn Hòa		1984	Ấp Chà Già	Dương Hòa Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	400.000	F1
1955	Nguyễn Hoàng Thanh		1956	TỔ 16, Kp Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	240.000	F1
1956	Nguyễn Thanh Thủy		1984		hòn nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	240.000	F1
1957	TÀ Thanh Trúc		1980	Kp Hòa Lấp,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	80.000	F1
1958	Nguyễn Trần Đức Duy		1994	Kp Cư Xã Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	160.000	F1
1959	Nguyễn Thị Mai Lý		1987	TỔ 16, Kp Xã Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	960.000	F1
1960	Phạm Nguyễn Kim Khuyên		2014	TỔ 16, Kp Xã Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	960.000	F1
1961	Nguyễn Thanh Thủy		1982	Kp Hòa Lấp,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	960.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1962	Trương Đình Trung	1983		Kp. Hòa LẬP,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	960.000		F1
1963	Nguyễn Văn Minh	1961		TỔ 2, Kp Hoà LẬP,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.360.000		F1
1964	Trịnh Thị Hoa		1995	Tổ 20, Kp. 8 Thước,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1965	Trần Thị Giàu		1993	Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1966	Bùi Bảo Trân		2011	Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1967	Trần Thị Tuyết Mai		1991	Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1968	Huỳnh Thị Thảo		1988	Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1969	Trần Thanh Hằng		2012	Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1970	Trần Thị Bé Hai		1984	Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1971	Danh Như Ông	1992		Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1972	Nguyễn Thành Linh	1994		TỔ 4, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1973	Bùi Trùng Vỹ	2012		Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1974	Phạm Văn Đây	2010		Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1975	Phạm Văn Tinh	2012		Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1976	Tạ Văn Hiếu	1972		Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1977	Đặng Thanh Hào	2009		Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1978	Đặng Gia Bảo	2012		Hòn Hèo,	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1979	Đinh Thanh Phú	1985		TỔ 1. Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	320.000		F1
1980	Trần Thị Mai Phương		1993		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.600.000		F1
1981	Thái Văn Thương	1984		Kp. 8 Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.600.000		F1
1982	Trần Thanh Hùng	1965		TỔ 15, Kp. Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1983	Lê Văn Ngô	1996		TỔ 5, Kp. Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1984	Nguyễn Đức Cảnh	1962		Kp. 8 Thước,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
1985	Trần Thị Kính		1952	Kp. 8 Thước,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/12/2021	560.000		F1
1986	Lê Kim Giang		1985		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/12/2021	320.000		F1
1987	Nguyễn Thị Út		1975	Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	80.000		F1
1988	Nguyễn Thị Mai		1965	TỔ 13, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1989	Đặng Thị Thanh		1992	Kp Hòa LẬP	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1990	Nguyễn Thị Đào		1990	TỔ 12, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
1991	Quang Thị Mỹ Trân		2014	Kp Hòa LẬP,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1992	Vũ Thị Chuyên		1977	Kp 8 Thuộc,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1993	Nguyễn Thị Trúc Ly		1988	TỔ 9A, Kp Hòa LẬP	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1994	Tô Thị Lương		1985	Kp 8 Thuộc,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1995	Nguyễn Minh Phương		2011	Kp Tám Thuộc	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.280.000		F1
1996	Trần Văn Tự Ông	1986		TỔ 11, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1997	Nguyễn Văn Tỉnh	1972		TỔ 11, Kp Tám Thuộc	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1998	Nguyễn Minh Khang	2020		Kp 8 Thuộc,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	960.000		F1
1999	Nguyễn Thị Nhanh		1973	TỔ 10, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	320.000		F1
2000	Lê Châu Minh Tuấn	2019			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	320.000		F1
2001	Lại Văn Thuyết	1956		TỔ 37, Kp Cư Xá MỚI		Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	960.000		F1
2002	Lê Ngọc Hiếu	2008		TỔ 37, Kp Cư Xá MỚI	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	960.000		F1
2003	Huỳnh Kim Quang		1998	Áp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	960.000		F1
2004	Dương Huỳnh Khánh Trâm		2021	Áp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	960.000		F1
2005	Nguyễn Văn Hiền	1985		TỔ 11, Kp Tám Thuộc	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	880.000		F1
2006	Dương Khánh Băng	1993		Áp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	960.000		F1
2007	Nguyễn Thị Kim Luyến		1984	HỀM 3 Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.520.000		F1
2008	Huỳnh Thị Út Gái		2001	TỔ 7, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	880.000		F1
2009	Bùi Thị Nhanh		1976	Xã Sơn Hải	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	880.000		F1
2010	Lý Ngọc Thi		1991	Áp Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	880.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2011	Nguyễn Thị Hồng Mai		2010	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2012	Nguyễn Thị Thúy Nguyễn		2015	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2013	Đinh Kim Liên		1990	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2014	Trần Kim Ngân		2020	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2015	Nguyễn Thị Phuong		1977	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2016	Đặng Hồng Mơ		2014	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2017	Trần Thị Trang		1998	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2018	Dương Quế Trân		2019	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2019	Nguyễn Thị Thu Hà		1970	Hẻm 30, Kp Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2020	Phạm Thị Lệ		1951	Hẻm 2A, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2021	Phạm Thị Đào		1969	Hẻm 2A, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2022	Quách Thị Ngọc		1959	Hẻm 2A, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2023	Tạ Thị Mỹ Tiên		2002		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2024	Dương Thị Đáp		1968		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2025	Phù Vĩnh Phát	1996		Hẻm 2A, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	880.000		F1
2026	HỒ Ngọc Dũng	1977			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2027	Nguyễn Văn Hậu	2011		Hẻm 30, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2028	Nguyễn Thanh Hà	2009			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2029	Trần Minh Tới	2012			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2030	Trần Minh Tâm	2015			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2031	Đặng Hoàng Đăng	2007			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2032	Đặng Văn Dòn	1991			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2033	Trần Hữu Nhon	1970		Ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2034	HỒ Ngọc Linh Đan		2014		Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2035	Lâm Thị Thiệu		1954		Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2036	Lê Thị RỖ		1953		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2037	Nguyễn Thị Tuyết		1971		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2038	Đinh Yến Vy		2014		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2039	Lê Nguyễn Thúc Quyên		2015		Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2040	Phạm Hoàng Bảo An		2012		Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2041	Trần Ngọc Lan		2003		Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2042	Trần Thị Ánh Tuyết		1990		Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2043	HỒ Hiền Diệu		2017		Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2044	Phạm Thị Thúy Diễm		1971		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2045	Bùi Thị Ánh Xuân		1966		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2046	Nguyễn Thị HỒNG Đẹp		1970		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2047	Nguyễn Mỹ Huyền		1988		Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2048	Nguyễn Thị Thảo		1996	TỔ 1, Kp. Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	1.120.000		F1
2049	Huỳnh Hữu Trọng		1986		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2050	Lâm Thanh Thủy		1957	Kp Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
2051	Trần Thị HỒNG		1964	Hòn Chông,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
2052	Võ Thị Thảo		1960	Xã Bình Đông,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
2053	HỒ Trung Dương	2020		Xã Dương Hòa,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2054	Lê Thành Đuộc	1982		HỀM 7, Kp Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2055	Lê HỒNG Phú	1988			Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2056	Hoàng Gia Thanh Tú	1987		TỔ 7, Hòa Giang,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2057	Hoàng Phát	2020		TỔ 7, Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2058	Trần Đăng Khoa	2006		Xã Dương	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2059	Phạm Tú Can	2002		Xã Sơn Hải	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2060	Danh Đăng Phúc	2016			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2061	Danh Đăng Hậu	2021			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F1
2062	Dương Sóc	1967		Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
2063	Quách Văn Quảng	1957		Kp Kiên Tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	400.000		F1
2064	Phạm Thị Kim Duyên		1984		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	320.000		F1

H. A. 11/2021/01/1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
2065	Trần Thị Thùy Trang		1993		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	320.000	F1
2066	Lê Thị Thúy Lan		1985	TỔ 7, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2067	Nguyễn Thị Sáu		1958		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2068	Phạm Thu Thảo		1970		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2069	Huỳnh Anh		2003		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2070	Huỳnh Hoa Quế Anh		2012		Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2071	Nguyễn Trĩ Tuyên	1967			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	320.000	F1
2072	Phạm Văn Khâm	1941			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2073	Đinh Hữu Tân	1980			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2074	Trần Minh Hữu	2015			Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2075	Phạm Hoàng Sơn	1967			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2076	Nguyễn Đình Bằng	1971		Kp Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2077	Nguyễn Văn Phú	1969		Tt Kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2078	Đinh Thế Đại	1967		Tt Kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2079	Lê Văn Hậu	1962		TỔ 1, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2080	Đào Thanh Hòa	1971		Tt Kiên	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2081	Hoàng Lê Minh Đức	2007		TỔ 7, Kp Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2082	Lê Dương Nhuận	1993		TỔ 1, Kp. Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.040.000	F1
2083	Phạm Thị Ngọc Nhiều		1995	TỔ 12, Ấp Hòn		Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000	F1
2084	Dương Thị Nhân		2001		Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000	F1
2085	Dương Niêm		1981		Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000	F1
2086	Huỳnh Tấn Minh	1977		TỔ 12, Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000	F1
2087	Huỳnh Thiên Quân	2021		TỔ 12, Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000	F1
2088	Nguyễn Quang Trung	1984		Kp 8 Thước,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	960.000	F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2089	Trần Văn Hùng	1965		TỔ 35, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	320.000		F1
2090	Mai Tiến Lịch	1968		TỔ 35, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	320.000		F1
2091	Lâm Văn Đề	1952		Ấp Hòn Hèo,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	240.000		F1
2092	Huỳnh Bảo Châu		2019	Xã Bình An,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	240.000		F1
2093	Châu Thị Hồng	1958	NỮ	TỔ 1, Tà Săng,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	160.000		F1
2094	Nguyễn Thiện Sĩ	1965	NAM	TỔ 2 CỎ Trảng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	160.000		F1
2095	Trần Văn Hiền	1972	NAM	Hẻm 23, TỔ 8, Kp Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	160.000		F1
2096	Đặng Thị Tố Anh	2019	NỮ	TỔ 5, Ấp Lung Lớn,	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	160.000		F1
2097	Dương Danh	1994	NAM	TỔ 1, Tà Săng,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	400.000		F1
2098	Đỗ Thị Thanh Thủy	2011	NỮ	TỔ 8, Kiên Tân-	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	320.000		F1
2099	Đào Huỳnh Như		1995	Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Đông Y	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.760.000		F1
2100	Thị Ngọc Trân		1983	Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Nhi	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.680.000		F1
2101	Lê Văn Nghiệp	1984		Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Nội	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	1.680.000		F1
2102	Trần Hoài Thương	1995		Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.680.000		F1
2103	Đinh Thị Nga		1992	Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Nội	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	560.000		F1
2104	Ngô Thị Mỹ Hồng		1994	Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Nội	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/10/2021	1.680.000		F1
2105	Trần Văn Cường	1985		Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Nội	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	2.000.000		F1
2106	Thị Bích Dân		1985	Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Nhi	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.680.000		F1
2107	Hồ Chí Trung	1989		Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/9/2021	560.000		F1
2108	Phan Thành Tới	1989		Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/9/2021	560.000		F1
2109	Nguyễn Thị Bé Bảy		1982	Trung Tâm Y Tế K1 Khoa Lck	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.680.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2110	Huỳnh Văn Thuận	1995		Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ksbt	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	880.000		F1
2111	Trần Văn Tém	1994		Trung Tâm Y Tế KI Khoa Lck	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.680.000		F1
2112	Trần Phạm Bích Ngân		1990	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Dd-Ytcc	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.680.000		F1
2113	Đinh Thị Nương		1984	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Nội	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/04/2021	1.120.000		F1
2114	Lâm Thị Ánh Thu		1984	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Nhiễm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/04/2021	1.120.000		F1
2115	Nguyễn Thị Huế Minh		1994	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Cssh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/04/2021	1.120.000		F1
2116	Hoàng Văn Lưỡng			Trạm Y Tế Xã Dương Hòa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.680.000		F1
2117	Nguyễn Tuấn Ngọc			Trạm Y Tế Tt Kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.680.000		F1
2118	Bùi Thị Nguyệt		1984	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Nội	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	480.000		F1
2119	Trương Quốc Dũng	1986		Trung Tâm Y Tế KI Khoa Đông Y	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.680.000		F1
2120	Trần Hoàng Hiếu	1990		Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.680.000		F1
2121	Lưu Thị Hồng Nhung		1997	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.680.000		F1
2122	Ngô Thị Mai		1994	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F1
2123	Bùi Thị Thụy		1988	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Đông Y	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/10/2021	1.680.000		F1
2124	Hoàng Thanh Tùng	1983		Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.680.000		F1
2125	Lâm Thị Ánh Thu		1984	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Truyền Nhiễm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.680.000		F1
2126	Nguyễn Thị Hoàng Phi		1982	Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ccth	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.680.000		F1
2127	Phạm Văn Thế	1983		Trung Tâm Y Tế KI Khoa Nội Th	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2128	Vũ Thị Thanh Nga		1986	Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Nội Th	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/09/2021	560.000		F1
2129	Phạm Thị Rỡ		1992	Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Nội Th	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/09/2021	560.000		F1
2130	Dương Minh Châu			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Đông Y	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.680.000		F1
2131	Nguyễn Thị Huế Minh		1994	Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Cskss	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.120.000		F1
2132	Nguyễn Thị Huế Minh		1994	Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Cskss	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/04/2021	1.200.000		F1
2133	Nguyễn Thị Huế Minh		1994	Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Cskss	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	1.040.000		F1
2134	Cao Thị Cần			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.520.000		F1
2135	Trịnh Trường Giang			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Đông Y	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.680.000		F1
2136	Nguyễn Viết Tạ	1971		Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	640.000		F1
2137	Danh Quốc Quy			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Ngoại	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	320.000		F1
2138	Sầm Thị Bích Thủy			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Cc-Hstccd	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	320.000		F1
2139	Thị Ai			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Nội Th	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	320.000		F1
2140	Huỳnh Chí Thanh			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Ksnk	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	8.720.000		F1
2141	Lê Thanh Trúc			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Ksnk	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	8.720.000		F1
2142	Triệu Thị Xuân Hương			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Cskss	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.680.000		F1
2143	Nguyễn Thị Triều Duy			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.680.000		F1
2144	Nguyễn Thị Nhung			Trung Tâm Y Tế K1 - Khoa Nhi	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.680.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2145	Vũ Xuân Dũng			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	1.680.000		F1
2146	Châu Mỹ Tiên			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ngoại	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	1.680.000		F1
2147	Trần Ngọc Thắng			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Cc-Hstccđ	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	1.680.000		F1
2148	Phạm Chí Nguyễn			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Nội Th	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	1.120.000		F1
2149	Danh Quốc Quy			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Ngoại	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	1.120.000		F1
2150	Nguyễn Thị Triều Duy			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.680.000		F1
2151	Lê Tiên Thị Ngọc Trinh			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.680.000		F1
2152	Nguyễn Thị Huế Minh			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Cskss	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.120.000		F1
2153	Đào Huỳnh Như			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Đông Y	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	1.680.000		F1
2154	Nguyễn Thị Bé Bảy			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	1.680.000		F1
2155	Hồ Chí Trung			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Cc-Hstccđ	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	1.680.000		F1
2156	Dương Xuân Thành			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Cc-Hstccđ	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/08/2021	1.680.000		F1
2157	Danh Tỷ			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Nhiễm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/08/2021	1.680.000		F1
2158	Trần Thị Hậu			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Khám Bệnh	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/08/2021	1.680.000		F1
2159	Y Hào			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Đông Y	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	1.680.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2160	Nguyễn Thành Đức			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Cc-Hstccđ	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	1.680.000		F1
2161	Đặng Kim Dung			Trung Tâm Y Tế KI Khoa Cc-Hstccđ	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	1.680.000		F1
2162	Bùi Thị Hương		1975	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.680.000		F1
2163	Bùi Thị Hương		1975	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	1.680.000		F1
2164	Lê Thị Dung		1970	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.680.000		F1
2165	Ngô Thị Ninh		1974	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.680.000		F1
2166	Ngô Thị Ninh		1974	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/10/2021	560.000		F1
2167	Ngô Thị Ninh		1974	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/03/2021	1.680.000		F1
2168	Nguyễn An Thùy			TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/08/2021	1.680.000		F1
2169	Nguyễn Thị Hội		1969	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	640.000		F1
2170	Nguyễn Thị Hội		1974	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	2.480.000		F1
2171	Nguyễn Thị Hội		1974	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.680.000		F1
2172	Nguyễn Thị Toan		1978	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/02/2021	1.680.000		F1
2173	Nguyễn Thị Toan		1978	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.680.000		F1
2174	Nguyễn Thị Toan		1978	TTYT huyện kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	1.680.000		F1
VIII . DƯƠNG HÒA									129.360.000		
2175	Danh Nhã	1988		Ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	07/11/2021	1.120.000		F1
2176	La Hồng Thắm		1982	Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	560.000		F0
2177	Dương Em Gái		1967	Tổ 03, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
2178	Trần Mỹ Trang		1988	Tổ 8 ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1
2179	Lâm Thị Mỹ Xương		1988	Tổ 08, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
2180	Lý Thanh Xuân		1981	Tổ 08, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F1
2181	Dương Sơn	1950		Tổ 08, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F1
2182	Dương Sơn	1967		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F1
2183	Danh Thị Thanh Chúc		2003	Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.120.000	F1
2184	Trần Thị Lý		1953	Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.120.000	F1
2185	Trịnh Văn Quán	1973		Tổ 04, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	560.000	F1
2186	Lê Thị Lệ Thu		1960	Tổ 02, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000	F1
2187	Danh Tùng	1985		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	560.000	F1
2188	Dương Thị Sến		1963	Tổ 08, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000	F0
2189	Dương Thị Lý		1971	Tổ 05, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F0
2190	Hầu Văn Năm	1933		Tổ 05, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2191	Dương Hồng Ten	1971		Tổ 05, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2192	Lương Văn Téo	1942		Tổ 05, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2193	Hầu Văn Hên	1957		Tổ 04, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000	F1
2194	Trương Minh Quang	1980		Tổ 03, Ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2195	Tạ Văn Sánh	1973		Tổ 03, ấp Bãi Chà Va	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F0
2196	Dương Văn Phúc	1981		Tổ 02, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F0
2197	Lương Văn Sến	1976		Tổ 07, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000	F1
2198	Giang Thị Gái Đen		1982	Tổ 01, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000	F1
2199	Nguyễn Văn Nhựt	1972		Tổ 06, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2200	Dương Văn Khuôi	1967		Tổ 06, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2201	Trần Thanh Sang	1983		Tổ 02, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2202	Trần Khánh Trung	1965		Tổ 02, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	560.000	F1
2203	Lê Thị Tố Quyên		1992	Tổ 1, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2204	Hầu Thị Huôi		1997	Tổ 1, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000	F1
2205	Chung Minh Đức	1961		Tổ 02, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000	F1
2206	Trần Văn Hùng	1970		Tổ 02, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2207	Chung Minh Lương	1964		Tổ 02, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2208	Lâm Vũ Phong	1979		Tổ 02, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2209	Dương Thị Thanh		1968	Tổ 03, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2210	Trần Thị Thanh		1974	Tổ 03, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2211	Phạm Thị Kim Chi		1974	Tổ 04, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2212	Tạ Hồng Văn		1992	Tổ 02, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	560.000	F1
2213	Dương Kim Quang	1958		Tổ 02, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000	F1
2214	Võ Văn Tài	2003		Tổ 2, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
2215	Võ Văn Hào	1959		Tổ 2, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
2216	Trần Hoàng Mỹ	1975		Tổ 2, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
2217	Trần Trung Kiên	1986		Tổ 1, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2218	Huỳnh Phương Trầm	1972		Tổ 3, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2219	Huỳnh Phương Bạch Ngọc		1996	Tổ 5, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F0
2220	Huỳnh Thị Thúy Hòa		1994	Tổ 05, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F0
2221	Trần Thị Loan		1969	Tổ 05, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2222	Trần Huỳnh Dữ	1999		Tổ 07, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2223	Phạm Thị Kim Hoa		1943	Tổ 07, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2224	Trần Thị Anh Đào		1971	Tổ 07, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2225	Trần Thị Mỹ Nga		2001	Tổ 07, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2226	Trần Hữu Anh Hiệp	2004		Tổ 07, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2227	Dương Thị Đẹp		1989	Tổ 01, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
2228	Vương Văn Quý	1968		Tổ 01, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
2229	Vương Khắc Nhứt	1997		Tổ 01, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2230	Vương Dương Hóa	2000		Tổ 01, ấp Hòn Heo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2231	Lâm Thanh Tòng	1985		Tổ 02, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2232	Dương Hốc Hà	1964		Ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
2233	Trần Văn Tài	1978		Tổ 07, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2234	Dương Tấn Hưng	1991		Tổ 03, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F1
2235	Trịnh Thị Bé Hai		1994	Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F0
2236	Đinh Hoàng Ân	1985		Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
2237	Dương Ngọc Thú	1934		Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F0
2238	Thị Văn		1944	Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F0
2239	Đinh Thị Cua		1963	Tổ 02, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F0
2240	Tiêu Thái Bình	1980		Tổ 01, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F0
2241	Mía Thương	1944		Tổ 03, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F0
2242	Trần Thị Luối		1941	Tổ 03, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	560.000		F0

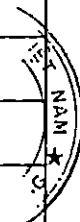
Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5			6	7	8	9	
2243	Giang Thị Giải		1956	Tổ 03, ấp Múi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F1
2244	Tạ Thị Kim Trang		1977	Tổ 02, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F0
2245	Dương Thị Hịa		1950	Tổ 03, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F0
2246	Dương Văn Nhét	1936		Tổ 05, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
2247	Dương Thị Diên		1940	Tổ 05, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
2248	Chung Minh Thành	1966		Tổ 02, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
2249	Nguyễn Thị Dưng	1965		Tổ 02, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
2250	Chung Vũ Linh	1987		Tổ 02, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	560.000		F1
2251	Đoàn Phi Long	1991		Tổ 06, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	05/12/2021	560.000		F0
2252	Ngô Thị Kim Định		1988	Ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	560.000		F1
2253	Dương Thị Kim Huệ		1994	Tổ 01, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	560.000		F0
2254	Tân Kim Hưng	2007		Tổ 07, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2255	Vương Nhứt An	2020		Tổ 01, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2256	Trình Dương Minh Hào	2011		Tổ 01, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2257	Trương Tuyết Linh		2008	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
2258	Phùng Uyên Bằng		2008	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0
2259	Phan Sến Hoạch	2005		Tổ 01, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
2260	Lâm Minh Khôi	2021		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0
2261	Trình Dương Minh Huy	2017		Tổ 01, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2262	Trình Dương Minh Hoàng	2020		Tổ 01, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2263	Nguyễn Trần Duy Nhất	2020		Tổ 07, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F0
2264	Lâm Hiếu Nghi		2006	Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0
2265	Vương Kim Anh		2018	Tổ 01, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2266	Lâm Thế Trường	2005		Tổ 2, ấp Hòn Hèo	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2267	Lâm Chi Nguyễn	2017		Tổ 02, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F1
2268	Trình Trọng Nghĩa	2010		Tổ 02, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2269	Trình Lâm Minh Tường	2017		Tổ 02, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2270	Lâm Kim Ngân		2021	Tổ 02, ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2271	Tô Dương Ngọc Diệp		2009	ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
2272	Danh Ngọc Anh		2020	Tổ 05, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2273	Danh Hoàng Thiên	2018		Tổ 05, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0
2274	Trần Bảo Hân		2011	Tổ 05, ấp Bãi Ót	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
2275	Nguyễn Trần Kim Hân		2015	ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	1.120.000		F0
2276	Trần Thái Nhân	2017		ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	1.120.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu diễn trí, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện				
1	2	3	4	5			6	7	8	9
2277	Trần Thái Trần		2020	ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	28/10/2021	1.120.000	F0
2278	Châu Trần Ngọc Mỹ Quyên		2012	Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F0
2279	Cao Minh Dân	2011		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F0
2280	Châu Quốc Huy	2013		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F0
2281	Lý Thị Huyền Trân		2006	Tổ 08, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F0
2282	Lý Thị Thủy Ngân		2008	Tổ 08, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F0
2283	Lý Thanh Lê	2017		Tổ 08, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.120.000	F0
2284	Châu Văn Phong	2009		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/11/2021	1.120.000	F0
2285	Danh Thiét	2013		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000	F0
2286	Danh Kéo	2015		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000	F0
2287	Phan Thị Trúc Linh		2007	Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000	F0
2288	Dương Chí Huy	2015		Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000	F0
2289	Dương Thị Mỹ Kim		2019	Tổ 01, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.120.000	F0
2290	Dương Thị Anh Thơ		2018	Tổ 1, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000	F0
2291	Võ Ngọc Khả Hân		2019	Tổ 2, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000	F0
2292	Trần Thị Ngọc Ngân		2011	Tổ 2, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000	F0
2293	Trương Phong Dân	2005		Tổ 02, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000	F0
2294	Dương Đăng Duy	2006		Tổ 05, ấp Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.120.000	F0
2295	Tiêu Thị Cẩm Ngân		2012	Tổ 01, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000	F1
2296	Tiêu Thị Kim Đào		2008	Tổ 01, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.120.000	F1
2297	Hồng Thị Cẩm Loan		2008	Tổ 01, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.120.000	F0
2298	Lý Kim Tiền		2011	Tổ 04, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	1.120.000	F0
2299	Tiêu Kim Ngọc		2011	Tổ 06, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000	F0
2300	Chao Thiên Bảo	2017		Tổ 01, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000	F0
2301	Chao Kim Quý	2020		Tổ 01, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.120.000	F0
2302	Dương Thị Tú Vi		2016	Tổ 03, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	1.120.000	F0
2303	Đinh Trịnh Cát Tường		2016	Tổ 04, ấp Bãi Chà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000	F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2304	Danh Tú Quyên		2019	Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2305	Lý Văn Khải	2015		Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	1.120.000		F0
2306	Lao Huỳnh Anh Tuấn	2013		Tổ 06, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	05/12/2021	1.120.000		F0
2307	Huỳnh Ngọc Trâm		2016	Tổ 06, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	05/12/2021	1.120.000		F0
2308	Lý Phú Lộc	2020		Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	05/12/2021	1.120.000		F0
2309	Ong Hà Phương Duy		2018	Tổ 05, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F1
2310	Kích Huỳnh Nguyệt Cát		2021	Tổ 05, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2311	Dương Hải Nguyên	2011		Tổ 01, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2312	Lý Hoàng Thiên		2014	Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2313	Danh Nhựt Khang	2017		Tổ 04, ấp Bãi Chà Và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2314	Châu Thị Lụa		2017	Tổ 04, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2315	Trần Thành Đạt	2012		Tổ 07, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
2316	Trần Thành Phát	2005		Tổ 07, ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.120.000		F0
IX. THỊ TRẤN KIÊN LƯƠNG									449.680.000		
2316	Nguyễn Tâm Đắc	1940		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1
2317	Huỳnh Thị Nhi		1940	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1
2318	Nguyễn Hoài Tân	1987		Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1
2319	Nguyễn Văn Nhơn	1949		Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.040.000		F1
2320	Trần Thừa Tín	1966		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1
2321	Nguyễn Thanh Thủy		1969	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1
2322	Đào Thị Thu		1986	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2323	Võ Văn Tri	1954		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.040.000		F1
2324	Nguyễn Thị Nguyệt		1959	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	560.000		F1
2325	Bùi Thị Linh		1984	Tổ 21, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	640.000		F1
2326	Trương Thụ Lý	2004		Tổ 21, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.120.000		F1
2327	Huỳnh Quang Hải	1956		Tổ 40, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	640.000		F1
2328	Nguyễn Thị Bảy		1968	Tổ 40, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.120.000		F1
2329	Huỳnh Thanh Luân	1995		Tổ 40, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	640.000		F1
2330	Nguyễn Thị Diệu		1967	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	640.000		F1
2331	Bùi Văn Thương	1989		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	640.000		F1
2332	Nguyễn Hùng Dũng	1965		Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2333	Lại Thị Thu Thanh		1965	Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2334	Nguyễn Quốc Hùng	1992		Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2335	Nguyễn Thị Kim Anh		1987	Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2336	Triệu Thị Kim Huệ		1980	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2337	Triệu Thị Thu Hằng		1987	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2338	Nguyễn Văn Tú	1985		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2339	Phan Văn Long	1985		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2340	Nguyễn Văn Tuấn	1987		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2341	Huỳnh Thị Mộng Tuyền		1991	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2342	Lê Thị Tuyết Sương		1975	Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F1
2343	Trần Thanh Nga		1978	Tổ 8, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	480.000		F1
2344	Lâm Trần Hoàng Phúc	2004		Tổ 8, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F1
2345	Phan Phú Quốc	1970		Tổ 2, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.040.000		F1
2346	Phan Ngọc Phương Thư		1997	Tổ 2, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.040.000		F1
2347	Nguyễn Thị Phụng		1973	Tổ 2, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.040.000		F1
2348	Nguyễn Văn Nghĩa	1970		Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	560.000		F1
2349	Phan Ngọc Phương Dung		1977	Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	560.000		F1
2350	Nguyễn Phan Thành Đạt	2002		Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	560.000		F1
2351	Nguyễn Minh Khanh	30/5/2005		Tổ 21, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.040.000		F1
2352	Vũ Văn Phu	1972		Tổ 1, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1
2353	Vũ Nguyễn Ngọc Hân		2004	Tổ 1, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F1
2354	Huỳnh Hữu Đức	1981		Tổ 6, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F1
2355	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		1972	Tổ 6, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F1
2356	Lê Phúc Kỳ	1972		Tổ 6, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1
2357	Trương Thị Mai Thi		1992	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1
2358	Trương Thị Anh Thư		1990	Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F1
2359	Nguyễn Phương Bằng	1981		Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F1
2360	Lê Thị Bé		1956	Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1


 KIÊN GIANG


 KIÊN GIANG

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2361	Nguyễn Văn Minh	1946		Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	640.000		F1
2362	Nguyễn Nhật Bằng	1979		Tổ 7, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F1
2363	Vũ Thị Ngọc Anh		2004	Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F1
2364	Nguyễn Kim Châu		2000	Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
2365	Vũ Thị Thu Hoài		1990	Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
2366	Phạm Thị Bích Phượng		1978	Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
2367	Phan Gia Bảo	2004		Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F1
2368	Tiền Thị Đào		1969	Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
2369	Lê Tiền Thị Ngọc Trinh		1993	Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	640.000		F1
2370	Nguyễn Thị Kiều Loan		1973	Tổ 27, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
2371	Đoàn Thị Quyền		1943	Tổ 3, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F1
2372	Nguyễn Thị Toàn		1958	Tổ 8, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	480.000		F1
2373	Châu Thị Quốc		1972	Tổ 40, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2374	Trần Châu Minh Trí	2001		Tổ 40, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2375	Nguyễn Phi Cường	1967		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2376	Cao Thị Thu Hiền		1970	Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2377	Phạm Ngọc Quý	1965		Tổ 13, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2378	Lâm Văn Tuấn	1993		Tổ 12, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2379	Nguyễn Thị Ngọc Giàu		1984	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2380	Nguyễn Ngọc Dũng	1970		Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2381	Trần Hoàng Hương	1967		Tổ 30, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2382	Nguyễn Thị Cúc		1972	Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2383	Lưu Thị Ngọc Lý		1984	Tổ 4, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2384	Hoàng Huy Duy	1972		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2385	Nguyễn Đình Luân	1984		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2386	Lại Hồng Hạnh	1983		Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2387	Nguyễn Thanh Hùng	1965		Tổ 40, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	720.000		F1
2388	Trương Ngọc Huệ		1955	Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2389	Nguyễn Ngọc Hân		1997	Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2390	Nguyễn Tấn Đức	2004		Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2391	Nguyễn Ngọc Vàng		1996	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2392	Nguyễn Thị Đức		1958	Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2393	Trần Quang Phương	1959		Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2394	Bùi Hoàng Trung	1987		Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2395	Nguyễn Thị Bích Hạnh		1984	Tổ 22, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2396	Bùi Thị Thuy		1988	Tổ 18, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2397	Tôn Thất Trung Kiên	2000		Tổ 18, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2398	Phan Nhật Thanh	1979		Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2399	Phan Thanh Thảo		2004	Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2400	Trương Hồng Gấm		2004	Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
2401	Nguyễn Hữu Thịnh	1971		Tổ 14, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2402	Nguyễn Hoàng Thái	1999		Tổ 14, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2403	Nguyễn Thị Nguyệt		1967	Tổ 9 B,Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2404	Nguyễn Lượng	1966		Tổ 9 B,Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2405	Nguyễn Đình Thành Tâm	1987		Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2406	Đoàn Quốc Minh	1977		Tổ 6, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2407	Châu Kim Diệp		1980	Tổ 6, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2408	Đoàn Châu Mỹ Kỳ		2003	Tổ 6, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F1
2409	Nguyễn Thị Diệp		1958	Tổ 7, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	480.000		F1
2410	Nguyễn Thị Kim Lan		1966	Tổ 1, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	480.000		F1
2411	Trần Đình Khánh	2004		Tổ 1, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	480.000		F1
2412	Nguyễn Bá Sáng	1977		Tổ 32, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F1
2413	Lý Hoàng Lâm	1973		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F1
2414	Nguyễn Thị Cúc Hoa		1984	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F1
2415	Võ Thị Thùy Linh		1982	Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	480.000		F1
2416	Trần Thị Tường Vy		2003	Tổ 20, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	560.000		F1
2417	Nguyễn Thị Hà		1971	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5			6	7	8	9	
2418	Lê Thanh Tuấn	1980		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	560.000		F1
2419	Phù Ngọc Văn Nam		1982	Tổ 10, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.120.000		F1
2420	Nguyễn Thị Hạnh		1962	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	560.000		F1
2421	Lê Văn Quang	1960		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	560.000		F1
2422	Điền Thị Tuyết		1969	Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	560.000		F1
2423	Châu Hoàng Hiệp	1936		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2424	Châu Hoàng Dũng	1980		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2425	Chia Mỹ Ngọc		1985	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2426	Bùi Thị Kim Anh		1999	Tổ 25, Cư Xã Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2427	Huỳnh Nguyễn Chí Thọ	1994		Tổ 12, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2428	Nguyễn Minh Trí	1996		Hẻm 2A, Tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2429	Tô Ngọc Thi	1957		Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2430	Tô Ngọc Thanh	1991		Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	640.000		F1
2431	Nguyễn Văn Hữu	1954		Tổ 32, Cư Xã Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.120.000		F1
2432	Đỗ Xuân Hùng	2003		Tổ 15B, Cư Xã	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
2433	Đào Hoàng Yên		1984	Tổ Châu, Cư Xã	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
2434	Đỗ Thị Thanh Nga		1985	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2435	Lý Ngọc Trân		1948	Tổ 1, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
2436	Lý Ngọc Châu		1951	Tổ 1, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2437	Lý Ngọc Mỹ		1960	Tổ 1, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
2438	Nguyễn Việt Tâm	1982		Tổ 25, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	560.000		F1
2439	Thái Thông Lòng	1943		Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	640.000		F1
2440	Nguyễn Trọng Lâm	1971		Tổ 20, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2441	Nguyễn Trần Ngọc Yến Nhi		38600	Tổ 20, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2442	Trương Thị Kía		1987	Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2443	Huỳnh Thị Diễm		1975	Tổ 9, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2444	Phạm Thị Ngon		1959	Tổ 1, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2445	Tô Ngọc Bình	1985		Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2446	Lê Thị Tiên Yến Linh		1985	Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.120.000		F1
2447	Trần Quốc Nam	1978		Tổ 24, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	560.000		F1
2448	Dương Thị Khương		1960	Tổ 5, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.120.000		F1
2449	Lê Thị Thắm		1976	Tổ 15B, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.120.000		F1
2450	Vũ Đình Ôn	1959		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.120.000		F1
2451	Lê Quỳnh Trang		1991	Hẻm G, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	640.000		F1
2452	Lâm Hoàng Hà	1962		Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	640.000		F1
2453	Trang Thanh Hiền		1988	Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	640.000		F1
2454	Tô Thị Mai Phương		1985	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2455	Phan Thị Hiền		1989	Tổ 7A Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2456	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1977	Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2457	Huỳnh Thanh Tuấn	1972		Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2458	Nguyễn Hoàng Sơn	1979		Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2459	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như		2004	Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2460	Lê Hữu Xuyên	1967		Tổ 6, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2461	Hà Hoàng Nga		1972	Tổ 6, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2462	Lê Minh Hiếu	1995		Tổ 6, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2463	Nguyễn Xuân Lan		1999	Tổ 6, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	560.000		F1
2464	Nguyễn Thị Điểm		1975	Tổ 6, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	560.000		F1
2465	Nguyễn Văn Biếu	1965		Tổ 6, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	560.000		F1
2466	Trần Thị Vân		1984	Tổ 11, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
2467	Nguyễn Lê Thùy Tiên		1998	Tổ 11, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
2468	Tô Thị Lương		1985	Tổ 17, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	560.000		F1
2469	Nguyễn Hồng Kiên	2003		Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	960.000		F1
2470	Đào Ái Duyên		1995	Tổ 25, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	560.000		F1
2471	Huỳnh Thị Thu Mai		1974	Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	400.000		F1
2472	Đặng Thị Kim Châu		1974	Tổ 10, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	400.000		F1
2473	Đào Quốc Bảo	1995		Tổ 10, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	400.000		F1
2474	Đào Nguyên Bảo	2002		Tổ 10, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	400.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2475	Trương Thị Rơi		1938	Tổ 10, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F1
2476	Sử Thị Cẩm Liên		1969	Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	400.000		F1
2477	Đinh Thị Tho		1980	Tổ 9, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	480.000		F1
2478	Đinh Trọng Ngọ	1952		Tổ 9, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	480.000		F1
2479	Quách Ngọc Nữ		1996	Tổ 8, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F1
2480	Đặng Văn Luân	1959		Tổ 10, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	480.000		F1
2481	Nguyễn Thị Diệu		1992	Tổ 10, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	480.000		F1
2482	Phạm Thị Việt Trinh		1993	Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.040.000		F1
2483	Trần Văn Vũ	1981		Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	480.000		F1
2484	Tạ Trung Vệ	1984		Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	480.000		F1
2485	Nguyễn Thị Phượng		1985	Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	480.000		F1
2486	Huỳnh Kim Ngọc		1988	Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.040.000		F1
2487	Quách Ngọc Bích		1975	Tổ 1, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.040.000		F1
2488	Huỳnh Chí Đạt	1960		Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
2489	Nguyễn Thị Kim Em		1952	Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
2490	Lê Hữu Giang	1975		Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
2491	Nguyễn Kiến Nghiệp	1965		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
2492	Trần Thị Sánh		1971	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1
2493	Văn Thị Hạnh		1978	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2494	Nguyễn Văn Ích	1957		Tổ 9, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
2495	Huỳnh Thị Kim Lương		1960	Tổ 9, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	560.000		F1
2496	Nguyễn Văn Tân	1965		Tổ 5, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	560.000		F1
2497	Nguyễn Thị Chính		1969	Tổ 5, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	560.000		F1
2498	Phan Tấn Lập	1990		Tổ 5, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	560.000		F1
2499	Nguyễn Thị Thảo		1986	Hẻm 16, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	560.000		F1
2500	Nguyễn Văn Thạnh	1958		Hẻm 16, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	560.000		F1
2501	Trần Thị Sang		1957	Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F1
2502	Lương Quốc Nam	1982		Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F1
2503	Lương Quốc Nghĩa	1991		Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F1
2504	Nguyễn Văn Đứng	1985		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F1
2505	Huỳnh Thị Thảo Ly		1989	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F1
2506	Nguyễn Hương Giang		20/7/2005	Tổ 1, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.040.000		F1
2507	Phan Thanh Sang	18/6/2005		Tổ 2, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.040.000		F1
2508	Trần Hoàng Minh	#####		Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.040.000		F1
2509	Trần Công Khanh	1983		Tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	480.000		F1
2510	Trần Bảo Sang	2003		Tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	480.000		F1
2511	Trần Quốc Hoàn	1976		Tổ 9, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1
2512	Trần Thị Tuyết Nhung		1980	Tổ 9, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F1



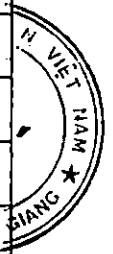
 KIÊN GIANG

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2513	Hồ Thị Thu Hằng		1987	Tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1
2514	Trần Công Dũng	1958		Tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1
2515	Lý Thị Nhiều		1959	Tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	560.000		F1
2516	Bùi Trung Tuấn	1968		Tổ 1, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1
2517	Trần Thanh Bình	2002		Tổ 1, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1
2518	Nguyễn Thị Ngọc		1972	Tổ 1, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	560.000		F1
2519	Trần Thị Hạnh		1967	Tổ 11, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	480.000		F1
2520	Nguyễn Đức Cường	2001		Tổ 11, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	480.000		F1
2521	Đỗ Văn Thái	#####		Tổ 2, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
2522	Đỗ Thị Quy		#####	Tổ 2, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
2523	Đỗ Trung Kiên	#####		Tổ 2, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	560.000		F1
2524	Lê Thị Thu Hương		#####	Tổ 1, Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
2525	Dương Thị Thu Trang		#####	Tổ 1, Khu Phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	560.000		F1
2526	Tô Trung Cường	#####		Tổ 17, Khu Phố Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/12/2021	560.000		F1
2527	Nguyễn Hữu Xuân	#####		Khu Phố Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	560.000		F1
2528	Nguyễn Thúy Kiều		#####	Khu Phố Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	560.000		F1
2529	Trần Thị Duyên		#####	Tổ 8, Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/12/2021	560.000		F1
2530	Lê Thị Hiền		#####	Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	1.120.000		F1
2531	Dương Nhựt Tân	1967		Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	640.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2532	Phùng Trung Tín	1995		Số 5, Tổ 8, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2533	Đặng Thanh Thiện	1989		Tổ 8A, Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	880.000		F0
2534	Lê Kim Đồng	1974		Tổ 9, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	960.000		F0
2535	Đặng Thị Thu Hồng		1982	Tổ 2B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	880.000		F0
2536	Nguyễn Xuân Lan		1999	Tổ 13, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	960.000		F0
2537	Nguyễn Thị Diễm		1972	Tổ 13, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	960.000		F0
2538	Phạm Chúc Nhà		1994	Tổ 3, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	960.000		F0
2539	Nguyễn Thanh Thảo	1995		Tổ 15B, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	880.000		F0
2540	Vũ Nam Giang	1986		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	880.000		F0
2541	Nguyễn Thanh Liêm	1990		199, Tổ 19, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	800.000		F0
2542	Lê Hoàng Tư	1987		Ngõ Thời Nhiệm, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	800.000		F0
2543	Nguyễn Tuấn Anh	1992		Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	800.000		F0
2544	Nguyễn Hoàng Long	1975		Tổ 24, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	800.000		F0
2545	Hồ Đức Phong	1986		Hẻm 19, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	800.000		F0
2546	Lê Ngọc Dính	1955		Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.120.000		F0
2547	Lê Thị Thủy Chung		1987	Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.120.000		F0
2548	Trương Quốc Nam	1990		Hẻm G, Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.120.000		F0
2549	Đoàn Ngọc Anh		1983	Tổ 9, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.120.000		F0
2550	Hà Văn Đồng	1985		Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.040.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2551	Huỳnh Kim Phượng		1983	94, Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	960.000		F0
2552	Nguyễn Trần Đức Duy	1994		Tổ 20, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	960.000		F0
2553	Lý Thế Đạt	1970		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	960.000		F0
2554	Lê Ngọc Hiếu		1986	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	960.000		F0
2555	Hoàng Thanh Lâm	1964		Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	960.000		F0
2556	Tề Trương Tấn	1988		Tổ 13, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	960.000		F0
2557	Trần Bình Phong	1988		Công An Tt, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	800.000		F0
2558	Nguyễn Thành Đức	1995		Hẻm E, Tổ 19, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F0
2559	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		1997	Hẻm E, Tổ 19, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F0
2560	Nguyễn Hữu Hiền	1989		Tổ 32, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F0
2561	Nguyễn Minh Châu	1983		304. Huyện Trăn, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F0
2562	Nguyễn Thị Ngân Hà		1985	304. Huyện Trăn, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F0
2563	Đoàn Xuân Triết	1983		Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F0
2564	Phan Văn Tuấn	1993		25, Nguyễn Khuyến, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	880.000		F0
2565	Trần Thị Rắc Lin	1987		72, H 2A, Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	880.000		F0
2566	Nguyễn Thị Phi		1983	Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	880.000		F0
2567	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		1980	Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	880.000		F0
2568	Nguyễn Như Hải	1993		20, Ng Huệ, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2569	Đào Thị Hồng Mai		1969	Tổ 7A, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2575	Nguyễn Thị Chắc		1972	Tổ 3, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2576	Tôn Thất Anh Khoa	1981		515, Mạc Cửu, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F0
2577	Lê Thị Cẩm Thúy		1985	Tổ 10, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2578	Nguyễn Văn Huệ	1963		Tổ 27, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2579	Nguyễn Thị Tuyết Minh		1979	Hẻm 14, Tổ 6, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F0
2580	Trần Thị Liên		2000	101, Tổ 8, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F0
2581	Nguyễn Duy Thanh	1979		Tổ 15B, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	880.000		F0
2582	Lê Trường Khang	1994		Tổ 33, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	800.000		F0
2583	Lê Quang Nghĩa	1962		Tổ 33, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	800.000		F0
2584	Đinh Thị Hồng Ánh		1962	Tổ 33, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	800.000		F0
2585	Lê Thiện Phương Vân		1994	Tổ 33, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	800.000		F0
2586	Lê Hoàng Long	2004		Tổ 33, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	800.000		F0
2587	Lê Thị Cam		1969	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	800.000		F0
2588	Tạ Văn Nguyệt Ánh		1991	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	800.000		F0
2589	Nguyễn Thị Phúc		1981	Tổ 23, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/01/2021	720.000		F0
2590	Lê Thành Đô	1979		Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/01/2021	720.000		F0
2591	Lê Kim Chi		2002	Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/01/2021	720.000		F0
2592	Huỳnh Quang Vững	1962		Tổ 10, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	960.000		F0
2593	Nguyễn Thanh Hải		1977	Hẻm G, Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.120.000		F0



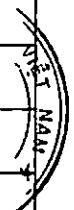
Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2594	Nguyễn Quốc Thắng	1983		Tổ 10, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	720.000		F0
2595	Nguyễn Thị Hiệp		1951	Tổ 10, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.120.000		F0
2596	Trần Minh Hoàng	1973		Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F0
2597	Nguyễn Hà Nam	1997		249, Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F0
2598	Nguyễn Trung Lập	1982		Hẻm 3, Tổ 19, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.120.000		F0
2599	Nguyễn Thị Diễm My		2003	Hẻm 3, Tổ 19, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.120.000		F0
2600	Nguyễn Tấn Tài	1971		Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0
2601	Hoàng Văn Tuấn	1981		186, Tổ 22, Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.120.000		F0
2602	Nguyễn Thị Thu Hồng		1953	515, T18, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2603	Giang Thị Lệ Hằng		1975	Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.120.000		F0
2604	Trần Thị Mến		1991	347, Tổ 13, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0
2605	Phạm Hoàng Ngọc	1992		347, Tổ 13, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0
2606	Nguyễn Trung Kiên	1983		Tổ 7A, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0
2607	Nguyễn Chí Cường	1987		31, Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0
2608	Nguyễn Thị Thảo		1987	Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0
2609	Lê Minh Trung	1997		436,Q180, Tổ 6, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0
2610	Nguyễn Trung Kiên	1996		Tổ 13, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0
2611	Nguyễn Thị Lan Anh		1999	Tổ 7, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	880.000		F0
2612	Phan Thị Thùy	1980	1980	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	880.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2613	Trần Út Hiền	1982		Hẻm 5, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.120.000		F0
2614	Nguyễn Thị Thoa		1978	Tổ 1, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	960.000		F0
2615	Khru Thị Thùy Trang		1991	Tổ 7 B, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	960.000		F0
2616	Trần Nhật Lợi	1981		Tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2617	Bùi Hoàng Giang	1984		Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.120.000		F0
2618	Danh Pho	1987		Tổ 11, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2619	Huỳnh Nguyễn Trí Tâm	1999		Tổ 12, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2620	Huỳnh Thanh Nga		1973	Tổ 24, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2621	Nguyễn Thị Hiền		1993	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2622	Lê Thị Cùa		1929	Tổ 9, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2623	Huỳnh Thị Phương		1964	Tổ 9, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2624	Trần Quốc Miêng	1961		Tổ 9, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2625	Trần Huỳnh	1988		Tổ 9, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2626	Vũ Trọng Cảnh	1990		Tổ 3, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.040.000		F0
2627	Nguyễn Thái Bình	1987		118, Tổ 7, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	960.000		F0
2628	Nguyễn Thị Ánh Hoa	1989		118, Tổ 7, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	960.000		F0
2629	Đỗ Hoàng Phi	1994		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	960.000		F0
2630	Đỗ Hoàng Duy	2002		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	960.000		F0
2631	Đỗ Văn Hay	1981		Tổ 17, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	960.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2632	Ngô Thị Thủy		1960	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/06/2021	960.000		F0
2633	Hà Thị Hằng		1985	Tổ 1, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F0
2634	Trần Thị Đàm		1981	Tổ 20, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	880.000		F0
2635	Đỗ Thị Hằng		1978	Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F0
2636	Nguyễn Hồng Thọ	1971		Tổ 9C, Hoà Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F0
2637	Lê Thị Thanh		1978	89, Tổ 13, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F0
2638	Danh Khét	1978		198, Tổ 25, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.040.000		F0
2639	Hồ Thị Kim Xuyên		1983	198, Tổ 25, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.040.000		F0
2640	Nguyễn Thị Muội		1957	198, Tổ 25, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.040.000		F0
2641	Lưu Mạnh Tuấn	1988		Hẻm 16, Tổ 9, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.040.000		F0
2642	Nguyễn Lê Hoàng Thạch	2003		89, Tổ 13, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F0
2643	Nguyễn Thị Kiều		1988	Hẻm 8, Tổ 12, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	800.000		F0
2644	Nguyễn Trường Giang	1985		Khu Phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.120.000		F0
2645	Huỳnh Chí Linh	1994		Tổ 2, Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.120.000		F0
2646	Nguyễn Thị Hồng Phượng		1983	Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F0
2647	Huỳnh Nguyễn Bảo Nghiêm	1996		Tổ 2, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F0
2648	Nguyễn Văn Tèo	1977		1, Nguyễn Trãi, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.040.000		F0
2649	Trần Chung Chánh	1968		Tổ 9, Khu Phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.040.000		F0
2650	Trần Quốc Khánh	2003		Tổ 9, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	960.000		F0

11/12/2021

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2651	Đặng Thị Bích Vân		1981	E1-C12, Đỗ Thị Phức	An Hòa	Rạch Giá	Kiên Giang	15/12/2021	880.000		F0
2652	Phạm Huy Tường	1982		Tổ 3, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	960.000		F0
2653	Nguyễn Thị Oanh		32725	Tổ 2, Khu Phố Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F0
2654	Nguyễn Thị Kim Sơn		20455	Tổ 19, Khu Phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.280.000		F0
2655	Võ Mạnh Hiền	34291		Tổ 2, Khu Phố Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	880.000		F0
2656	Nguyễn Thành Tin	29884		Tổ 1 Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F0
2657	Tê Dạ Ngọc		33397	Tổ 17 Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/12/2021	720.000		F0
2658	Trương Bạch Mai		21436	Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.040.000		F0
2659	Nguyễn Kim Hồng		31284	Khu Phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	960.000		F0
2660	Trần Thanh Lâm	28307		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	960.000		F0
2661	Trần Hoàng Huy	29/4/2005		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F0
2662	Lý Hoàng Cường	18/05/2005		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/03/2021	880.000		F0
2663	Nguyễn Thị Như Ý		10/10/2005	Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.120.000		F0
2664	Tô Thị Uyên		1959	Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	880.000		F0
2665	Hồ Bình Thạnh	1995		Tổ 2, Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	960.000		F0
2666	Hồ Thị Hải		1991	Khu Phố Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	800.000		F0
2667	Trần Thị Thùy Ngân		1986	Tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	880.000		F0
2668	Nguyễn Thị Thúy		1995	Tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	880.000		F0



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2669	Trần Thành Tín	1982		Tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	880.000		F0
2670	Trần Chậm	1956		Tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	880.000		F0
2671	Nguyễn Thanh Thủy		1983	Tổ 3, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	720.000		F0
2672	Đoàn Tuấn Linh	1974		Tổ 2B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	800.000		F0
2673	Phạm Minh Châu	2002		Tổ 15, Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.120.000		F0
2674	Nguyễn Hoàng Anh Đức		2018	Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.040.000		F0
2675	Võ Ngọc Tường Vy	2018		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.040.000		F0
2676	Nguyễn Gia Bảo		2009	Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2677	La Chí Minh		2014	Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2678	Nguyễn Triệu Hà An	2013		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2679	Nguyễn Triệu Văn		2017	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2680	Phan Tài Đức		2014	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2681	Phan Triệu Anh Tài		2019	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2682	Nguyễn Huỳnh Gia Huy		2015	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2683	Nguyễn Huỳnh Gia Phúc		2019	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	960.000		F0
2684	Nguyễn Phan Như Quỳnh	2006		Tổ 5, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.040.000		F0
2685	Lê Phúc Bảo Khang		2008	Tổ 6, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F0
2686	Đỗ Trọng Khôi		2016	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F0
2687	Đỗ Hiệu Lam	2013		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2688	Huỳnh Gia Bảo		2018	Tổ 6, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.120.000		F0
2689	Nguyễn Ngọc Hân	2015		Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
2690	Vũ Ngọc Thảo	2019		Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
2691	Vũ Đình Ân		2021	Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
2692	Nguyễn Hồng Phúc	2009		Tổ 11, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
2693	Phan Gia Kiệt		2006	Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
2694	Đặng Lê Thiên Vân	2019		Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.120.000		F0
2695	Lâm Như Trâm	2007		Tổ 27, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
2696	Đoàn Hoài Anh	2011		Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
2697	Đoàn Minh Khuê	2015		Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
2698	Nguyễn Ngọc Bình Minh	2006		Tổ 3, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.120.000		F0
2699	Phan Nhật Trường		2017	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2700	Bùi JULI	2015		Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2701	Bùi Gia Phát		2018	Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2702	Tôn Nữ Ngọc Khánh	2014		Tổ 18, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2703	Tôn Nữ Ngọc Khuê	2018		Tổ 18, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2704	Nguyễn Huỳnh Phong		2009	Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2705	Trần Lê Nguyên		2011	Tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2706	Lý Thành Đạt		2012	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2707	Ngô Như Lan	2008		Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2708	Ngô Thùy Lam	2015		Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2709	Ngô Bảo Lê	2020		Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2710	Trần Đại Vy		2007	Tổ 20, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2711	Trần Phúc Thịnh		2016	Tổ 20, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2712	Lê Phù Bảo Long		2012	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2713	Châu Thiên Mỹ	2021		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2714	Đặng Gia Linh	2021		Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2715	Đỗ Chí Dũng		2020	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2716	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	2013		Tổ 20, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2717	Nguyễn Ngọc Tường Vy	2010		Tổ 8, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2718	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2015		Tổ 8, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2719	Phạm Hoàng Anh Thư	2006		Tô Châu, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F0
2720	Phạm Hoàng Minh Thư	2010		Tô Châu, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2721	Nguyễn Trần Đăng Khoa		2014	Tổ 20, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2722	Lê Ngọc Tâm		2012	Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2723	Lê Ngọc Thiện		2009	Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2724	Vũ Thảo Vy	2014		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2725	Vũ Đình An		2018	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2726	Trương Lê Tuấn Anh		2015	Hẻm G, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
2727	Trương Lê Minh Hiếu	2018		Hẻm G, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F1
2728	Lâm Trang Như Ý	2012		Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2729	Lâm Như Ngọc	2021		Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2730	Nguyễn Bảo Anh	2017		Tổ 7A Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2731	Huỳnh Tuấn Kiệt		2012	Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2732	Trần Thị Trang	2006		Tổ 11, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	560.000		F0
2733	Lương Mạnh Thiên Phúc		2021	Tổ 11, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2734	Nguyễn Ngọc Anh	2010		Tổ 17, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2735	Đinh Thị Nhật Minh	2008		Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2736	Nguyễn Hồng Thảo My	2018		Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2737	Hồ Phương Linh	2018		Tổ 25, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2738	Kiều Anh Kiệt		2007	Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2739	Nguyễn Đình Phú Quý		2007	Tổ 23, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2740	Lê Đăng Khôi Nguyên		2016	Tổ 10, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2741	Lê Đăng Tú Uyên	2019		Tổ 10, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2742	Nguyễn Minh Triết		2017	Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2743	Trần Thị Diễm Thu	2011		Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2744	Tạ Trung Tài		2015	Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2745	Hà Ngọc Gia An	2015		Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2746	Nguyễn Thái Khang		2016	Tổ 1, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2747	Nguyễn Nhật Thành		2016	Tổ 24, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2748	Lê Huỳnh Thiên Ngân	2010		Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2749	Lê Huỳnh Bảo Quyên	2013		Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2750	Lý Tường Minh		18/12/2005	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2751	Trương Thanh Phượng	2019		Tổ 9, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2752	Đỗ Hương Giang	2014		Tổ 13, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2753	Nguyễn Phi Hùng		2010	Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2754	Lương Quốc Tài		2007	Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2755	Lương Hà Ngọc Thu	2012		Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2756	Diệp Thủy Tiên	2015		Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2757	Nguyễn Tiến Dũng		2017	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2758	Phan Nguyên		2014	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2759	Hồ Phú Thịnh		2016	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2760	Phạm KAYLE	2018		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2761	Lê Nguyễn Khánh Hân	2019		tổ 16, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	640.000		F0
2762	Lê Nguyễn Khánh Vân	2012		tổ 16, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	640.000		F0
2763	Nguyễn Ngọc Minh Châu	2009		Tổ 17, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2764	Trần Trí Hoàng		2008	Tổ 11, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2765	Phan Trung Tín		2015	Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2766	Phạm Thiên Nhi	2020		Hẻm 16, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F0
2767	Phạm Thiên Kim	2018		Hẻm 16, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.120.000		F0
2768	Trần Quốc Huy		2008	Tổ 9, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F0
2769	Phạm Trương Bảo Ngọc	2015		tổ 3, kiên tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F0
2770	Phạm Trương Trí Tín		2018	tổ 3, kiên tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F0
2771	Trần Nguyên Khang		2019	tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.040.000		F0
2772	Đỗ Minh Nhật		#####	Tổ 2 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F0
2773	Đỗ Việt Anh		#####	Tổ 2 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.120.000		F0
2774	Lê Nguyễn Anh Khoa		#####	Tổ 1 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2775	Trương Lê Cát Tường	40827		Tổ 1 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2776	Trương Lê Cát Tiên	42154		Tổ 1 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2777	Nguyễn Tâm An	42834		Khu phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2778	Nguyễn Hữu Nghị		#####	Khu phố Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2779	Trần Ngọc Tiền	27/7/2018		tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2780	Trần Ngọc Tỷ		#####	tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2781	Lê Hoàng Khang		#####	Tổ 10 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.360.000		F0
2782	Nguyễn Quốc Minh		#####	Tổ 10 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.360.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2783	Nguyễn Quốc Mẫn		#####	Tổ 10 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.360.000		F0
2784	Lê Quang Thu		#####	Tổ 4 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F0
2785	Phạm Quốc Hiếu		#####	KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.280.000		F0
2786	Phạm Thanh Thảo	#####		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.280.000		F0
2787	Bùi Kim Anh	#####		Tổ 6 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2788	Bùi Ngọc Anh	#####		Tổ 6 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2789	Đoàn Châu Gia Đạt		#####	KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2790	Nguyễn Trung Tín		#####	Tổ 7b Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2791	Trình Chí Hào		#####	Tổ 7b Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	880.000		F0
2792	Trần Huỳnh Khang Hy		#####	Tổ 9 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0
2793	Võ Ngọc Anh Thư	#####		Tổ 18 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.200.000		F0
2794	Huỳnh Hữu Nhân		2011	Tổ 18 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2795	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	#####		Tổ 10 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2796	Nguyễn Bảo Anh		#####	Tổ 10 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2797	Nguyễn Thu Hương	#####		Tổ 7A KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2798	Tổng Nam Dương		#####	Tổ 12 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2799	Lê Phù Nguyễn Khánh		#####	Tổ 18 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2800	Nam Minh Khôi		#####	KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2801	Nguyễn Trần Nguyên Lộc		#####	Tổ 14 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.040.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2802	Nguyễn Trâm Anh	#####		Tổ 19 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.120.000		F0
2803	Vũ Tô Ngọc Anh	#####		Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2804	Vũ Tô Thảo Nguyên	#####		Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2805	Lê Phương Anh	#####		KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2806	Lê Hoàng Gia Yên	#####		KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2807	Lê Châu Anh	#####		KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2808	Nguyễn Phan Bảo Anh	#####		Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	880.000		F0
2809	Nguyễn Bá Quân Anh		#####	Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	880.000		F0
2810	Nguyễn Minh Phú		#####	Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F0
2811	Nguyễn Thị Kim Ngọc	#####		Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F0
2812	Nguyễn Thị Kim Vàng	#####		Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F0
2813	Nguyễn Chí Khải		#####	Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	880.000		F0
2814	Vũ Nguyễn Bảo Ngọc	#####		Tổ 01 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2815	Nguyễn Ngọc Trâm	#####		Tổ 2b KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F0
2816	Nguyễn Đặng Thái Nguyên		24/12/2014	Tổ 2b KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	720.000		F0
2817	Nguyễn Lê Thanh Hà	#####		Tổ 9c KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2818	Nguyễn Lê Thanh Hòa	#####		Tổ 9c KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2819	Tô Lê Ngọc Minh	#####		KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	880.000		F0
2820	Nguyễn Đoàn Gia An		#####	Tổ 9 KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0

1
NĂM 4

★
CỘNG

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
2821	Nguyễn Đoàn Như Ý		#####	Tổ 9 KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	880.000		F0
2822	Mành Phước Thiện		#####	Tổ 3, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	960.000		F0
2823	Mành Thiên Phú		#####	Tổ 3, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	800.000		F0
2824	Phạm Ngọc Minh		#####	tổ 15, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.200.000		F0
I									23.680.000		
01	Nguyễn Văn Bền	1987		Tổ 8, KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	160.000		F1
02	Nguyễn Thị Kim Quyết		1970	Lò Bom - KL	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	640.000		F1
03	Cao Thị Luận		1970	Lò Bom - KL	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	640.000		F1
04	Bùi Thanh Xuân		1993	Ngã Ba - KL	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	640.000		F1
05	Trần Thúy Phượng		1982	Xà Ngách - KL	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	640.000		F1
06	Lý Văn Thạnh		1984	Hòa Giang	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	640.000		F1
07	Tô Văn Dũng	1969		Xà Ngách - KL	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	640.000		F1
08	Võ Thanh Thủy	1970		Khu phố I	Tô Châu	Hà Tiên	Kiên Giang	26/8/2021	1.200.000		F1
09	Lê Thị Thu Thủy		1981	Khu phố I	Tô Châu	Hà Tiên	Kiên Giang	26/8/2021	1.200.000		F1
10	Ngô Thị Phước		1993	Thạch Động	Mỹ Đức	Hà Tiên	Kiên Giang	26/8/2021	160.000		F1
11	Thị Lệ Hoa		1981	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	320.000		F1
12	Dương Vu	1980		Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	320.000		F1
13	Dương Thúy Hồng		2006	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	320.000		F1
14	Thị Sen		1937	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	320.000		F1
15	Huỳnh Thị Kim Chi		2002	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	160.000		F1
16	Thị Hoa		1991	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	160.000		F1
17	Đặng Văn Thạch	1975		Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	160.000		F1
18	Mã Hoài Dương	1994		Tổ 1 - Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
19	Dương Thảo	2004		Tổ 1 - Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
20	Liêu Thị Bích Ngọc		1991	Ấp Hòa Phẫu		Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
21	Trần Bích Tý		1984	Thuận Yên		Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
22	Trần Thị Huệ		1981	Ấp Hòa Phẫu		Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
23	Tô Thị Bé Diệp		1992	Ấp Bãi chà và		Hà Tiên	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
24	La Bích Thủy		1984	Ấp Xoa Áo		Hà Tiên	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
25	Lý Thị Thu Hương		1985	Ấp Hòa Phú		Hà Tiên	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
26	Trần Thị Huỳnh Như		1992		Bình San	Hà Tiên	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
27	Nguyễn Thị Ngân		1960		Tô Châu	Hà Tiên	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
28	Trần Ngọc Thanh		1992		Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
29	Trần Thị Lệ Quyên		1988		Tô Châu	Hà Tiên	Kiên Giang	28/8/2021	240.000		F1
30	Nguyễn Thị Ngọc Đào		1976	Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	160.000		F1
31	Nguyễn Minh Ngọc		1999	Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	160.000		F1
32	Nguyễn Như Ngọc		2009	Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	160.000		F1
33	Phạm Thành Diệp	1981		Cư Trảng	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	160.000		F1
34	Ngô Văn Thư	1986		Cư Trảng	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	160.000		F1
35	Phạm Xuân Trường	1983		Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	160.000		F1
36	Thị Sai		1966	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	160.000		F1
37	Trần Tấn Phát	2017		Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	160.000		F1
38	Trọng Nhân	2020		Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	160.000		F1
39	Thị Liễu		1957	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	160.000		F1
40	Thị Trúc Đào		2013	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	160.000		F1
41	Danh Thành Đạt	2015		Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	160.000		F1
42	Danh Thanh Đông	2005		Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
43	Thị Khôi		1978	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
44	Lê Thị Hoàng Dung		1977	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
45	Nguyễn Thị Kim Hồng		1964	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
46	Dương Thị Bích		1987	Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
47	Trần Thị Kim Hưng		2003	Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
48	Nguyễn Thị Ngọc Phương		2002		Thuận Yên	Hà Tiên	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
49	Lâm Kim Thoa		2003		Tô Châu	Hà Tiên	Kiên Giang	30/8/2021	480.000		F1
50	Lâm Thị Nhân		1981		Tô Châu	Hà Tiên	Kiên Giang	30/8/2021	240.000		F1
51	Hoàng Thị Yến		1992	Tổ 35 - Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	240.000		F1
52	Nguyễn Song Hiệp	2021		Tổ 35 - Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
53	Nguyễn Hoàng Phúc	1958		Tổ 35 - Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	240.000		F1
54	Nguyễn Văn Hồ	1986		Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	240.000		F1
55	Lê Trần Quốc Đạt	2005		Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	160.000		F1
56	Nguyễn Văn Khải	1965		Tổ 35, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	320.000		F1
57	Đặng Thị Hào		1961	Tổ 35, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	320.000		F1
58	Ngô Thị Ninh		1974	Tổ 11, Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	03/09/2021	720.000		F1
59	Thị Ngọc Trân		1983	Tổ 5, Trần Thệ, Phú Mỹ	Giang Thành	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.120.000		F1
60	Lê Văn Nghiệp	1984		Tổ 5, Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	1.040.000		F1
61	Đào Huỳnh Như		1995	Tổ 25, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.760.000		F1
62	Lê Thị Dung		1970	Kp xà gạch	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.760.000		F1
II									82.320.000		
63	Nguyễn Minh Luân	1991		TTYT	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	1.200.000		F1
64	Trần Thanh Ní	1992		TTYT	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	1.200.000		F1
65	Trần Văn Tền	1990		TTYT	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	1.200.000		F1
66	Bùi Thị Hương		1975	TTYT	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	1.200.000		F1
67	Nguyễn Phước Hải	1976		Hòn Tre	Kiên Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	11/08/2021	1.200.000		F1
68	Nguyễn Thái Học	1992		Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	12/8/2021	1.200.000		F1
69	Hoàng Minh Tuấn	1980		Hải Đội 2	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/8/2021	1.200.000		F1
70	Nguyễn Chí Dũng	1983		Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	14/8/2021	1.040.000		F1
71	Trần Tú Em	1982		KP Xà gạch	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.200.000		F1
72	Trần Tú Xuân	1985		KP Xà gạch	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.200.000		F1
73	Lê Đông Hồ	1988		Tổ 1, KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.200.000		F1

123456789101112131415161718192021222324252627282930313233343536373839404142434445464748495051525354555657585960616263646566676869707172737475767778798081828384858687888990919293949596979899100

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
74	Triệu Trung Kiên	2004		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.200.000		F1
75	Nguyễn Văn Phước	1965		Ấp Càng	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	17/8/2021	1.200.000		F1
76	Phạm Thị Nhuận		1965	Ấp Càng	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	17/8/2021	1.200.000		F1
77	Liêu Hoàng Thâm	1956		Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
78	Trần Văn Cường	1975		Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
79	Phan Trung Nhân	1979		Tổ 4, Kênh 9	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
80	Phan Trung Tuấn	1971		Tổ 4, Kênh 9	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
81	Trần Bé Sáu		1992	Tổ 4, Kênh 9	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
82	Cao Văn Thò	1971		Cổng Bình An	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
83	Phạm Văn Cương	1995		Cổng Bình An	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
84	Trần Đức Thắng	2002		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/8/2021	1.200.000		F1
85	Điền Văn Khương	1996		Kiên Bình	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
86	Nguyễn Văn Trung	1979		Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
87	Thái Hồng Sinh	1992		Tổ 7, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/8/2021	1.200.000		F1
88	Phạm Văn Sang	1995		Tổ 12, Kiên tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/8/2021	1.200.000		F1
89	Huỳnh Ngọc Tuấn Kiệt	1999				Kiên Hải	Kiên Giang	23/8/2021	1.200.000		F1
90	Phạm Văn Tùng	1968		Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/8/2021	1.200.000		F1
91	Phan Thanh Hùng	1977		Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/8/2021	1.200.000		F1
92	Phạm Phú Quốc	1976		Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/8/2021	1.200.000		F1
93	Nguyễn Thiên Sơn	1986		Hòa Giang	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	25/8/2021	1.200.000		F1
94	Châu Thanh Văn	1960		Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	26/8/2021	1.120.000		F1
95	Nguyễn Minh Vương	1977		Tổ 1, Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	26/8/2021	1.200.000		F1
96	Nguyễn Thanh Sang	1981		Tổ 1, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1
97	Huỳnh Thanh Phú	1994		Tổ 5, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1
98	Trương Bé Ty	1987		Tổ 2, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1
99	Trần Thanh Tâm	1987		Tổ 1, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1
100	Trần Hoàng Khương	1999		Tổ 6, ấp Hòn Trẹn	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1
101	Nguyễn Trường Duy	1992		Tổ 18, KP Lô Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1
102	Trần Trung Hiếu	1994		Số 274B, KP Xà ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
103	Trần Thị Kim Phần		1997	Nhà Trọ Kim Sang	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/8/2021	1.120.000		F1
104	Danh Thị Yến Như		2005	Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	17/8/2021	1.040.000		F1
105	Lê Thị Trúc Hà		1981	Tổ 17, KP Lò Bo,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/8/2021	1.040.000		F1
106	Trần Chí Cường	1989		Tà Săng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
107	Nguyễn Thành Khuê	1956		Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
108	Nguyễn Quốc Lợi	1990		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
109	Đặng Quang Trung	1986		Long Bình	Biên Hòa	Kiên Lương	Đồng Nai	20/8/2021	1.200.000		F1
110	Dương Minh Cảnh	1972		Tổ 1, KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
111	Dương Minh Hiếu	2001		Tổ 1, KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
112	Nguyễn Thanh Thủy	1974		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
113	Nguyễn Hoàng Phúc	2003		Cổng Bà Tài, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
114	Nguyễn Thanh Mẫn	2000		Tổ 15, KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
115	Nguyễn Phú Hào	2002		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
116	Nguyễn Hoàng Dương	1993		KP 4, Đông Hồ	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
117	Huỳnh Tuấn Thiện	2001		Cổng Bà Tài, Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
118	Danh Quanh	1999		Rẫy mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
119	Nguyễn Văn Sinh	1964		Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
120	Dương Minh Vũ	1992		Tổ 1, KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
121	Nguyễn Thanh Cảnh	2006		Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
122	Dương Minh Vương	1979		Tổ 8, Cống Tre	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
123	Trần Văn Huệ	1996		Tổ 4, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
124	Nguyễn Thị Thúy Kiều		1980	Tổ 8, Cống Tre	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
125	Nguyễn Duy Khánh	1982		Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
126	Phạm Thanh Tới	1981		Hẻm 30, KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
127	Huỳnh Phú Sơn	1965		Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/8/2021	1.200.000		F1
128	Trần Ngọc Mai		1994	Tổ 7, KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/8/2021	1.120.000		F1
129	Nguyễn Anh Tuấn	2017		Tổ 7, KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/8/2021	1.120.000		F1
130	Nguyễn Bích Phượng		2008	Tổ 7, KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/8/2021	1.120.000		F1
131	Dương Vũ Linh	1996		Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/8/2021	1.120.000		F1
132	Nguyễn Thanh Hậu	2005		Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/8/2021	1.040.000		F1
III									226.800.000		F1
133	Ngô Thúy Phượng		1974	16 QL 80, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
134	Nguyễn Anh Khoa	1992		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
135	Nguyễn Văn Thuận	1966		17/31, Tổ 4, KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
136	Châu Minh Kiệt	2013		17/31, Tổ 4, KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
137	Nguyễn Thị Hậu		1968	17/31, Tổ 4, KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
138	Nguyễn Mạnh Hùng	1994		17/31, Tổ 4, KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
139	Trần Thị Ngọc Sâm		1994	17/31, Tổ 4, KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
140	Nguyễn Trần Tuệ Nhi		2020	17/31, Tổ 4, KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
141	Nguyễn Hòa Thuận Ka	2003		Tổ 9, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
142	Nguyễn Ngọc Sang	1997		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
143	Lê Thị Chua		1958	Tổ 3, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
144	Phạm Thanh Long	1988		206, Tổ 16, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
145	Nguyễn Ngọc Hào	2003		Tổ 17, Kp tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
146	Vũ Đức Anh	1984		Tổ 5, Hòn Chông	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
147	Nguyễn Quang Hòa	1986		Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
148	Lê Doãn Bắc	1980		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
149	Nguyễn Tấn Cảnh	1995		Tổ 16, Kp tám thước	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
150	Nguyễn Khắc Dũng	1970		Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
151	Trương Lê Kim Lan	2013		Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
152	Nguyễn Trung Thành	2018		Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
153	Trương Lê Kim Thế	2013		Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
154	Trương Lê Ngọc Hân		2010	Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
155	Võ Thị Thom		1994	Tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
156	Nguyễn Văn Hồng	1960		202/60 Tổ 12 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
157	Phạm Thị Vân		1960	202/60 Tổ 12 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
158	Nguyễn Văn Sơn	1984		202/60 Tổ 12 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.200.000		F1
159	Danh Tư	1958		Tổ 3, Kp Xà gác	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.360.000		F1
160	Dương Thị Điều		2013	Tổ 3, Kp Xà gác	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.360.000		F1
161	Lê Thị Thảo		1959	Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	320.000		F1
162	Ngô Văn Hoạt	1954		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	320.000		F1
163	Hoàng Minh Tiến	2010		Hẻm 13, Tổ 4, KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	320.000		F1
164	Mai Thị Quỳnh Hoa		2009	Tổ 13, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	400.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
165	Nguyễn Văn Quang	1979		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	480.000		F1
166	Ngô Thị Mai		1984	Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	480.000		F1
167	Ngô Trí Tôn	2005		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	480.000		F1
168	Lưu Thiên Trường	1981		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	480.000		F1
169	Ngô Tuấn Anh	2006		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	720.000		F1
170	Nguyễn Văn Thuận	1994		Hẻm 30, Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	720.000		F1
171	Phạm Thị Sản		1959	Tổ 13, Kp tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	800.000		F1
172	Mai Thị Như Quỳnh		2003	Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	800.000		F1
173	Nguyễn Thị Tiên		2011	Hẻm 30, Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	800.000		F1
174	Nguyễn Thị Thủy Dương		2005	Hẻm 30, Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	800.000		F1
175	Võ Hữu Nghĩa	1958		Tổ 13, Kp tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.040.000		F1
176	Lương Ngọc Bình	1985		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.040.000		F1
177	Trần Văn Dị	1983		Tổ 5, Hòn Chông	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000		F1
178	Trần Văn Hoàng	2004		Tổ 5, Hòn Chông	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000		F1
179	Hà Văn Mỹ	1974		Hẻm 30, Tổ 13, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000		F1
180	Vũ Bảo Anh	2016		Tổ 13, Kp tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000		F1
181	Vũ Hữu Thành	1987		Hẻm 19, Kp Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000		F1
182	Lữ Văn An	1983		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000		F1
183	Lê Hồng Thoại	1981		Tổ 1, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000		F1
184	Danh Toàn	1981		Tổ 1, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000		F1
185	Phạm Văn Em	1980		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000		F1
186	Nguyễn Thị Cẩm Duyên		1982	Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000		F1
187	Đặng Văn Tú	1999		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000		F1
188	Ngô Thị Hạnh		1981	Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000		F1
189	Lưu Thiên Giang	2002		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
190	Lê Văn Tuổi	1937		Tổ 18, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	160.000	F1
191	Nguyễn Hoàng An	2006		Tổ 18, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	160.000	F1
192	Thị Sại		1949	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	320.000	F1
193	Ông Thị Thắng		1991	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	320.000	F1
194	Dương Quốc Tuấn	2010		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	320.000	F1
195	Dương Tuấn Tú	2015		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	320.000	F1
196	Danh Song	1965		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	320.000	F1
197	Danh Dương	1990		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	320.000	F1
198	Danh Thái Đình	2014		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	320.000	F1
199	Danh Thị Kim Thủy		2016	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000	F1
200	Danh Thái Duy	2017		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000	F1
201	Thị Phụng		1962	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000	F1
202	Thị Nhung		1958	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.200.000	F1
203	Hồ Phước Thịnh	1979		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/9/2021	160.000	F1
204	Chao Út	1992		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/9/2021	320.000	F1
205	Nguyễn Minh Thái	1995		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	21/9/2021	320.000	F1
206	Lê Anh Kiệt	1959		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
207	Nguyễn Phước Khen	1981		Tổ 4, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
208	Nguyễn Hoàng Phúc	2009		Tổ 4, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
209	Nguyễn Đức Hòa	1990		Tổ 8, KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
210	Bùi Hữu Thành	1972		Hẻm 9, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
211	Tạ Văn Ngoan	1964		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
212	Phạm Bảo Nghi	1997		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
213	Tạ Việt Quy	2015		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
214	Lê Phạm Bảo Quyên		2000	Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
215	Lê Phạm Đăng Khoa	2014		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
216	Nguyễn Thanh Tâm	1988		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
217	Đoàn Tường Vy		2012	Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
218	Trần Thế Hòa	1981		Tổ 5, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
219	Nguyễn Tuấn Anh	1990		Tổ 12, Kp xá gạch	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện				
1	2	3	4	5			6	7	8	9
220	Bùi Văn Hải	1970		Tổ 40, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
221	Hồ Ngọc An		2001	Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
222	Hồ Phúc Lộc	2008		Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
223	Hồ Phước Tường	1971		Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
224	Trương Thị Kiều Trang		1971	Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
225	Hồ Phước Tiến	2008		Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
226	Hứa Trường An	1993		Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
227	Trần Thị Bé		1953	Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
228	Nguyễn Ngọc Phát Tài	2012		Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	160.000	F1
229	Phạm Văn Toàn	1995		Bình An	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000	F1
230	Đinh Thị Nga		1992	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000	F1
231	Nguyễn An Thùy		1979	CXá ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.440.000	F1
232	Lê Phạm Bảo Quyền		2000	Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.280.000	F1
233	Phạm Lê Đăng Khoa	2014		Tổ 8, Bại Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.280.000	F1
234	Châu Hiền	1951		Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.920.000	F1
235	Châu Thị Hờ		1988	Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.680.000	F1
236	Danh Lợi	1989		Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.680.000	F1
237	Danh Mỹ Quyền		2016	Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.680.000	F1
238	Từ Hải Yến	1980		Tổ 6, Lung Lớn, Kiên Bình	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.520.000	F1
239	Võ Văn Trạch	1962		Tổ 3 Lung Lớn, Kiên Bình	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.520.000	F1
240	Huỳnh Thành Hương	1970		tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.200.000	F1
241	Nguyễn Thị Phiếp		1969	tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.200.000	F1
242	Huỳnh Thành Luân	2017		tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.200.000	F1
243	Huỳnh Thành Long	1994		tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.200.000	F1
244	Cao Thị Thùy Linh		1996	tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.200.000	F1
245	Huỳnh Thành Luật	2018		tổ 24, Kp Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.200.000	F1
246	Dương Tường	2004		Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.120.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
247	Danh Hùng	2013		Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.120.000	F1
248	Dương Chương	1978		Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.120.000	F1
249	Thái Thành Lưu	2000		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	720.000	F1
250	Thị Ray		1989	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	640.000	F1
251	Son Tuấn	1992		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	640.000	F1
252	Hồng Văn Hiếu	1985		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	640.000	F1
253	Thị Ráy		1984	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	640.000	F1
254	Hồng Rì Bằng		2009	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	640.000	F1
255	Hồng Rì Ta		2011	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	640.000	F1
256	Danh Xi	1969		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	640.000	F1
257	Dương Pha La		1990	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	320.000	F1
258	Dương Bảo Anh		2016	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	320.000	F1
259	Thị Linh Đa		2014	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	320.000	F1
260	Vũ Bảo Anh	2016		Tổ 13, Kp tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
261	Vũ Hữu Thành	1987		Hẻm 19, Kp Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
262	Tạ Văn Ngoan	1964		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
263	Phạm Bảo Nghi	1997		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
264	Tạ Việt Quy	2015		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
265	Hồ Ngọc An		2001	Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
266	Hồ Phúc Lộc	2008		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
267	Hồ Phước Tường	1971		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
268	Trương Thị Kiều Trang		1971	Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
269	Hồ Phước Tiến	2008		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
270	Hứa Trường An	1993		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
271	Trần Thị Bé		1953	Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
272	Nguyễn Ngọc Phát Tài	2012		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	800.000	F1
273	Lữ Văn An	1983		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	560.000	F1
274	Danh Thị Kim Thủy		2016	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	560.000	F1
275	Danh Thái Duy	2017		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	560.000	F1
276	Thị Phụng		1962	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	560.000	F1
277	Thị Nhung		1958	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	560.000	F1
278	Trần Đức Thông	1967		tổ 40, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương			29/9/2021	1.200.000	F1
279	Vũ Văn Quy	1984		Tổ 9, Kp Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	1.200.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4			5		6	7	8	9
280	Nguyễn Văn Thành	1963		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	1.200.000		F1
281	Vũ Quyết Thắng	1980		Tổ 23, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	1.200.000		F1
282	Tạ Văn Bình	1972		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	1.200.000		F1
283	Phạm Văn Toàn	1995		Bình An	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	960.000		F1
284	Đinh Thị Nga		1992	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	960.000		F1
285	Nguyễn An Thủy		1979	Xà ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	960.000		F1
286	Lý Thái Nguyên	1986		Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	08/10/2021	880.000		F1
287	Dương Thanh Hà		1994	Sơn Hải	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	08/10/2021	880.000		F1
288	Nguyễn An Thủy		1979	Xà ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/10/2021	880.000		F1
289	Trần Văn Dự	1983		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	80.000		F1
290	Lê Anh Kiệt	1959		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	80.000		F1
291	Trần Văn Hoàng	2004		Tổ 5, Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	160.000		F1
292	Hà Văn Mỹ	1974		Hẻm 30, Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	160.000		F1
293	Nguyễn Phước Khen	1981		Tổ 4, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	160.000		F1
294	Nguyễn Hoàng Phúc	2009		Tổ 4, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	160.000		F1
295	Nguyễn Đức Hòa	1990		Tổ 8, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	160.000		F1
296	Bùi Hữu Thành	1972		Hẻm 9, Kp Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	160.000		F1
297	Trần Thế Hoa	1990		Tổ 5, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	240.000		F1
298	Bùi Văn Hải	1970		tổ 40, Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	240.000		F1
299	Châu Thị Định		1962	Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	240.000		F1
300	Nguyễn Hồ Phương Ly		2003	Tổ 6, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	160.000		F1
301	Nguyễn Thanh Tâm	1988		Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	320.000		F1
302	Đoàn Tường Vy		2012	Tổ 8, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	320.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
303	Nguyễn Tuấn Anh	1990		Tổ 12, xà ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	320.000		F1
304	Danh Rum	1975		Tổ 02, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	240.000		F1
305	Danh Quỳnh	1960		Tổ 02, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	240.000		F1
306	Ngô Thị Hạnh		1981	Tổ 5, Hòn Chông	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	320.000		F1
307	Phùng Huỳnh Anh		2006	Tổ 17, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	320.000		F1
308	Nguyễn Văn Lý	1964		Tổ 6, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	320.000		F1
309	Vũ Thị Thu		1968	Tổ 34, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	480.000		F1
310	Nguyễn Tú Trinh		1994	Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	480.000		F1
311	Trần Thế An	2020		Tổ 34, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	480.000		F1
312	Trần Thanh Ní	1964		Tổ 1, Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	400.000		F1
313	Lê Thị Tuyết Lan		1965	Tổ 1, Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	400.000		F1
314	Nguyễn Văn Tý	1983		Tổ 1, Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	400.000		F1
315	Danh Thị Hồng		2004	Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	240.000		F1
316	Dương Thị Huệ		1976	Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	240.000		F1
317	Nguyễn Đình Bảo	2002		Tổ 34, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	640.000		F1
318	Trần Minh Khang	2018		Tổ 34, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	640.000		F1
319	Trần Hồng Phúc	1989		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	640.000		F1
320	Danh Thị Xuân		1999	Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	560.000		F1
321	Dương Phước	1998		Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	560.000		F1
322	Dương Hoàng Thiên	2020		Tổ 2, Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	560.000		F1
323	Dương Duy	2006		Tổ 2, Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	560.000		F1
324	Dương Văn Tiêu	1972		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000		F1
325	Danh Sóc Thi	1983		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000		F1
326	Nguyễn Văn Tuấn	1984		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000		F1
327	Châu Ngọc Phát	2009		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000		F1
328	Lý Phát Tài	2010		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000		F1
329	Huỳnh Văn Định	2006		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000		F1
330	Lý Hải Đăng	2006		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
331	Châu Hoàng Đạt	2005		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
332	Chương Văn Trọng	2006		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
333	Huỳnh Văn An	1977		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
334	Huỳnh Quang Đức	2016		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
335	Lê Huỳnh Đức	2007		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
336	Danh Nhân	1992		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
337	Lê Hoàng Khánh Quy	1999		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
338	Trần Nhân Tính	1991		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
339	Lê Chí Thiện	1993		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
340	Lê Lý Tuấn Kiệt	2019		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
341	Hà Văn Lộc	2002		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
342	Hà Văn Thiện	1969		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
343	Trần Văn Biếu	1967		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
344	Đình Văn Linh	2003		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
345	Lý Thành Được	1989		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
346	Lâm Văn Hà	1967		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
347	Lâm Văn Thành	1995		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
348	Lê Quang Đạt	2008		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
349	Đặng Thị Khánh Quyên		1979	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
350	Hà Sung Gái		1967	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
351	Hà Tiên Lan		1968	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
352	Nguyễn Kim Thương		2012	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
353	Thị Sương		1951	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
354	Thị Dây		1973	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
355	Dương Thị Bé Nga		2005	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
356	Thị Yến Phương		2008	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
357	Phù Tiểu Thủy		1998	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
358	Phạm Ngọc Loan		2009	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
359	Lâm Ngọc Trinh		2008	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
360	Lâm Thị Tol		1965	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
361	Hà Thị Mai		1971	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
362	Trần Tố Trinh		2013	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
363	Lý Kim Ngân		1991	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
364	Hà Thị Thảo		1970	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
365	Đình Bích Quyên		2001	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
366	Trần Ngọc Lan Anh		2020	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
367	Hà Thị Di		1965	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1
368	Phạm Thị Thu Thảo		1985	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	1.040.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
369	Lý Bảo Ngọc		2020	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.040.000		F1
370	Lâm Hà Bích		1993	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.040.000		F1
371	Hà Thị Tền		1941	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.040.000		F1
372	Thị Mỹ Lan		2005	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.040.000		F1
373	Phạm Luân Hoà		1994	993 Ngõ Quyền- RG	Rach Gia	Rach Gia	Rach Gia	960.000		F1
374	Dương Văn Sứa		1979	Thị Tứ- Cu Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
375	Chao Sóc Phon		1976	Trị Tôn	TT Kiên Lương	Trị Tôn	An Giang	960.000		F1
376	Tăng Phước Lộc		1977	Cư Xã Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
377	Tăng Nguyễn Quân		2010	Cư Xã Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
378	Nguyễn Lương Cao Trí		1992	Kp. Ngã 3	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
379	Trần Thanh Nhứt	2005		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
380	Dương Lâm Hải Yến		2002	Thị Tứ- Cu Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
381	Nguyễn Thanh Dạ Thảo		1972	Cư Xã Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
382	Lâm Thị Xuân Lý		1985	Cư Xã	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
383	Trần Thị Trúc Mai		2000	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
384	Trần Thị Ánh Tuyết		1983	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
385	Trần Thảo Nhi		2020	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1
386	Nguyễn Văn Tâm	1967		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F1
387	Trần Ngọc Huyền		1994	Kp- Cư Xã	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	880.000		F1
388	Nguyễn Thanh Liêm	1981		Hoà Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	720.000		F1
389	Nguyễn Trường Giang	2005		Hoà Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	720.000		F1
390	Tạ Ngọc Hương		2004	Hoà Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	720.000		F1
391	Nguyễn Thị Bích Nga		1983	Hoà Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	720.000		F1
392	Chương Thị Phương		1969	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	960.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điền trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
393	Dương Lâm Ngọc Thảo		2007	Thị Từ- Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	560.000		F1
394	Huỳnh Chấn Khang	2010		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	960.000		F1
395	Huỳnh Mỹ Lan		1972	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	960.000		F1
396	Lâm Quang Trung		1991	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	880.000		F1
397	Lâm Thị Dếch		1974	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	800.000		F1
398	Lâm Thị Đức		1972	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	Kiên Giang	800.000		F1
399	Lâm Thị Sang		1978	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	800.000		F1
400	Lâm Thị Xuân Đào		1989	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	880.000		F1
401	Lâm Thị Xuân Lan		1979	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	640.000		F1
402	Lâm Văn Lù	1965		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	400.000		F1
403	Lê Lâm Ngọc Tín	2008		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	640.000		F1
404	Lê Ngọc Trinh		2003	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	640.000		F1
405	Nguyễn Thị Ngọc Hoa		1985	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	800.000		F1
406	Phạm Thị Tám		1981	Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	480.000		F1
407	Phù Xê Sơn	1963		Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	400.000		F1
408	Tạ Ngọc Như		2009	Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	400.000		F1
409	Tạ Trung Tín	2015		Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	480.000		F1
410	Thị Dung		1990	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	960.000		F1
411	Trần Kim Oanh		2006	Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	800.000		F1
412	Trần Thị Trúc Linh		2005	Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/04/2021	480.000		F1
413	Trương Ngọc Phát	2016		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/01/2021	880.000		F1
414	Nguyễn Thị Bích Ngọc		1983	Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	320.000		F1
IV									240.480.000		
415	Viên Phú Thanh	1985		Ngân Hàng Kiên long,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4		5			6	7	8	9
416	Lê Hoàng Dũng	1989		Ngân Hàng kiên long ,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	1.200.000		F1
417	Nguyễn Quốc Cường	1993		Tổ 3, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	1.200.000		F1
418	Nguyễn Văn Khương	1983		Nhà Trọ Nguyễn Khang, Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	1.200.000		F1
419	Phùng Thị Kim Yén		1993	141, Tổ 22, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	1.200.000		F1
420	Lâm Ánh Tuyết		1985	Nhà Trọ Nguyễn Khang, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	1.200.000		F1
421	Lê Hoàng Phong	1985		Tổ 2 Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
422	Lê Trần Quốc Dũng	2008		Tổ 2 Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
423	Tạ Song Thọ	1995		Tổ 6, Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
424	Dương Đoàn	1991		Tổ 6, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
425	Trần Văn Cường	1994		Tổ 1, Hòa giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
426	Lê Trần Phương Uyên		2012	Tổ 2 Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
427	Trần Thị Triều Mến		1986	Tổ 2 Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
428	Nguyễn Thị Kim Dung		1980	Tổ 4, Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
429	Nguyễn Ngọc Tháo		1983	Tổ 7 Núi trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
430	Hồ Thị Nga		1979	Tổ 5 Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
431	Trần Kim Như		1976	Tổ 2, Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
432	Trần Thị Nhi		1996	Tổ 6, Cờ Trắng,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/8/2021	1.200.000		F1
433	Nguyễn Công Nghiệp	1982		Tổ 1, Hòa giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	2/9/2021	1.200.000		F1
434	Hồng Kim Thoa		1968	Tổ 1, Hòa giang,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	2/9/2021	1.200.000		F1
435	Nguyễn Huỳnh Như Ý		2008	Tổ 1, Hòa giang,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	2/9/2021	1.200.000		F1
436	Trịnh Thái Thịnh	1987		83/18C hẻm 20 Tổ 12 Tâm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	3/9/2021	1.200.000		F1
437	Nguyễn Thị Nguyệt Nhi		2000	Khu Phố Ba Hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	4/9/2021	1.200.000		F1
438	Huỳnh Chí Tâm	1996		SỐ 9, KP HÒA LẬP,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	5/9/2021	1.200.000		F1
439	Vương Bích Linh		1988	Hẻm 22, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	5/9/2021	1.200.000		F1
440	Nguyễn Lê Việt Hưng	1989		Tổ 4 Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
441	Đổng Chí Nhân	2010		Tổ 12 Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
442	Triệu Quốc Lộc	1998		Tổ 4 Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
443	Trần Gia Huy	2009		Tổ 1 áp Lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
444	Trần Gia Lâm	2015		Tổ 1 áp Lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
445	Triệu Thị Kiều Linh		1989	Tổ 4 Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
446	Nguyễn Ngọc Hương Thảo		2014	Tổ 4 Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
447	Trần Thị Ngọc Trang		1967	Tổ 4 Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
448	Võ Thị Mậu		1985	Tổ 1 áp Lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
449	Nguyễn Thị Gái		1968	Tổ 1 áp Lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
450	Thị Rô		1967	Tổ 9 Áp Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	640.000		F1
451	Dương Thị Suối		1986	Tổ 9 Áp Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	640.000		F1
452	Dương Thị Tuyết Ngân		2013	Tổ 9 Áp Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	640.000		F1
453	Châu Anh Tuyết		1952	Tổ 12 Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
454	Lê Minh Thông		1963	Tổ 1 áp Lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
455	Phạm Đức Minh	1986		Khu Phố Ba Hòn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	7/9/2021	1.200.000		F1
456	Dương Thị Bích Ngân		1987	Bình Trị, Kiên Lương	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	8/9/2021	1.200.000		F1
457	Lê Trung Hiền	2005		Tổ 10, Kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.200.000		F1
458	Ngô Văn Lý	1972		xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/9/2021	1.200.000		F1
459	Nguyễn Thị Năm		1927	xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/9/2021	1.200.000		F1
460	Danh Lộc	2001		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	1.200.000		F1
461	Hồ Văn Sang	1951		xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.280.000		F1
462	Danh Báoanh	2016		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
463	Danh Công Lý	2015		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
464	Danh Dũng	1987		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
465	Danh Phát Đạt	2016		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
466	Danh Phát Lộc	2012		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
467	Danh Quý	2011		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
468	Danh Tha	1960		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
469	Danh Xi	1969		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
470	Đào Hưng Định	2002		Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
471	Đinh Nhật Phúc	2019		Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
472	Đinh Văn Tý	1984		Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4			5	6	7	8	9
473	Dương Điệp	1958		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
474	Dương Pha La	1990		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
475	Dương Văn Minh	1973		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
476	Nguyễn Văn Lành	1985		Tổ 3, Ấp bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
477	Nguyễn Văn Tài	2007		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
478	Phan Minh Hoài	1985		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
479	Phan Minh Tiến	2018		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
480	Phan Minh Tính	2014		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
481	Quách Văn Tươi	1998		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
482	Son Tuấn	1992		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
483	Trần Nhỏ	1981		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
484	Nguyễn Minh Luân	1992		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
485	Trần Văn Khoa	1984			Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
486	Nguyễn Hải Đăng	2009		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
487	Trần Trung Hiếu	2018			Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
488	Trần Nhật Hào	2010		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
489	Nguyễn Thị Huỳnh Em	1988		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
490	Cao Dương Ngọc Giàu	2004		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
491	Cao Dương Ngọc Sang	2007		Tổ 5 xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
492	Cao Dương Trúc	2003		Tổ 5 xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
493	Danh Thị Diễm	1974		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
494	Danh Thị La	1983		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
495	Danh Thị Linh Đa	2014		Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
496	Đinh Thị Bé Phương	2006		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4		5			6	7	8	9
497	Đinh Thị Quế Anh		2016	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
498	Dương Quỳnh Anh		2017	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
499	Dương Thị Ba Pha		1977	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
500	Dương Thị Kim Châu		1999	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
501	Dương Thị Xuyên		1988	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
502	Hà Thị Mộng Mơ		2006	Tổ 4, Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
503	Hứa Thị Linh		1992	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
504	Ong Ngọc Thanh		1965	Tổ 4, Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
505	Ong Thị Mỹ Mái		2011	Tổ 4, Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
506	Phạm Thị Mỹ		1983	Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
507	Thị Diệu		1970	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
508	Thị Hiền		2010	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
509	Thị Lanh		1980	Tổ 5 xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
510	Thị Nền		1975	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
511	Thị Nga		2014	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
512	Thị Phọc		1971	Tổ 4, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
513	Thị Phót		1951	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
514	Thị Rây		1984	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
515	Thị Tênh		1977	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
516	Thị Tét		1954	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
517	Trần Thị Hiền		1969	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
518	Trần Thị Minh Thư		2000	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
519	Trần Thị Ngọc Mai		2020	Tổ 2-Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
520	Văn Thị Út		2002	Tổ 5 xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
521	Nguyễn Thị Sơn		1964	Tổ 3 Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.200.000		F1
522	Lê Hoàng Lạc	1978		586, Tổ 4, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
523	Lai Văn Tấn	1966		Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
524	Nguyễn Khắc Duy	1994		Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
525	Lê Hải Nam	1989		Tổ 1, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
526	Lê Bá An	2016		Tổ 1, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
527	Nguyễn Đức Lập	1958		Tổ 1, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
528	Ngô Văn Quốc	2007		Tổ 4, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
529	Lê Thị Ngọc Hoan		1976	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
530	Nguyễn Thị Kim Cúc		1949	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
531	Nguyễn Thị Thu Uyên		1981	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
532	Lại Thị Tuyết Nhung		1986	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
533	Nguyễn Ngọc Kiều Anh		2002	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
534	Trịnh Thị Duyên		1965	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
535	Trịnh Thị Phượng		1972	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
536	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		1989	Tổ 1, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
537	Lê Cát Châu An		2020	Tổ 1, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.200.000		F1
538	Bùi Đức Hân	1971		Tổ 18, Cư xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.200.000		F1
539	Đoàn Minh Thái	2005		Tổ 16, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
540	Vũ Kim Thi		1976	Tổ 18, Cư xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.200.000		F1
541	Nguyễn Thị Thanh Loan		1971	Tổ 16, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.200.000		F1
542	Lê Văn Minh	1971		Hẻm 11, Tổ 8, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.200.000		F1
543	Đinh Thái Lâm	2011		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
544	Đinh Thái Lợi	2009		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
545	Đinh Văn Long	1983		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
546	Đinh Văn Hồng	1981		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
547	Đinh Văn Thoại	2005		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
548	Đinh Văn Thông	1993		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
549	Dương Văn Trương	1976		Ấp Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	320.000		F1
550	Cao Bên	1952		KP Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
551	Thị Lài		1987	Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	2/10/2021	1.200.000		F1
552	Phạm Minh Luân	2017		Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	3/10/2021	800.000		F1
553	Nguyễn Thị Minh Tâm	2012		Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	3/10/2021	1.200.000		F1
554	Nguyễn Thành Được	1988		Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	3/10/2021	1.200.000		F1
555	Dương Thị Kim Cương		1995	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	3/10/2021	800.000		F1
556	Dương Thị Kim Thoa		1988	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	3/10/2021	1.200.000		F1
557	Nguyễn Dương Ngọc Trân		2019	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	3/10/2021	800.000		F1
558	Lý Thị Hiệp		1976	Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	4/10/2021	320.000		F1
559	Dương Phan	1999		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	4/10/2021	320.000		F1
560	Dương Hoài	1997		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	4/10/2021	320.000		F1
561	Trần Thị Bích Đào		1955	Tổ 19, KP Tám Thước,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	4/10/2021	1.200.000		F1
562	Tổng Gia Hân		2006	Tổ 19, KP Tám Thước,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	4/10/2021	1.200.000		F1
563	Phạm Ngọc Giàu		1992	ẤP NÚI TRÀU	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	5/10/2021	1.200.000		F1
564	Trần Trung Ngọc	2003		Ấp Thạnh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	7/10/2021	1.360.000		F1
565	Dương Thanh Phương	1990		Ấp Thạnh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	7/10/2021	1.280.000		F1
566	Nguyễn Văn Khánh	1974			Xã Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.440.000		F1
567	Nguyễn Gia Kỳ	2008			Xã Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.360.000		F1
568	Dương Thị Mỹ Nhân		1990	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.280.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
569	Nguyễn Thu Tuyết		1979		Xã Hòn Nghé	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.360.000		F1
570	Nguyễn Gia Quỳnh		2003		Xã Hòn Nghé	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.360.000		F1
571	Lý Thị Hiệp		1976	Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	10/04/2021	320.000		F1
572	Nguyễn Thị Minh Tâm		2012	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/03/2021	640.000		F1
573	Nguyễn Thành Đức		1988	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/03/2021	640.000		F1
574	Nguyễn Hoàng Giang		2001		Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/16/2021	640.000		F1
575	Nguyễn Chí Thiện		2019		Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/16/2021	640.000		F1
576	Châu Hiền		1951	Tổ 2, NÚI MÂY	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	10/14/2021	960.000		F1
577	Từ Hải Yến		1980	Tổ 6, LUNG LỚN	Xã KIÊN BÌNH	Kiên Lương	Kiên Giang	10/14/2021	960.000		F1
578	Thái Thành Lưu		2000	Tổ 2, BA TRẠI	Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/07/2021	1.360.000		F1
579	Hà Văn Bình		1999	ẤP BA TRẠI	Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/19/2021	320.000		F1
580	Huỳnh Văn Phát		1997	ẤP BA TRẠI	Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/19/2021	160.000		F1
581	Huỳnh Tùng		1969	ẤP BA TRẠI	Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/19/2021	1.360.000		F1
582	Dương Sanh		1998	ẤP BA TRẠI	Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/19/2021	320.000		F1
583	Dương Sơn		1968	ẤP BA TRẠI	Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/19/2021	1.360.000		F1
584	Nguyễn Văn Cường		1988	ẤP BA TRẠI	Xã BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/19/2021	1.360.000		F1
585	Nguyễn Chí Hùng		1985	ẤP BÀI NAM	Xã HÒN NGHÉ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/26/2021	800.000		F1
586	Nguyễn Chí Dũng		2008	ẤP BÀI NAM	Xã HÒN NGHÉ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/26/2021	800.000		F1
587	Nguyễn Chí Hải		2013	ẤP BÀI NAM	Xã HÒN NGHÉ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/26/2021	800.000		F1
588	Dương Thanh Điện		1986	ẤP LUNG LỚN	Xã KIÊN BÌNH	Kiên Lương	Kiên Giang	10/30/2021	240.000		F1
589	Nguyễn Bảo Khang		1995	ẤP LUNG LỚN	Xã KIÊN BÌNH	Kiên Lương	Kiên Giang	10/30/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
590	Nguyễn Quốc Linh	2019		ẤP LUNG LỚN	, XÃ KIÊN BÌNH	Kiên Lương	Kiên Giang	10/30/2021	240.000		F1
591	Ngô Văn Hải	1969		TỔ 1 ẤP CÔNG TRE,	XÃ KIÊN BÌNH	Kiên Lương	Kiên Giang	10/31/2021	160.000		F1
592	Dương Thị Kim Thoa		1988	TỔ 8, ẤP MŨI DỪA,	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/03/2021	640.000		F1
593	Liêu Thị Thúy Kiều		2001		XÃ BÌNH AN	Kiên Lương	Kiên Giang	10/16/2021	640.000		F1
594	Nguyễn Thị Mỵ		1979	ẤP BÃI NAM	, XÃ HÒN NGHỆ	Kiên Lương	Kiên Giang	10/26/2021	800.000		F1
595	Dương Thanh Thảo		2010	ẤP LUNG LỚN	, XÃ KIÊN BÌNH	Kiên Lương	Kiên Giang	10/30/2021	240.000		F1
596	Thị Đông		1998	ẤP LUNG LỚN	, XÃ KIÊN BÌNH	Kiên Lương	Kiên Giang	10/30/2021	240.000		F1
597	Đỗ Thị Mãnh		1954	Tổ 5 Lung kha na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	5/9/2021	480.000		F1
598	Lâm Bích Nhi		1988	329 Tổ 5, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	5/9/2021	480.000		F1
599	Trần Trung Kiên	1986		Tổ 1 ấp Lung lớn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	1.200.000		F1
600	Trần Thị Mỹ Hạnh		1985	Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	400.000		F1
601	Trịnh Thị Lý Hương		2012	Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	400.000		F1
602	Dương Dọn	1963		Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	560.000		F1
603	Trịnh Chia	1981		Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	560.000		F1
604	Trịnh Tiến Đạt	2010		Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	560.000		F1
605	Nguyễn Thanh Nhân	1980		Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	560.000		F1
606	Nguyễn Thanh Nguyên	2010		Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	560.000		F1
607	Nguyễn Thanh Quyên		2012	Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	6/9/2021	560.000		F1
608	Trần Thị Mỹ Hạnh		1985	Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	11/9/2021	1.200.000		F1
609	Đỗ Thị Mãnh		1954	Tổ 5 Lung kha na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/9/2021	1.200.000		F1
610	Lâm Bích Nhi		1988	329 Tổ 5, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/9/2021	1.200.000		F1

THÁNG 10 NĂM 2021

CHỖ CHỮ

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
611	Trịnh Thị Lý Hương		2012	Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	11/9/2021	1.200.000		F1
612	Dương Dợn	1963		Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.200.000		F1
613	Trịnh Chia	1981		Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.200.000		F1
614	Trịnh Tiến Đạt	2010		Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.200.000		F1
615	Nguyễn Thanh Nhân	1980		Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.200.000		F1
616	Nguyễn Thanh Nguyên	2010		Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.200.000		F1
617	Nguyễn Thanh Quyên		2012	Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.200.000		F1
618	Dương An	1992		Xá Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.120.000		F1
619	Ngô Thanh Quý	1992		ấp Thanh Lợi,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	880.000		F1
620	Dương Hải Đăng	1986		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	960.000		F1
621	Dương Minh Ngọc	2020		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	960.000		F1
622	Dương Văn Hải	1967		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	960.000		F1
623	Khem Srey Mon	1993		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	960.000		F1
624	Dương Thị Bảo Nhi		2021	Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	960.000		F1
625	Lý Lại Sy		1993	Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	960.000		F1
626	Phù Thị Huốc		1968	Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	960.000		F1
627	Nguyễn Thị Minh Châu		1979	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.200.000		F1
628	Phạm Thị Khả Hân		2021	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	3/10/2021	480.000		F1
629	Trần Trung Kiên	1986		Tổ 1 ấp Lung lớn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/9/2021	320.000		F1
630	Ngô Thanh Quý	1992		ấp Thanh Lợi,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	03/10/2021	320.000		F1
631	Dương An	1992		Xá Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	2.880.000		F1
632	Dương Minh Ngọc	2020		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4		5			6	7	8	9
633	Dương Văn Hải	1967		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	240.000		F1
634	Khem Srey Mon	1993		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	240.000		F1
635	Dương Thị Bảo Nhi		2021	Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	240.000		F1
636	Lý Lại Sy		1993	Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	240.000		F1
637	Dương Hải Đăng	1986		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	240.000		F1
638	Phù Thị Huốc		1968	Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	240.000		F1
639	Ông Thị Ngọc Thủy		1994	KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	480.000		F1
640	Điệp Chí Nguyễn	1995		ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	320.000		F1
641	Nguyễn Thị Kim Liên		1993	ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	320.000		F1
642	Tổng Phước Đức	1977		Tổ 19, KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	1.120.000		F1
643	Phạm Thị Khả Hân		2021	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	09/10/2021	320.000		F1
644	Phạm Thị Khả Hân		2021	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.280.000		F1
645	Ông Thị Ngọc Thủy		1994	KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
646	Tổng Phước Đức	1977		Tổ 19, KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
647	Điệp Chí Nguyễn	1995		ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/09/2021	800.000		F1
648	Nguyễn Thị Kim Liên		1993	ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/09/2021	800.000		F1
									64.800.000		
649	Vũ Thị Kim Yến		1976	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	240.000		F1
650	Nguyễn Ngọc Giàu	2014		Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
651	Đào Xuân Minh	1990		Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
652	Giang Thanh Phúc	1981		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
653	Nguyễn Thanh Tuấn	1973		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
654	Danh Thén	1977		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
655	Nguyễn Tuấn Anh	1988		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
656	Ong Hữu Mộng	2009		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
657	Ong Tiến Mạnh	2013		Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
658	Phan Thành Kiệt	1960		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
659	Nguyễn Huỳnh Quốc Khải	2008		Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
660	Đoàn Ngọc Tới	1956		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
661	Dương Văn Phước	1962		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
662	Lê Nguyễn Văn Cao	2005		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
663	Nguyễn Văn Tâm	1961		Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
664	Trương Văn Hỷ	1953		Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
665	Lê Văn Phú	2017		Đi cùng ông Trương Văn Hỷ				12/9/2021	320.000		F1
666	Trần Phạm Tuấn	1994		Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
667	Lê Công Tuấn	1956		Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
668	Lương Thái Hồ	1982		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
669	Nguyễn Văn Cọp	1961		Hẻm 25, Kiên tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
670	Danh Điền	1983		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	560.000		F1
671	Hứa Văn Tích	1958		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	560.000		F1
672	Nguyễn Thị Huyền		1976	Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1

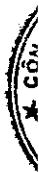
Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
673	Hồ Dương Tuyết Vân		1989	Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
674	Dương Thị Đàm		1963	Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
675	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		1997	Lò Bom,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
676	Giang Mỹ Duyên		2020	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
677	Ngô Thị Cẩm Uyên		2013	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
678	Bùi Minh Nguyệt		1984	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
679	Ngô Thị Cẩm Tiên		2011	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	160.000		F1
680	Lương Thị Bích Tuyền		1999	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
681	Nguyễn Thị Kim Nga		1966	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
682	Đoàn Kim Vinh		1961	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
683	Thị Phụng		1962	Tổ 2, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	560.000		F1
684	Nguyễn Thị Thanh Hường		1985	Tổ 35B, cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
685	Nguyễn Huỳnh Tý Phú		2018	Tổ 35B, cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
686	Vũ Kim Minh		1957	Tổ 4, Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	240.000		F1
687	Lê Đoàn Phương Thy		1983	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
688	Dương Thị Nở		1939	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
689	Lê Thị Trước		1963	Cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
690	Lê Tăng Khánh Ngọc		2013	Cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
691	Dương Thị Thanh Nga		1984	Cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
692	Lê Thị Nở		1958	Cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
693	Trần Thị Thoa		1964	Hẻm 25, Kiên tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
694	Nguyễn Bảo Châm		2008	Tổ 10, Kiên tân,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	320.000		F1
695	Trần Hứa Gia Thảo		2006	KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	560.000		F1
696	Hứa Thị Thanh Lý		1985	KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	560.000		F1
697	Nguyễn Văn Bích	1972		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
698	Huỳnh Thanh Tuấn	1966		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
699	Nguyễn Bảo Khang	2007		Tổ 15B, Cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
700	Phan Minh Phụng	2010		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
701	Phùng Minh Khôi	2019		Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
702	Lê Văn Phụng	1970		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
703	Trần Văn Khôi	1989		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
704	Hứa Thị Xuân Trúc		2018	KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
705	Hứa Thùy Tiên		2020	KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
706	Hứa Thanh Thủy		2020	KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
707	Dương Thị Tươi		1984	Mẹ của Nguyễn Dương Ngọc Tuyền	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
708	Nguyễn Xuân Hồng		1952	Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
709	Nguyễn Thị Hiền		1982	Tổ 12, hẻm 30	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
710	Nguyễn Thị Bích Ngân		2007	Tổ 12, hẻm 30	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
711	Nguyễn Thị Như Mộng		2004	Tổ 12, hẻm 30,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
712	Trần Bảo Ngọc		2015	Tổ 8, Ba hòn,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
713	Trần Thị Nga		1956	KP Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
714	Nguyễn Thị Tuyết		1972	KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
715	Trần Thị Hạnh		1944	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
716	Nguyễn Thị Bích Trang		1988	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
717	Lý Thị Hằng		1989	KP Cư xá mới,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	400.000		F1
718	Danh Đi	1987		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
719	Danh Sang	1992		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
720	Lý Văn Bi	1997		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
721	Dương Hiếu	1987		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
722	Trần Tuấn Văn	1976		Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	400.000		F1
723	Danh Thiét			Tổ 7, Hòn Trẹm,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	400.000		F1
724	Danh Thị Mai		1992	Tổ 6, cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
725	Nguyễn Thị Kim Ngân		1995	Tổ 4, Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
726	Thị Sen			Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
727	Danh Thị Ngọc		1993	Tổ 2, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
728	Phạm Nhật My		2003	KP Cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
729	Nguyễn Thị Liên		1987	Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	320.000		F1
730	Thị Diệu Hòa		2011	Tổ 1, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/9/2021	240.000		F1
731	Danh Bé	1986		Tổ 1, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
732	Lương Hoàng Đông	1975		Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
733	Danh Thiếp	1975		Tổ 2, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
734	Huỳnh Văn Hùng	1979		Tổ 1, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
735	Danh Rùm	1947		Tổ 2, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
736	Thị Diệu Hiền		2013	Tổ 1, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
737	Thị Salala		2003	Tổ 1, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
738	Thị Ri		1966	Tổ 1, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
739	Thị Kim Lài		1971	Tổ 2, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
740	Thị Năm		1978	Tổ 1, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
741	Huỳnh Thị Kim Trúc		2004	Tổ 1, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
742	Nguyễn Ngọc Dương Tuyền		2013	Cư xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	240.000		F1
743	Nguyễn Thanh Xuân	1982		Tổ 8, Bãi Giếng,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	240.000		F1
744	Huỳnh Phúc Hậu	1989		Tổ 8, Bãi Giếng,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	240.000		F1
745	Dương Văn Tài	1989		Tổ 5, Hòn Chông,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	240.000		F1
746	Danh Khắc	1977		Tổ 2, Ba Trại,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	240.000		F1
747	Trần Thị Ánh Nguyệt		1979	Tổ 8, Bãi Giếng,	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	240.000		F1
748	Lê Minh Vũ	1988		Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	240.000		F1
749	Phan Tấn Lập	1990		Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	240.000		F1
750	Vũ Văn Thiện	1973		Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	240.000		F1
751	Lê Thành Kỳ	2021		Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
752	Nguyễn Khắc Bình	1980		Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
753	Nguyễn Chu Phú Thịnh	2018		Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
754	Phùng Hoàng Đức Thắng	1979		Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
755	Chu Quang Vinh	1956		Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
756	Cao Hoàng Sơn	2004		Tổ 5, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
757	Hà Văn Ý	1988		Tổ 5, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
758	Hà Cao Nghĩa	2011		Tổ 5, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
759	Phạm Mạnh Tân	1978		Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
760	Hồ Thiên Phúc	2014		Tổ 8, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1
761	Trương Thanh Tú	2004		Tổ 15, khu phố Cư Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1
762	Lê Phương Nam	2000		Tổ 8, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.120.000		F1
763	Cao Bên	1952		Tổ 5, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
764	Hồ Hạnh Hiếu	2016		Tổ 06, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
765	Hồ Kỳ Phước	1944		Tổ 06, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
766	Lê Thị Mỹ Linh		2010	Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
767	Lê Thị Mỹ Chi		2017	Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
768	Đặng Thị Dề		1958	Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
769	Lê Kim Sự		1947	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
770	Phạm Thị Ngọc Tuyền		1988	Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	320.000		F1
771	Thị Hồng Tươi		2004	Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	400.000		F1
772	Vương Thị Xuân		1953	Tổ 5, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	400.000		F1
773	Nguyễn Thị Minh Lan		1988	Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	400.000		F1
774	Cao Mỹ Huỳnh		1990	Tổ 5, khu phố Xà Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1
775	Trần Ngọc Nguyên		2010	Tổ 15, khu phố Cư Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1
776	Phạm Thị Vân Anh		1990	Tổ 15, khu phố Cư Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1
777	Trần Ngọc Hào		2013	Tổ 15, khu phố Cư Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1
778	Từ Mỹ Kim		2019	Tổ 15, khu phố Cư Xá,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
779	Nguyễn Thị Ánh		1974	Tổ 8, khu phố Xã Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	480.000		F1
780	Cao Mỹ Miếu		1988	Tổ 5, khu phố Xã Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	640.000		F1
781	Trần Thị Huỳnh Như		2007	Tổ 5, khu phố Xã Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	640.000		F1
782	Phạm Thị Ngọc Thanh		1976	Tổ 18, khu phố Cư Xá Mới,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
783	Võ Thị Thúy Quỳnh		1986	Tổ 18, khu phố Cư Xá Mới,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
784	Nguyễn Thị Bích Phương		1977	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
785	Nguyễn Thị Băng Châu		1974	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
786	Phạm Thị Trúc Quỳnh		2005	Tổ 4, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
787	Phạm Kim Cúc		1958	Tổ 18, khu phố Cư Xá Mới,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
788	Trần Thị Như Ngọc		2017	Tổ 5, khu phố Xã Ngách,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
789	Vũ Thị Lệ Quyên		1970	Tổ 17, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
790	Trần Thị Trang Đài		2000	Tổ 17, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
791	Ngọc Thị Bích Quý		2006	Tổ 17, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.200.000		F1
792	Nguyễn Thị Liên		1987	Tổ 15, khu phố Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2022	320.000		F1
793	Trần Quốc Quân	2008		ấp Kênh 9,	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.120.000		F1
794	Trần Phước Hiệp	1990		ấp Kênh 9,	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.120.000		F1
795	Nguyễn Quang Huy	1998		ấp Kênh 9,	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.120.000		F1
796	Trần Quốc Việt	1996		ấp Kênh 9,	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.120.000		F1
797	Nguyễn Thành Trọng	1977		ấp Kênh 9,	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.120.000		F1
352.880.000											
798	Chao Út	1992		ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/9/2021	1.280.000		F1
799	Trần Văn Chiến	1988		ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/9/2021	1.280.000		F1
800	Dương Văn Tài	1984		ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/9/2021	1.280.000		F1
801	Nguyễn Thanh Vĩ	1985		ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/9/2021	1.280.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện				
1	2	3	4	5			6	7	8	9
802	Nguyễn Thanh Xuân	1980		ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
803	Danh Ngô	1954		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
804	Danh Hoàng Đức Anh	2019		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
805	Trần Văn Quyền	1949		ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
806	Dương Thương	1968		ấp bình đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
807	Đặng Văn Hào	1991		tổ 4 khu phố ba hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
808	Vũ Xuân Hương	1982		khu phố ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
809	Ông Vĩnh Lợi	1994		ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
810	Nguyễn Minh Thái	1995		ấp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
811	Danh Minh Hoàng	2004		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
812	Danh Minh Tiến	1998		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
813	Danh Thanh Kiên	1988		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
814	Danh Tu	1974		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
815	Thị Kim Yến		2000	ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
816	Châu Thị Thanh Loan		1998	ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
817	Trần Thị Mỹ Như		1980	khu phố cư xá	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
818	Nguyễn Diệu Hiền		1968	ấp công tre	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
819	Giang Thị Kha		1966	ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
820	Trần Thị Nga		1967	khu phố cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
821	Lý Văn Lan	1990		tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
822	Danh Thanh Kiêm	2018		tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
823	Danh Hứa	1961		tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
824	Lý Thành Đại	2000		tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
825	Trần Trung Kiên	2010		ấp kiên son	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
826	Trần Trung Hiếu	2019		ấp kiên son	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
827	Lương Tuấn Kha	2002		ấp kiên son	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
828	Đoàn Thanh Vững	1991		ấp song trinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
829	Nguyễn Kim Lượm	1968		ấp song trinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
830	Đoàn Văn Thanh	1951		ấp song trinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
831	Đặng Thành Đám	2014		ấp song trinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
832	Nguyễn Văn Đông	1989		ấp 3	Bình Giang	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
833	Dương Văn Cẩn	1994		tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
834	Danh Vương	1992		tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
835	Danh Thị Hạnh		1992	tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
836	Trần Thị Lệ		1978	ấp kiên son	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
837	Đoàn Thị Kim Loan		2014	áp song trình	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
838	Thị Xinh		1993	áp song trình	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
839	Đoàn Thị Anh Hồng		1977	áp song trình	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
840	Danh Thị Thúy An		2005	tổ 2 áp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
841	Thị Sên		1954	tổ 2 áp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
842	Danh Ngọc Yến		2012	tổ 2 áp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
843	Nguyễn Thị Thu Loan		1987	áp công tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
844	Lý Văn Tàu	1997		áp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
845	Dương Luân	2002		áp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
846	Danh Tho	1996		áp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
847	Võ Bạch Đằng	1951		áp hòa giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
848	Nguyễn Lâm Vũ Thanh	1993		áp ba trai	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
849	Danh Văn	1952		áp ba trai	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
850	Huỳnh Phúc Hậu	1989		áp bãi giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
851	Danh Tiên	1993		áp rạch đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
852	Phạm Hồng Thương	1993		áp bãi giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
853	Trần Văn Hồ	1965		áp bãi giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
854	Tô Hữu Tỷ	1985		áp bãi giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
855	Đỗ Văn Tới	1948		áp hòn trèm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
856	Ngô Thanh Hà	1974		áp hòn trèm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
857	Dương Kha	1984		áp hòn trèm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
858	Trần Văn Thành	1973		áp hòn trèm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
859	Trần Bình Minh	1980		áp hòn trèm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
860	Danh Văn Hoàng	1982		áp núi mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
861	Danh Phú	2000		áp núi mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
862	Huỳnh Văn Lợi	1999		áp hòa giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
863	Đình Văn Tình	1968		áp rạch đùng	Bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
864	Y Thành Khiếu	1996		áp ba trai	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
865	Phan Trần Nghiệp	2001		áp ba núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
866	Lâm Văn Nguyễn	1980		áp bãi giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
867	Lý Thị Cam		1968	áp núi mây	Bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
868	Dnh Thị Phương Anh		2003	áp núi mây	Bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
869	Châu Thị Tú Quyên		2003	áp núi trâu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
870	Danh Thị Thúy Vy		2020	áp núi trâu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
871	Thị Sên		1964	áp ba trai	Bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
872	Nguyễn Thùy Tuệ Anh		2018	áp ba trai	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
873	Nguyễn Thùy Tuệ An		2020	áp ba trai	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
874	Nguyễn Thị Tư		1968	áp ba núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
875	Nguyễn Thị Hà		1964	áp ba núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
876	Trịnh Hoa		1979	áp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
877	Lê Tuyết Mai		1973	áp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
878	Trần Thị Ánh Nguyệt		1979	áp bãi giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
879	Trần Thị Kim Chi		1970	áp hòn trèm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
880	Thị Được		1991	áp núi mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.200.000	F1
881	Thị Inh		1976	áp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
882	Thị Trường		1990	áp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
883	Nguyễn T Thanh Sơn		1969	áp ba núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
884	Nguyễn Thị Bé Chín		1999	áp bãi giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
885	Dương Thị Hương		1992	áp núi mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.280.000	F1
886	Trần Trung Kiên	1986		áp lung lớn	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.120.000	F1
887	Nguyễn Văn Đông	1991		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
888	Lê Hoàng Huy	2019		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
889	Nguyễn Duy Thanh	1979		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
890	Lê Văn Hoài	1981		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
891	Trần Tiến Đạt	2011		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
892	Hoàng Văn Lực	1995		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
893	Trần Văn Lai	1956		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
894	Trần Văn Vũ Em	1990		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
895	Vũ Trọng Du	1982		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
896	Lương VT	2003		tổ 4, KP Ngã Ba,	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000	F1
897	Đào Duy Khánh	1979		khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000	F1
898	Hà Gia Mỹ	1999		khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000	F1
899	Lê Thanh Mạnh	1985		khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
900	Nguyễn Chí Tường	2018		khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	160.000		F1
901	Phạm Văn Phúc	1987		khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000		F1
902	Đinh Bá Điện	1983		ấp Song Trinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
903	Danh Khôi	1981		ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
904	Danh Tình	2000		ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
905	Lý Thái Trọng	2004		ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
906	Nguyễn Văn Thắng	2014		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
907	Chung Gia Huy	2011		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
908	Lý Hải Đăng	2013		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
909	La Văn Long	1998		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
910	Lương Do	1965		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
911	Danh Quân	1965		ấp Núi Mây	Bình trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
912	Đồng Chí Nhân	2010		ấp công tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
913	Dương Dạn	1993		ấp núi trâu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
914	Lê Minh Thông	1963		ấp lung lớn	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
915	Lê Trung Hiền	2009		tổ 10 khu phố ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
916	Lý Văn Xương	1978		ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
917	Trần Gia Huy	2009		ấp lung lớn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
918	Trần Gia Long	2015		ấp lung lớn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
919	Triệu Quốc Lộc	1998		ấp kiên thanh	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
920	Nguyễn Thị Lạc		1965	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
921	Hầu Thị Anh Nguyệt		1985	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
922	La Thị Khánh Ly		2013	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
923	Nguyễn Bảo Nhi		2019	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
924	Lê Hoàng Hai Yến		2004	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
925	Thái Thị Màu		1976	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
926	Lê Thị Kiều Anh		2007	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
927	Phạm Thị Hòe		1993	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
928	Ngô Thị Minh Phương		1974	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
929	Nguyễn Thị Trang		1992	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
930	Nguyễn Thị Phương		1957	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
931	Nguyễn Thị Diệu		1970	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
932	Nguyễn Thị Thanh Hiếu		1993	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
933	Đào Thị Kim Ngọc		2019	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000		F1
934	Hà Mỹ Ngân		1996	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000		F1
935	Lê Ngọc Ánh Dương		2018	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000		F1
936	Ngô Thuý Ái		1996	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	160.000		F1
937	Nguyễn Thị Nhanh		1986	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000		F1
938	Trần Thị Thu Trang		1967	ấp kiên thanh	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
939	Trần Võ Thị Phương		1986	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
940	Võ Thị Màu		1985	ấp lung lớn	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
941	Thị Phút		1958	ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
942	Thị Hiền		2018	ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
943	Vương Thị Lan		1988	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
944	Võ Thị Đài		1968	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
945	Vương Thị Thu		1968	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
946	Vương Thị Mỹ Nhân		1990	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
947	Mai Ngọc Thư		1973	KP Cư Xá\	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
948	Lê Thanh Ái		1962	KP Cư Xá\	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
949	Danh Thị Hương		1979	ấp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
950	Châu Ánh Tuyết		1953	ấp công tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
951	Nguyễn Thị Bé Chín		1989	ấp bãi giềng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
952	Nguyễn Thị Gái		1968	ấp lung lớn	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
953	Thị Cương		1964	ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
954	Thị Hoàng		1967	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.120.000		F1
955	Đào Thanh Tuấn		2003	khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	400.000		F1
956	Văn Sù Sơ	2019		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
957	Văn Y Nam	2016		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
958	Nguyễn Tổng Vĩnh Hy	2016		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
959	Danh Dũng	1965		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
960	Lê Hữu Phước	1963		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
961	Nguyễn Đức Tài	2017		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
962	Nguyễn Văn Phúc	1962		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
963	Nguyễn Thanh Quý	1998		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
964	Nguyễn Phước Nam	2011		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
965	Tổng Gia Hân	2006		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
966	Trần Duy Chiến	1953		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
967	Lê Khôi Nguyên	2007		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
968	Thần Bảo Thác	1985		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
969	Bùi Văn Giang	1985		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
970	Phan Thanh Tuấn	1978		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
971	Mã Vũ Luân	2020		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
972	Mã Vũ Thanh	2011		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
973	Mã Trường Vũ	1991		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
974	Đoàn Văn Thanh	1964		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
975	Trương Đoàn Thảo	2013		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
976	Phạm Văn Ninh	1960		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
977	Huỳnh Văn Thanh	1985		ấp Bãi Ói	Dương Hòa Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
978	Tô Huỳnh Nhật Huy	2014		ấp Bãi Ói	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
979	Tô Thanh Lữ	1985		ấp Bãi Ói	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
980	Nguyễn Hoài Thanh	1983		ấp Cổng Tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
981	Nguyễn Văn Hưng	1985		tổ 21 Quốc Lộ 80	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
982	Quách Chấn Thiên	2009		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
983	Lê Mạnh Cường	1994		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
984	Lê Trường Thọ	1995		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
985	Vũ Đình Tuấn	1993		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
986	Trương Hoàng Thuận	2005		ấp Cổng Tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
987	Trương Thanh Hóa	1978		ấp Cổng Tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
988	Nguyễn Đức Vũ	2001		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
989	Lâm Đăng Khoa	2006		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
990	Lâm Thanh Bình	1992		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
991	Tổng Phước Đức	1977		KP Tân Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
992	Phạm Địa Mẫn	2009		KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
993	Phạm Trung Thu	1980		KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
994	Bùi Văn Cảnh			KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	320.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
995	Hà Dương Bảo	2002		khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	320.000		F1
996	Hà Dương Vệ Khoa	2004		khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	320.000		F1
997	Lê Văn Vũ	1988		khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
998	Lý Văn Nam			KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
999	Nguyễn Phạm Quang Hải			KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1000	Nguyễn Văn Mười			KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1001	Trần Thị Bích Đào		1955	KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1002	Phạm Thị Hoa		1966	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1003	Huỳnh Kiều Hoa		2014	ấp Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1004	Tô Huỳnh Ánh Quyên		2017	ấp Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1005	Đào Thị Cẩm Tiên		2012	ấp Cống Tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1006	Huỳnh Thị Nhung		1977	ấp Cống Tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1007	Huỳnh Thanh Trúc		2019	ấp Cống Tre	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1008	Nguyễn Hoàng Khánh Ly		2016	tổ 21 Quốc Lộ 80	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1009	Nguyễn Hoàng Diệu Anh		2013	tổ 21 Quốc Lộ 80	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1010	Dương Kim Thy		2000	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1011	Nguyễn Thị Tình		1965	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1012	Hoàng Thị Diệp		1955	KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1013	Phạm Thị Kim Ngân		1978	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1014	Lê Phạm Gia Hân		2008	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1015	Lê Phạm Mỹ Phương		2002	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1016	Phạm Thị Kim Tuyền		1980	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1017	Lê Trần Yến Vy		2003	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1018	Lê Bích Thủy		1975	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1019	Đặng Thị Tông		1952	KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1020	Ong Thị Ngọc Thủy		1994	KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1021	Tổng Gia Nghi		2009	KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1022	Tổng Thị Tuyết Mai		2002	KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1023	Hoàng Thị Lan		1958	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1024	Trần Thị Ni Na		1981	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1025	Lê Ngọc Thảo Nguyên		2017	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1026	Phạm Thị Thu Hường		2003	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1027	Trần Thị Phượng		1977	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1028	Tô Thị Minh Phung		1954	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1029	Phạm Ngọc Ánh		2016	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1030	Võ Thị Diên		1983	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1031	Nguyễn Thị Bích Trâm		2006	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1032	Võ Thị Kim Phương		1968	KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1033	Võ Thị Ánh Hồng		1967	KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1034	Mã Huyền Trân		1992	KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4		5			6	7	8	9
1035	Nguyễn Thị Nga		1972	KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1036	Hà Dương Quỳnh Anh		2007	khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	320.000		F1
1037	Lý Thị Mỹ Trang			khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.120.000		F1
1038	Lê Tuấn Khang	2000		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2022	1.120.000		F1
1039	Nguyễn Ngọc Thúy		1966	khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2022	1.120.000		F1
1040	Điệp Chí Nguyễn	1995		ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/09/2021	1.120.000		F1
1041	Nguyễn Thị Kim Liên		1993	ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	25/09/2021	1.120.000		F1
1042	Phạm Tuấn Anh	1997		ấp kiên sơn	Kiên bình	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2021	960.000		F1
1043	Huỳnh Văn Sa	2001		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2021	1.120.000		F1
1044	Danh Sôm	1930		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2021	1.120.000		F1
1045	Ong Tý Vững	1949		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2021	1.200.000		F1
1046	Chau Siel	1995		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2021	1.200.000		F1
1047	Huỳnh Thị Kim Trúc		2004	ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2021	1.200.000		F1
1048	Thị Năm		1978	ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2021	1.200.000		F1
1049	Huỳnh Duy Khánh	2007		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2121	1.040.000		F1
1050	Phạm Xuân Trường	1983		ấp núi trâu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/07/2021	1.280.000		F1
1051	Lâm Ngọc Duyên	1994		ấp hòn trèm	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	1.280.000		F1
1052	Tô Văn Dũng	1970		khu phố xá ngãch	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	640.000		F1
1053	Lý Văn Thanh	1969			Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	640.000		F1
1054	Danh Đình	1956		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	1.200.000		F1
1055	Dương Mới	1980		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	1.280.000		F1
1056	Cao Thị Luận		1993	khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	640.000		F1
1057	Trần Thủy Phương		1984	khu phố xá ngãch	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	640.000		F1
1058	Nguyễn Thị Kim Quyết		1970	khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	640.000		F1
1059	Bùi Thanh Xuân		1982	khu phố ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	640.000		F1
1060	Nguyễn Như Ngọc		2009	khu phố cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	1.280.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4		5		6	7	8	9
1061	Nguyễn Thị Ngọc Đào		1976	khu phố cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1062	Tăng Văn Trung	1947		ấp làng som	Bàn thạch			1.280.000		F1
1063	Lê Thị Thu		1977		Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1064	Danh Koong	1987		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1065	Danh Khắc			ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1066	Danh Phiép	1975		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1067	Danh Rum	1947		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1068	Danh Chánh Thi	1989		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1069	Đỗ Thành Đô	1986		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1070	Thị Giổ		1974	ấp song trình	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1071	Nguyễn Văn Mãi		1982	ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1072	Đình Hồng Lái	1980		ấp song trình	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1073	Phạm Thành Điệp	1981		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1074	Ngô Văn Thủ	1986		cờ trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1075	Lý Minh Trung	1998		khu phố ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.280.000		F1
1076	Dương Lý Minh	2003		ấp bãi trà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1077	Dương Lý Anh	1972		ấp bãi trà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1078	Đặng Hoàng Tuấn Vũ	1988		ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1079	Huỳnh Minh Đức	2009		ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1080	Dương Minh Đức	2006		ấp ngã tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1081	Tạ Minh Phú	1981		ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1082	Đặng Lý Thái Tường	2011		ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1083	Kiều Minh Vũ	1969			Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1084	Tạ Kim Hương	2011		ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1085	Trịnh Thị Phía		1987	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1086	Dương Kim Mai		1983	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1087	Huỳnh Thị Diệu		1965	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1088	Tạ Thị Tiên		1956	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1089	Lý Thị Nương		1965	ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1090	Đình Thị Hồng Yến		1992	ấp tá sáng	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1091	Trịnh Mỹ Ngọc		1980	ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.120.000		F1
1092	Dương Kim Mai		1984	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1093	Dương Thị Mỹ Hiền		1979	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1094	Lâm Thị Gái		1957	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1095	Dương Thị Hạnh		1963	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1
1096	Lê Thị Xuân		1976	ấp mũi dừ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	1.200.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
1097	Dương Mỹ Hạnh		1979	ấp mũi dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.200.000		F1
1098	Ngô Thị My		1963	ấp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.120.000		F1
1099	Dương Mỹ Kim		1968	ấp bãi trà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.200.000		F1
1100	Dương Thị Hồng Loan		1991	ấp bãi trà và	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.280.000		F1
1101	Dương Mỹ Châu		1967	ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.200.000		F1
1102	Tạ Thanh Quang	1989		ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	1.200.000		F1
1103	Nguyễn Thị Minh Châu		1979	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/09/2021	1.200.000		F1
1104	Trần Công Khanh	1972		kp cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	1.200.000		F1
1105	Đặng Văn Nhân	1947		ấp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/08/2121	1.120.000		F1
1106	Đặng Hoàng Hải Đăng	2001		ấp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/08/2121	1.200.000		F1
1107	Nguyễn Hoàng Ngọc Yến		2013	ấp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/08/2121	1.120.000		F1
1108	Lê Thị Hồng Ngân		1995	ấp bình đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/08/2121	1.200.000		F1
1109	Đặng Hoàng Út Nhung		1981	ấp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/08/2121	1.120.000		F1
Tổng Cộng (3.933 người)									3.395.840.000		

II TRẺ EM, NGƯỜI KHUYẾT TẬT, NGƯỜI CAO TUỔI

I. KHU CÁCH LY TẬP TRUNG NHÀ TRỢ BẢO QUỐC									37.000.000		
1	Ngọc Thị Bích Quý		2006	Tổ 17, khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
2	Trần Thị Huỳnh Như		2007	Tổ 5, khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
3	Trần Quốc Quân	2008		ấp Kênh 9	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
4	Lê Thị Mỹ Linh		2010	Tổ 15, khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
5	Trần Ngọc Nguyên		2010	Tổ 15, khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
6	Hà Cao Nghĩa	2011		Tổ 5, khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
7	Trần Ngọc Hào		2013	Tổ 15, khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
8	Hồ Thiên Phúc	2014		Tổ 8, khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
9	Hồ Hạnh Hiếu	2016		Tổ 06, khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
10	Lê Thị Mỹ Chi		2017	Tổ 06, khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
11	Trần Thị Như Ngọc		2017	Tổ 06, khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
12	Nguyễn Chu Phú Thịnh	2018		Tổ 06, khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
13	Từ Mỹ Kim		2019	Tổ 15, khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
14	Lê Thành Kỳ	2021		Tổ 15, khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
15	Trần Hứa Gia Thảo		2006	KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
16	Nguyễn Thị Bích Ngân		2007	Tổ 12, hẻm 30, Khu phố Ba hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
17	Nguyễn Bảo Khang	2007		Tổ 15B, Kp Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
18	Nguyễn Huỳnh Quốc Khải	2008		Kp Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
19	Nguyễn Bảo Châm		2008	Tổ 10, Kp Kiên tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
20	Ong Hữu Mộng		2009	Phu phố Xà Nghách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
21	Phan Minh Phụng	2010		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
22	Ngô Thị Cẩm Tiên		2011	Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
23	Thị Diệu Hòa		2011	Tổ 1, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	16/9/2021	1.000.000		F1
24	Ngô Thị Cẩm Uyên		2013	Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
25	Ong Tiến Mạnh	2013		Khu phố Xà Nghách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
26	Lê Tăng Khánh Ngọc		2013	Khu phố Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
27	Thị Diệu Hiền		2013	Tổ 1, Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	1.000.000		F1
28	Nguyễn Ngọc Dương Tuyền		2013	Khu phố Cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	1.000.000		F1
29	Nguyễn Ngọc Giàu		2014	Khu phố Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
30	Trần Bảo Ngọc		2015	Tổ 8, Khu phố Ba hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
31	Lê Văn Phú	2017		Đi cùng ông Trương Văn Hỷ	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
32	Nguyễn Huỳnh Tỳ Phú	2018		Tổ 35B, Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
33	Hứa Thị Xuân Trúc		2018	Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
34	Phùng Minh Khôi	2019		Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
35	Giang Mỹ Duyên		2020	Khu phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/9/2021	1.000.000		F1
36	Hứa Thủy Tiên		2020	Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
37	Hứa Thanh Thủy		2020	Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
II. KHU CÁCH LY TẬP TRUNG TRƯỜNG TIỂU HỌC KIÊN LƯƠNG 3									59.000.000		
1	Dương Minh Đức	2006		Ấp Ngã Tư	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.000.000		F1
2	Tổng Gia Hân	2006		KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
3	Lâm Đăng Khoa	2006		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
4	Lê Khôi Nguyên	2007		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
5	Huỳnh Duy Khánh	2007		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/08/2121	1.000.000		F1
6	Huỳnh Minh Đức	2009		ấp mũi dứa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.000.000		F1
7	Quách Chấn Thiên	2009		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
8	Phạm Dia Mẫn	2009		KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
9	Lê Trung Hiên	2009		tổ 10 khu phố ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
10	Trần Gia Huy	2009		ấp lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
11	Trần Trung Kiên	2010		ấp kiên sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	09/02/2021	1.000.000		F1
12	Đồng Chí Nhân	2010		ấp cống tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
13	Đặng lý Thái Tường	2011		ấp bãi ớt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.000.000		F1
14	Trần Tiến Đạt	2011		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
15	Nguyễn Phước Nam	2011		KP Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
16	Mã Vũ Thanh	2011		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
17	Tạ Kim Hương	2011		ấp bãi út	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/08/2021	1.000.000		F1
18	Chung Gia Huy	2011		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
19	Trương Đoàn Thảo	2013		khu phố kiên tấn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
20	Lý Hải Đăng	2013		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
21	Đặng Thành Đàm	2014		ấp song trình	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/02/2021	1.000.000		F1
22	Nguyễn Văn Thắng	2014		ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
23	Tô Huỳnh Nhật Huy	2014		ấp Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
24	Trần Gia Long	2015		ấp lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
25	Vân Y Nam	2016		KP Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
26	Nguyễn Tổng Vinh Hy	2016		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
27	Nguyễn Đức Tài	2017		KP Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
28	Danh Thanh Kiểm	2018		tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/02/2021	1.000.000		F1
29	Danh Hoàng Đức Anh	2019		ấp ba trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/01/2021	1.000.000		F1
30	Trần Trung Hiếu	2019		ấp kiên son	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	09/02/2021	1.000.000		F1
31	Lê Hoàng Huy	2019		KP Cu Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
32	Vân Sù Sơ	2019		KP Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
33	Mã Vũ Luân	2020		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
34	Nguyễn Thị Bích Trâm	2006		KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
35	Lê Thị Kiều Anh	2007		KP Cu Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
36	Lê Phạm Gia Hân	2008		KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
37	Nguyễn Như Ngọc	2009		khu phố cư xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4		5			6	7	8	9
38	Tổng Gia Nghi		2009	KP Tam Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
39	Danh Ngọc Yến		2012	tổ 2 ấp núi mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/02/2021	1.000.000		F1
40	Đào Thị Cẩm Tiên		2012	ấp Cổng Tề	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
41	Là Thị Khánh Ly		2013	ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
42	Nguyễn Hoàng Ngọc Yến		2013	ấp hòn chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/08/2121	1.000.000		F1
43	Nguyễn Hoàng Diệu Anh		2013	tổ 21, Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
44	Đoàn Thị Kim Loan		2014	ấp song trình	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/9/2021	1.000.000		F1
45	Huyền Kiều Hoa		2014	ấp Bãi Ốc	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
46	Nguyễn Hoàng Khánh Ly		2016	tổ 21, Khu phố Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
47	Phạm Ngọc Ánh		2016	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
48	Lê Ngọc Thảo Nguyễn		2017	KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
49	Nguyễn Thùy Tuệ Anh		2018	ấp ba trái	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.000.000		F1
50	Thị Hiền		2018	ấp Ba Trái	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
51	Nguyễn Bảo Nhi		2019	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
52	Huyền Thanh Trúc		2019	ấp Cổng Tề	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
53	Danh Thị Thúy Vy		2020	ấp núi trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	09/03/2021	1.000.000		F1
54	Nguyễn Thùy Tuệ An		2020	ấp ba trái	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.000.000		F1
55	Hà Dương Quỳnh Anh		2007	khu phố lò bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
56	Tô Huỳnh Ánh Quỳnh		2017	ấp Bãi Ốc	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
57	Lê Ngọc Ánh Dương		2018	khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
58	Nguyễn Chí Tường	2018		khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
59	Đào Thị Kim Ngọc		2019	khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
III. KHU CÁCH LY TẬP TRUNG NHÀ THIẾU NHI											
1	Nguyễn Thanh Cảnh	2006		Tổ 13, kp Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/08/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
2	Nguyễn Anh Tuấn	2017		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
3	Nguyễn Bích Phương		2008	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
4	Lê Trần Quốc Dũng	2008		Tổ 2 Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
5	Lê Trần Phương Uyên		2012	Tổ 2 Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
6	Nguyễn Huỳnh Như Ý		2008	Tổ 1, Hòa giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
7	Trần Gia Huy	2009		Tổ 1 ấp Lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
8	Đồng Chí Nhân	2010		Tổ 12 Công Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
9	Trịnh Tiến Đạt	2010		Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
10	Nguyễn Thanh Nguyên	2010		Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
11	Trần Gia Lâm	2015		Tổ 1 ấp Lung lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
12	Trịnh Thị Lý Hương		2012	Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
13	Nguyễn Thanh Quyền		2012	Tổ 6 Ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
14	Dương Thị Tuyết Ngân		2013	Tổ 9 Ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
15	Nguyễn Ngọc Hương Thảo		2014	Tổ 4 Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
16	Nguyễn Văn Tài	2007		Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
17	Nguyễn Hai Đăng	2009		Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
18	Trần Nhật Hào	2010		Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
19	Danh Quý	2011		Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
20	Danh Phát Lộc	2012		Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
21	Phan Minh Tính	2014		Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
22	Danh Công Lý	2015		Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
23	Danh Bảoanh	2016		Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
24	Danh Phát Đạt	2016		Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
25	Phan Minh Tiến	2018		Khu phố Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
26	Trần Trung Hiếu	2018		Kiên Bình, Kiên Lương	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
27	Đinh Nhật Phúc	2019		Khu phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
28	Đinh Thị Bé Phương		2006	Khu phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
29	Hà Thị Mộng Mơ		2006	Khu phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
30	Cao Dương Ngọc Sang		2007	Khu phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
31	Thị Hiền		2010	Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
32	Ông Thị Mỹ Mai		2011	Khu phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
33	Danh Thị Linh Đa		2014	Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
34	Thị Nga		2014	Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
35	Đinh Thị Quế Anh		2016	Khu phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
36	Dương Quỳnh Anh		2017	Khu phố Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
37	Trần Thị Ngọc Mai		2020	Tổ 2 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
38	Ngô Văn Quốc	2007		Tổ 4, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
39	Lê Bá An	2016		Tổ 1, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
40	Lê Cát Châu An		2020	Tổ 1, Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
41	Dương Minh Ngọc	2020		Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/09/2021	1.000.000		F1
42	Dương Thị Bảo Nhi		2021	Tổ 4, Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/09/2021	1.000.000		F1
43	Đinh Thái Lợi	2009		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.000.000		F1
44	Đinh Thái Lâm	2011		Tổ 2, ấp Núi Mây	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.000.000		F1
45	Nguyễn Thị Minh Tâm	2012		Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	03/10/2021	1.000.000		F1
46	Phạm Minh Luân	2017		Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	03/10/2021	1.000.000		F1
47	Nguyễn Dương Ngọc Trần		2019	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	03/10/2021	1.000.000		F1
48	Phạm Thị Khả Hân		2021	Tổ 8, Ấp Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	03/10/2021	1.000.000		F1
49	Tổng Gia Hân		2006	Tổ 19, KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1



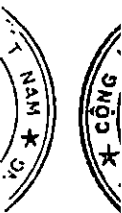
Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú			
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện					Tỉnh		
1	2	3	4	5			6	7	8	9			
50	Nguyễn Gia Kỳ	2008		Xã Hòn Nghé			Hòn Nghé	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.000.000		F1
IV. KHU CÁCH LY TẬP TRUNG KHÁCH SẠN MỸ LAN - XÃ BÌNH AN													
1	Huỳnh Văn Định	2006		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
2	Lý Hải Đăng	2006		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
3	Chương Văn Trọng	2006		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
4	Lê Huỳnh Đức	2007		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
5	Lê Quang Đạt	2008		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
6	Lê Lâm Ngọc Tín	2008		Khu phố Cư Xá			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/11/2021	1.000.000		F1
7	Châu Ngọc Phát	2009		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
8	Lý Phát Tài	2010		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
9	Tăng Nguyễn Quán	2010		Khu phố Cư Xá			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/11/2021	1.000.000		F1
10	Huỳnh Chấn Khang	2010		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
11	Tạ Trung Tín	2015		Khu phố Hoà Lập			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1
12	Huỳnh Quang Đức	2016		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
13	Trương Ngọc Phát	2016		Khu phố Cư Xá			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/11/2021	1.000.000		F1
14	Lê Lý Tuấn Kiệt	2019		Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
15	Trần Kim Oanh		2006	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
16	Dương Lâm Ngọc Thảo		2007	Khu phố Cư Xá			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/11/2021	1.000.000		F1
17	Thị Yến Phương		2008	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
18	Lâm Ngọc Trinh		2008	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
19	Phạm Ngọc Loan		2009	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
20	Tạ Ngọc Như		2009	Khu phố Hoà Lập			TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1
21	Nguyễn Kim Thương		2012	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
22	Trần Tố Trinh		2013	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
23	Trần Ngọc Lan Anh		2020	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
24	Lý Bảo Ngọc		2020	Áp Rẫy Mới			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	31/10/2021	1.000.000		F1
25	Trần Thảo Nhi		2020	Áp Công Tre			Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/11/2021	1.000.000		F1
V. KHU CÁCH LY ĐIỀU TRỊ 80 GIƯỜNG - TTYT HUYỆN KIÊN													
1	Danh Thành Đạt	2015		Tổ 1 - Áp Ba Trại			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	1.000.000		F1
2	Trần Tấn Phát	2017		Tổ 1 - Áp Ba Trại			Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
3	Trọng Nhân	2020		Tổ 1 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	1.000.000		F1
4	Nguyễn Song Hiệp	2021		Tổ 35 - Khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	31/8/2021	1.000.000		F1
5	Dương Thúy Hồng		2006	Tổ 1 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	27/8/2021	1.000.000		F1
6	Nguyễn Như Ngọc		2009	Khu phố Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/8/2021	1.000.000		F1
7	Thị Trúc Đào		2013	Tổ 1 - Ấp Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/8/2021	1.000.000		F1
8	Nguyễn Hoàng Yếu	2006		Ấp Hòa Phú	Thị trấn Yên	Hà Tiên	Kiên Giang	09/02/2021	1.000.000		F1
9	Dương Bạc	2006		Tổ 6 - Bãi Cỏ	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	09/08/2021	1.000.000		F1
10	Dương Vàng	2009		Tổ 3 - KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/08/2021	1.000.000		F1
11	Vương Phú Thành	2011		Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	01/9/2021	1.000.000		F1
12	Nguyễn Phát Tài	2013		Tổ 1 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	09/05/2021	1.000.000		F1
13	Mai Văn Thuận	2014		Tổ 13 - Hẻm 30 - KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/08/2021	1.000.000		F1
14	Nguyễn Phong Nhật Minh	2015		174 - Tổ 16 - KP Tâm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/9/2021	1.000.000		F1
15	Nguyễn Bình Giang	2015		Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000		F1
16	Nguyễn Hải Dương	2016		Tổ 39 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/9/2021	1.000.000		F1
17	Trần Hứa Kim Hồng		2008	Tổ 3 - KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/9/2021	1.000.000		F1
18	Nguyễn Võ Khánh Ngọc		2009	Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000		F1
19	Mai Thị Quỳnh Hoa		2009	Tổ 13 - Hẻm 30 - KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
20	Nguyễn Ngọc Bảo Thy		2011	Tổ 39 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/9/2021	1.000.000		F1
21	Nguyễn Thị Thảo Vy		2011	Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000		F1
22	Thị Diệu Hòa		2011	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
23	Sa Thị Yên Linh		2012	Tổ 1 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.000.000		F1
24	Thị Diệu Hiền		2013	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
25	Trần Thiên Hương		2014	Tổ 10 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/01/2021	1.000.000		F1
26	Nguyễn Tường Vy		2017	Hẻm 11 - Tổ 8 KP Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.000.000		F1
27	Trần Minh Anh		2020	Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	03/9/2021	1.000.000		F1
28	Nguyễn Trần Bảo Anh		2020	Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/06/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú	
		Nam	Nữ									
1	2	3	4	5					6	7	8	9
29	Phạm Quỳnh Duy	2007		Tổ 16 - KP Cự Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.000.000		F1	
30	Hồ Chí Minh	2008		Tổ 6 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000		F1	
31	Cao Minh Tuấn	2008		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1	
32	Nguyễn Hoàng Phúc	2009		Tổ 4 - Chợ KL - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1	
33	Trịnh Tiên Đạt	2010		Tổ 9 - Núi Trầu	Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1	
34	Nguyễn Thanh Nguyễn	2010		Tổ 6 - Hòa Giang	Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	1.000.000		F1	
35	Trịnh Tiên Đạt	2010		Tổ 9 - Núi Trầu	Hòa Điện	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	1.000.000		F1	
36	Trần Trung Kiên	2010		Tổ 6 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1	
37	Hà Cao Nghĩa	2011		Tổ 5 - KP Xá Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1	
38	Phạm Gia Bảo	2013		Tổ 16 - KP Cự Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.000.000		F1	
39	Trần Ngọc Hào	2013		Tổ 15 - KP Cự Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000		F1	
40	Vũ Khánh Duy	2014		Tổ 18 - KP Cự Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1	
41	Hồ Thiên Phúc	2014		Tổ 8 - KP Xá Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000		F1	
42	Cao Thành Danh	2015		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1	
43	Phan Minh Thiện	2016		Tổ 3 - KP Xá Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000		F1	
44	Nguyễn Chí Tường	2018		Tổ 13 - KP Cự Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1	
45	Trần Trung Hiếu	2018		Tổ 6 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1	
46	Nguyễn Chu Gia Thịnh	2018		Tổ 4 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1	
47	Le Thanh Kỳ	2021		Tổ 15 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1	
48	Hà Dương Quỳnh Anh	2007		Tổ 8 -KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1	
49	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2009		Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000		F1	
50	Đoàn Cát Tường	2010		Tổ 8 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.000.000		F1	
51	Le Thị Mỹ Linh	2010		Tổ 15 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
52	Trần Ngọc Nguyên		2010	Tổ 15 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000		F1
53	Nguyễn Thị Tiên		2011	Hẻm 30 -Tổ 13 - KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000		F1
54	Nguyễn Thanh Quyên		2012	Tổ 6 -Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2022	1.000.000		F1
55	Trịnh Thị Lý Hương		2012	Tổ 9 - Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000		F1
56	Nguyễn Ngọc Giàu		2014	Hẻm 16- KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	1.000.000		F1
57	Đoàn Thị Kim Thoa		2015	Tổ 4 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1
58	Đinh Thị Bích Ngọc		2015	Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1
59	Lê Thị Mỹ Chi		2017	Tổ 15 - KP Ngã Ba -	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1
60	Nguyễn Ngọc Quyên		2019	Tổ 4 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1
61	Từ Mỹ Kim		2019	Tổ 15 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000		F1
62	Hứa Mỹ Tiên		2020	Tổ 3 - KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000		F1
63	Danh Thị Ngọc Yến		2021	Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1
64	Dương Thị Hồng Cẩm		2021	Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1
65	Lâm Đăng Khoa	2006		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000		F1
66	Dương Nhân	2006		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1
67	Dương Duy	2006		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/10/2021	1.000.000		F1
68	Tổng Gia Nghi	2009		Tổ 19 - KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1
69	Định Thái Lợi	2009		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	1.000.000		F1
70	Nguyễn Trung Tín	2011		Tổ 24 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000		F1
71	Dương Minh Châu	2013		Tổ 4 - KP Lung khana	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
72	Nguyễn Văn Thắng	2014		Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/02/2021	1.000.000		F1
73	Lê Phạm Đăng Khoa	2014		Tổ 8 -Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/09/2021	1.000.000		F1
74	Lê Bá An	2016		Tổ 1 - KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
75	Nguyễn Đức Tài	2017		Tổ 6 - KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
76	Nguyễn Trung Thành	2018		Tổ 24 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000		F1
77	Trần Minh Khang	2018		Tổ 34 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/10/2021	1.000.000		F1
78	Trần Thế An	2020		Tổ 34 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1
79	Dương Hoàng Thiên	2020		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/10/2021	1.000.000		F1
80	Phùng Quỳnh Anh		2006	Tổ 17 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.000.000		F1
81	Trần Thị Minh Thu		2006	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	1.000.000		F1
82	Hồng Ri Băng		2009	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.000.000		F1
83	Hồng Ri Ta		2011	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.000.000		F1
84	Đoàn Tường Vy		2012	Tổ 8 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000		F1
85	Thị Linh Đa		2014	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/10/2021	1.000.000		F1
86	Dương Bảo Anh		2016	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/10/2021	1.000.000		F1
87	Tô Huỳnh Ánh Quyên		2017	Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	1.000.000		F1
88	Lê Ngọc Ánh Dương		2018	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.000.000		F1
89	Đào Thị Kim Ngọc		2019	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.000.000		F1
90	Lê Cát Châu An		2021	Tổ 1 - KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
91	Phạm Thị Khả Hân		2021	Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.000.000		F1
54	Nguyễn Hoàng Yếu	2006		Hòa Phẫu	Thuận Yên	Hà Tiên	Kiên Giang	02/9/2021	1.000.000		F1
55	Dương Bạc	2006		Tổ 6 - Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	08/9/2021	1.000.000		F1
56	Lâm Đăng Khoa	2006		KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000		F1
57	Dương Nhân	2006		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1
58	Dương Duy	2006		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/10/2021	1.000.000		F1
59	Phạm Quỳnh Duy	2007		Tổ 16 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.000.000		F1
60	Hồ Chí Tinh	2008		Tổ 6 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000		F1
61	Cao Minh Tuấn	2008		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1
62	Dương Vàng	2009		Tổ 3 - KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/9/2021	1.000.000		F1

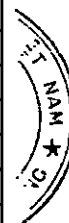


Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
63	Nguyễn Hoàng Phúc	2009		Tổ 4 - Chợ KL - Khu Phố Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1
64	Tổng Gia Nghi	2009		Tổ 19 - KP Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1
65	Đinh Thái Lợi	2009		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	1.000.000		F1
66	Trịnh Tiến Đạt	2010		Tổ 9 - Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2024	1.000.000		F1
67	Nguyễn Thanh Nguyễn	2010		Tổ 6 - Hòa Giang	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	1.000.000		F1
68	Trịnh Tiến Đạt	2010		Tổ 9 - Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	17/9/2021	1.000.000		F1
69	Trần Trung Kiên	2010		Tổ 6 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1
70	Vương Phú Thành	2011		Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	01/9/2021	1.000.000		F1
71	Hà Cao Nghĩa	2011		Tổ 5 - KP Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1
72	Nguyễn Trung Tín	2011		Tổ 24 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000		F1
73	Nguyễn Phát Tài	2013		Tổ 1 - Hòa Giang	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	05/9/2021	1.000.000		F1
74	Phạm Gia Bảo	2013		Tổ 16 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/9/2021	1.000.000		F1
75	Trần Ngọc Hào	2013		Tổ 15 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000		F1
76	Dương Minh Châu	2013		Tổ 4 - KP Lung khana	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
77	Mai Văn Thuận	2014		Tổ 13 - Hẻm 30 - KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/9/2021	1.000.000		F1
78	Vũ Khánh Duy	2014		Tổ 18 - KP Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
79	Hồ Thiện Phúc	2014		Tổ 8 - KP Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000		F1
80	Nguyễn Văn Thắng	2014		Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.000.000		F1
81	Lê Phạm Đăng Khoa	2014		Tổ 8 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	09/10/2021	1.000.000		F1
82	Nguyễn Phong Nhật Minh	2015		174 - Tổ 16 - KP Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/9/2021	1.000.000		F1
83	Nguyễn Bình Giang	2015		Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000		F1
84	Cao Thành Danh	2015		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000		F1
85	Nguyễn Hải Dương	2016		Tổ 39 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/9/2021	1.000.000		F1
86	Phan Minh Thiện	2016		Tổ 3 - KP Xã Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
87	Lê Bá An	2016		Tổ 1 - KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
88	Nguyễn Đức Tài	2017		Tổ 6 - KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1
89	Nguyễn Chí Tường	2018		Tổ 13 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1
90	Trần Trung Hiếu	2018		Tổ 6 - Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000		F1
91	Nguyễn Chu Gia Thịnh	2018		Tổ 4 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1
92	Nguyễn Trung Thành	2018		Tổ 24 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000		F1
93	Trần Minh Khang	2018		Tổ 34 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/10/2021	1.000.000		F1
94	Trần Thế An	2020		Tổ 34 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/10/2021	1.000.000		F1
95	Dương Hoàng Thiên	2020		Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	08/10/2021	1.000.000		F1
96	Lê Thành Kỳ	2021		Tổ 15 - KP Ngã Ba - KL	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1
70	Phùng Quỳnh Anh		2006	Tổ 17 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.000.000		F1
71	Trần Thị Minh Thu		2006	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	1.000.000		F1
72	Hà Dương Quỳnh Anh		2007	Tổ 8 -KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/9/2021	1.000.000		F1
73	Trần Hứa Kim Hồng		2008	Tổ 3 -KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/9/2021	1.000.000		F1
74	Nguyễn Võ Khánh Ngọc		2009	Tổ 7 - Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000		F1
75	Mai Thị Quỳnh Hoa		2009	Tổ 13 - Hẻm 30 - KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
76	Nguyễn Thị Quỳnh Như		2009	Tổ 7 - Song Chinh	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000		F1
77	Hồng Ri Băng		2009	Tổ 2- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.000.000		F1
78	Đoàn Cát Tường		2010	Tổ 8 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.000.000		F1
79	Lê Thị Mỹ Linh		2010	Tổ 15 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000		F1
80	Trần Ngọc Nguyên		2010	Tổ 15 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000		F1
81	Nguyễn Ngọc Bảo Thy		2011	Tổ 39 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/9/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
82	Nguyễn Thị Tháo Vy		2011	Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	06/9/2021	1.000.000	F1
83	Thị Diệu Hòa		2011	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000	F1
84	Nguyễn Thị Tiên		2011	Hẻm 30 - Tổ 13 - KP Ba Hòn	Ba Hòn	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000	F1
85	Hồng Ri Ta		2011	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/10/2021	1.000.000	F1
86	Sa Thị Yên Linh		2012	Tổ 1 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	3/9/2021	1.000.000	F1
87	Nguyễn Thanh Quyên		2012	Tổ 6 - Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2022	1.000.000	F1
88	Trịnh Thị Lý Hương		2012	Tổ 9 - Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/9/2021	1.000.000	F1
89	Đoàn Tường Vy		2012	Tổ 8 - Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	30/9/2021	1.000.000	F1
90	Thị Diệu Hiền		2013	Tổ 1 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000	F1
91	Trần Thiên Hương		2014	Tổ 10 - Bãi Giếng	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/01/2021	1.000.000	F1
92	Nguyễn Ngọc Giàu		2014	Hẻm 16 - KP Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/9/2021	1.000.000	F1
93	Thị Linh Đa		2014	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/09/2021	1.000.000	F1
94	Đoàn Thị Kim Thoa		2015	Tổ 4 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000	F1
95	Đinh Thị Bích Ngọc		2015	Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000	F1
96	Dương Bảo Anh		2016	Tổ 2 - Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	10/09/2021	1.000.000	F1
97	Nguyễn Tường Vy		2017	Hẻm 11 - Tổ 8 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.000.000	F1
98	Lê Thị Mỹ Chi		2017	Tổ 15 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000	F1
99	Tô Huỳnh Ánh Quyên		2017	Bãi Ốt	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	29/9/2021	1.000.000	F1
100	Lê Ngọc Ánh Dương		2018	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.000.000	F1
101	Nguyễn Ngọc Quyên		2019	Tổ 4 - KP Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/9/2021	1.000.000	F1
102	Từ Mỹ Kim		2019	Tổ 15 - KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/9/2021	1.000.000	F1
103	Đào Thị Kim Ngọc		2019	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.000.000	F1
104	Trần Minh Anh		2020	Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	09/03/2021	1.000.000	F1
105	Nguyễn Trần Bảo Anh		2020	Tổ 7 - Song Chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/06/2021	1.000.000	F1
106	Hứa Mỹ Tiên		2020	Tổ 3 - KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/9/2021	1.000.000	F1
107	Danh Thị Ngọc Yến		2021	Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	19/9/2021	1.000.000	F1
108	Dương Thị Hồng Cẩm		2021	Tổ 2 - Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/9/2021	1.000.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
109	Lê Cát Châu An		2021	Tổ 1 - KP Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/9/2021	1.000.000		F1
110	Phạm Thị Khả Hân		2021	Tổ 8 - Mũi Dừa	Dương Hòa	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.000.000		F1
IV. Bình An									95.000.000		
1	F1		2018	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.000.000		F1
2	F0		2015	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	1.000.000		F0
3	F0		2019	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	1.000.000		F0
4	F1	2015		Tổ 1 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
5	F1		2015	Tổ 1- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
6	F1		2009	Tổ 1- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
7	F1		2008	Tổ 8- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
8	F1		2005	Tổ 9-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
9	F1	2009		Tổ 9-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
10	F1		2014	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
11	F1		2020	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
12	F1		2010	Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
13	F1	2012		Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
14	F1	2019		Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
15	F1		2020	Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
16	F1		2013	Tổ 1- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
17	F1	2016		Tổ 1- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
18	F1		2016	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
19	F1	2020		Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
20	F1		2008	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
21	F1	2014		Tổ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
22	F1	2020		Tổ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
23	F1	2012		Tổ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
24	F1		2007	Tổ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
25	F0		2016	Tổ 6- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F0
26	F1		2008	Tổ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
27	F1	2018		Tổ 6 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
28	F1	2011		Tổ 5 - Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
29	F1		2007	Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
30	F1	2014		Tổ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
31	F1	2018		Tổ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
32	F1		2009	Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
33	F1		2011	Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
34	F1	2018		Tổ 12 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
35	F1		2016	Tổ 12 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
36	F1		2007	Tổ 12 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
37	F1	2008		Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
38	F1		2010	Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
39	F1		2008	Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
40	F1	2013		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
41	F1	2015		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
42	F1		2012	Tổ 6-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
43	F1		2009	Tổ 6-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
44	F1	2008		Tổ 4- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
45	F1		2010	Tổ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
46	F1		2009	Tổ 7- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
47	F1		2012	Tổ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
48	F1		2009	Tổ 5-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
49	F1		2007	Tổ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
50	F1	2008		Tổ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
51	F1		2010	Tổ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
52	F1	2021		Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
53	F1	2009		Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
54	F1	2009		Tổ 5-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
55	F1		2008	Tổ 1-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.000.000		F1
56	F1	2012		Tổ 5- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.000.000		F1
57	F1	2019		Tổ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
58	F1		2005	Tổ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
59	F1		2007	Tổ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
60	F1	2021		Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
61	F1		2012	Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
62	F1		2005	Tổ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
63	F1	2005		Tổ 4 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
64	F1	2009		Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.000.000		F1
65	F1	2006		Tổ 3-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.000.000		F1
66	F1		2014	Tổ 9 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
67	F1	2020		Tổ 9 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
68	F1		2009	Tổ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
69	F1		2014	Tổ 8-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
70	F1	2014		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
71	F1		2007	Tổ 10- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
72	F1	2007		Tổ 8 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
73	F1	2009		Tổ 8 -Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
74	F1	2018		Tổ 2-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
75	F1	2011		Tổ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
76	F1	2012		Tổ 9- Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
77	F1		2009	Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
78	F1		2011	Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
79	F1		2007	Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
80	F1	2018		Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
81	F1	2014		Tổ 5- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
82	F1	2008		Tổ 3-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
83	F1	2007		Tổ 4- Ba Trại	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
84	F1	2006		Tổ 1-Áp Rẫy Mới	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
85	F1		2016	Tổ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
86	F1	2013		Tổ 6-Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
87	F1		2011	Tổ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
88	F1		2013	Tổ 5-Bình Đông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
89	F1		2007	Tổ 3-Bãi Giếng	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
90	F0		2013	Tổ 3- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
91	F1	2016		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
92	F1	2008		Tổ 4-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
93	F1		2018	Tổ 2-Ba Núi	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
94	F1		2009	Tổ 12- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
95	F1	2007		Tổ 3- Hòn Chông	Bình An	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
VII. THỊ TRẤN KIẾN LƯƠNG								346.000.000		
01	Nguyễn Hoàng Anh Đức	2018		Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
02	Võ Ngọc Tường Vy		2018	Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
03	Nguyễn Gia Bảo	2009		Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
04	La Chí Minh	2014		Tổ 4, Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
05	Nguyễn Triệu Hà An		2013	Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
06	Nguyễn Triệu Văn	2017		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
07	Phan Tài Đức	2014		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
08	Phan Triệu Anh Tài	2019		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
09	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	2015		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
10	Nguyễn Huỳnh Gia Phúc	2019		Tổ 39, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
11	Nguyễn Phan Như Quỳnh		2006	Tổ 5, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
12	Lê Phúc Bảo Khang	2008		Tổ 6, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
13	Đỗ Trọng Khôi	2016		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
14	Đỗ Hiền Lam		2013	Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
15	Huỳnh Gia Bảo	2018		Tổ 6, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/11/2021	1.000.000		F1
16	Nguyễn Ngọc Hân		2015	Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
17	Vũ Ngọc Thảo		2019	Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
18	Vũ Đình Ân	2021		Tổ 5, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
19	Nguyễn Hồng Phúc		2009	Tổ 11, Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
20	Phan Gia Kiệt	2006		Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
21	Đặng Lê Thiên Vân		2019	Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
22	Lâm Như Trâm		2007	Tổ 27, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
23	Đoàn Hoài Anh		2011	Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
24	Đoàn Minh Khuê		2015	Tổ 12, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
25	Nguyễn Ngọc Bình Minh		2006	Tổ 3, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
26	Phan Nhật Trường	2017		Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
27	Bùi JULI		2015	Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
28	Bùi Gia Phát	2018		Tổ 8, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
29	Tôn Nữ Ngọc Khánh		2014	Tổ 18, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
30	Tôn Nữ Ngọc Khuê		2018	Tổ 18, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
31	Nguyễn Huỳnh Phong	2009		Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
32	Trần Lê Nguyên	2011		Tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
33	Lý Thành Đạt	2012		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
34	Ngô Như Lan		2008	Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
35	Ngô Thùy Lam		2015	Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
36	Ngô Bảo Lê		2020	Tổ 19, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
37	Trần Đại Vỹ	2007		Tổ 20, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
38	Trần Phúc Thịnh	2016		Tổ 20, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
39	Lê Phù Bảo Long	2012		Tổ 18, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
40	Châu Thiên Mỹ		2021	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
41	Đặng Gia Linh		2021	Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
42	Đỗ Chí Dũng	2020		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/05/2021	1.000.000		F1
43	Trần Nguyễn Bảo Ngọc		2013	Tổ 20, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
44	Nguyễn Ngọc Tường Vy		2010	Tổ 8, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
45	Nguyễn Thị Thanh Trúc		2015	Tổ 8, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
46	Phạm Hoàng Anh Thư		2006	Tô Châu, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
47	Phạm Hoàng Minh Thư		2010	Tô Châu, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
48	Nguyễn Trần Đăng Khoa	2014		Tổ 20, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
49	Lê Ngọc Tâm	2012		Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
50	Lê Ngọc Thiện	2009		Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/07/2021	1.000.000		F1
51	Vũ Thảo Vy		2014	Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
52	Vũ Đình An	2018		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
53	Trương Lê Tuấn Anh	2015		Hẻm G, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
54	Trương Lê Minh Hiếu		2018	Hẻm G, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
55	Lâm Trang Như Ý		2012	Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
56	Lâm Như Ngọc		2021	Tổ 4, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
57	Nguyễn Bảo Anh		2017	Tổ 7A Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.000.000		F1
58	Huỳnh Tuấn Kiệt	2012		Tổ 25, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.000.000		F1
59	Trần Thị Trang		2006	Tổ 11, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
60	Lương Mạnh Thiên Phúc	2021		Tổ 11, Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
61	Nguyễn Ngọc Anh		2010	Tổ 17, Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
62	Đinh Thị Nhật Minh		2008	Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
63	Nguyễn Hồng Thảo My		2018	Tổ 9C, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
64	Hồ Phương Linh		2018	Tổ 25, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
65	Kiều Anh Kiệt	2007		Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
66	Nguyễn Đình Phú Quý	2007		Tổ 23, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	1.000.000		F1
67	Lê Đặng Khôi Nguyên	2016		Tổ 10, Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
68	Lê Đăng Tú Uyên		2019	Tổ 10, Tầm Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
69	Nguyễn Minh Triết	2017		Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
70	Trần Thị Diễm Thu		2011	Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
71	Tạ Trung Tài	2015		Tổ 9B, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
72	Hà Ngọc Gia An		2015	Tổ 10, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
73	Nguyễn Thái Khang	2016		Tổ 1, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
74	Nguyễn Nhật Thành	2016		Tổ 24, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
75	Lê Huỳnh Thiên Ngân		2010	Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
76	Lê Huỳnh Bảo Quyên		2013	Tổ 17, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
77	Lý Tường Minh	18/12/2005		Tổ 32, Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
78	Trương Thanh Phượng		2019	Tổ 9, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
79	Đỗ Hương Giang		2014	Tổ 13, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
80	Nguyễn Phi Hùng	2010		Tổ 9A, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
81	Lương Quốc Tài	2007		Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
82	Lương Hà Ngọc Thu		2012	Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
83	Diệp Thủy Tiên		2015	Tổ 5, Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
84	Nguyễn Tiến Dũng	2017		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
85	Phan Nguyên	2014		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
86	Hồ Phú Thịnh	2016		Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
87	Phạm KAYLE		2018	Tổ 4, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
88	Lê Nguyễn Khánh Hân		2019	tổ 16, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
89	Lê Nguyễn Khánh Vân		2012	tổ 16, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
90	Nguyễn Ngọc Minh Châu		2009	Tổ 17, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
91	Trần Trí Hoàng	2008		Tổ 11, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
92	Phan Trung Tín	2015		Tổ 36, Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
93	Phạm Thiên Nhi		2020	Hẻm 16, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
94	Phạm Thiên Kim		2018	Hẻm 16, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
95	Trần Quốc Huy	2008		Tổ 9, Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/02/2021	1.000.000		F1
96	Phạm Trương Bảo Ngọc		2015	tổ 3, kiên tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
97	Phạm Trương Trí Tín	2018		tổ 3, kiên tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
98	Trần Nguyên Khang	2019		tổ 16, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.000.000		F1
99	Đỗ Minh Nhật	24/4/2019		Tổ 2 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	1.000.000		F1
100	Đỗ Việt Anh	20/01/2016		Tổ 2 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	1.000.000		F1
101	Lê Nguyễn Anh Khoa	26/12/2018		Tổ 1 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000		F1
102	Trương Lê Cát Tường		#####	Tổ 1 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000		F1
103	Trương Lê Cát Tiên		#####	Tổ 1 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000		F1
104	Nguyễn Tâm An		#####	Khu phố Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
105	Nguyễn Hữu Nghị	#####		Khu phố Lò Bơm	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
106	Trần Ngọc Tiên		27/7/2018	tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
107	Trần Ngọc Tỷ	#####		tổ 19, Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/09/2021	1.000.000		F1
108	Trần Bảo Nhân	#####		Tổ 4 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
109	Trần Gia Bảo	#####		Tổ 4 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
110	Trần Hải Đăng	#####		Tổ 4 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
111	Nguyễn Thị Tiên	#####		Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/09/2021	1.000.000		F1
112	Phạm Nguyễn Anh Thư	#####		Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/09/2021	1.000.000		F1
113	Dương Ngọc Diệp		#####	Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1
114	Nguyễn Thị Thu Hương		#####	Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
115	Phan Gia Lộc	#####		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
116	Quách Nhựt Khôi	#####		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
117	Huỳnh Thị Ngọc		#####	KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
118	Vũ Gia Phúc	#####		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
119	Lâm Văn Toàn	#####		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
120	Mai Thị Huỳnh Hoa		#####	Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
121	Mai Văn Thuận	#####		Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
122	Nguyễn Thanh Ly		#####	Tổ 16 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
123	Nguyễn Ngọc Ánh		#####	Tổ 16 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
124	Nguyễn Hoàng Nam	#####		Tổ 14 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
125	Lê Minh Tường	#####		Tổ 14 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
126	Đặng Thành Tốt	#####		Tổ 14 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
127	Lê Hoàng Khang	#####		Tổ 10 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
128	Nguyễn Quốc Minh	#####		Tổ 10 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
129	Nguyễn Quốc Mẫn	#####		Tổ 10 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
130	Nguyễn Thị Chúc Hà		#####	Tổ 14 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
131	Lê Quang Thu	#####		Tổ 4 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
132	Võ Văn Nghĩa	#####		Tổ 16 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
133	Nguyễn Thị Thùy Dương		#####	Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/09/2021	1.000.000		F1
134	Phạm Quốc Hiếu	#####		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.000.000		F1
135	Phạm Thanh Thảo		#####	KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
136	Huỳnh Hân		#####	KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
137	Trần Bảo Ngọc		#####	Tổ 8 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
138	Nguyễn Ngọc Ái		#####	KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	1.000.000		F1
139	Bùi Kim Anh		#####	Tổ 6 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.000.000		F1
140	Bùi Ngọc Anh		#####	Tổ 6 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.000.000		F1
141	Lê Thị Bích Ngọc		#####	Tổ 30 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
142	Nguyễn Thị Bích Ngân		#####	Tổ 30 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
143	Trương Đoàn Thảo		#####	Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/09/2021	1.000.000		F1
144	Đoàn Lê Thảo Vy		#####	Tổ 13 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/09/2021	1.000.000		F1
145	Đoàn Châu Gia Đạt	#####		KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
146	Nguyễn Thị Thúy Nguyên		#####	Tổ 12 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
147	Nguyễn Thị Hồng Mai		#####	Tổ 12 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
148	Nguyễn Văn Hậu	#####		Tổ 12 KP Ba Hòn	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
149	Nguyễn Đức Tài	#####		Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.000.000		F1
150	Nguyễn Ngọc Giàu		#####	hẻm 16- KP tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
151	Nguyễn Bằng Tiến Đạt	#####		Kp Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
152	Trần Duy Anh	#####		Tổ 16 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/09/2021	1.000.000		F1
153	Trần Duy Ân	#####		Tổ 16 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/09/2021	1.000.000		F1
154	Nguyễn Trần Tú Uyên		#####	Tổ 16 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
155	Nguyễn Đức Chung	#####		Tổ 16 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1
156	Tổng Gia Nghi		#####	Tổ 19 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	1.000.000		F1
157	Bùi Nguyễn Hoàng Hiệp		#####	Tổ 4 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1
158	Bùi Hà Phúc		#####	Tổ 4 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1
159	Hoàng Minh Tiến	#####		Tổ 4 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/09/2021	1.000.000		F1
160	Vũ Hào Nam	#####		Tổ 20 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/09/2021	1.000.000		F1
161	Vũ Vương Giang		#####	Tổ 20 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/09/2021	1.000.000		F1
162	Lê Cát Châu An		#####	Tổ 1 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/10/2021	1.000.000		F1
163	Lê Bá An	#####		Tổ 1 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/09/2021	1.000.000		F1
164	Đoàn Thế Tấn Phát	#####		KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/09/2021	1.000.000		F1
165	Vũ Nguyên Khôi Anh	#####		Tổ 1 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
166	Vũ Nguyễn Gia Anh	#####		Tổ 1 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/09/2021	1.000.000		F1
167	Nguyễn Minh Phương		#####	Tổ 17 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	1.000.000		F1
168	Nguyễn Minh Khang	#####		Tổ 17 KP Tám thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/12/2021	1.000.000		F1
169	Trương Ngọc Phát	#####		Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.000.000		F1
170	Dương Lâm Ngọc Thảo		#####	Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.000.000		F1
171	Lê Lâm Ngọc Tín	#####		Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	1.000.000		F1
172	Nguyễn Minh Nguyệt		#####	Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
173	Nguyễn Trung Tín	#####		Tổ 7b Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
174	Trình Chí Hào	#####		Tổ 7b Kp Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.000.000		F1
175	Nguyễn Hải Dương	#####		Tổ 39 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1
176	Nguyễn Ngọc Bảo Thy		#####	Tổ 39 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1
177	Nguyễn Huỳnh Quốc Khải	#####		Tổ 15b KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/09/2021	1.000.000		F1
178	Nguyễn Huỳnh Bảo Khang		#####	Tổ 15b KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
179	Nguyễn Huỳnh Tỳ Phú	#####		Tổ 15b KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/09/2021	1.000.000		F1
180	Nguyễn Phan Hoàng Anh	#####		Tổ 2 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
181	Phạm Quỳnh Di	2007		Tổ 16 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
182	Phạm Gia Bảo	2013		Tổ 16 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
183	Lê Hữu Phú	#####		KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/10/2021	1.000.000		F1
184	Nguyễn Ngọc Dương Tuyền		#####	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
185	Từ Mỹ Kim		#####	tổ 15 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/09/2021	1.000.000		F1
186	Lê Gia Bảo	#####		tổ 15b KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.000.000		F1
187	Nguyễn Hoàng Quốc	#####		tổ 35 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/09/2021	1.000.000		F1
188	Trần Ngọc Hào	#####		tổ 15 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/09/2021	1.000.000		F1
189	Trần Ngọc Quyên		#####	tổ 15 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/09/2021	1.000.000		F1
190	La Thùy An		#####	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/08/2021	1.000.000		F1
191	La Thùy Anh		#####	KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/08/2021	1.000.000		F1
192	Trần Huỳnh Khang Hy	#####		Tổ 9 KP Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/12/2021	1.000.000		F1



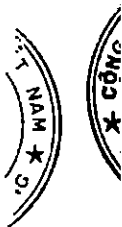
★ công

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
193	Lê Minh Triết	#####		Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/09/2021	1.000.000		F1
194	Lê Khánh Trinh	#####		Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/09/2021	1.000.000		F1
195	Phùng Minh Khôi	#####		Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/09/2021	1.000.000		F1
196	Nguyễn Chu Tuệ Minh		#####	Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/09/2021	1.000.000		F1
197	Nguyễn Chu Phú Thịnh	#####		Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/09/2021	1.000.000		F1
198	Huỳnh Khả Hân	#####		Tổ 6 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.000.000		F1
199	Võ Ngọc Anh Thư		#####	Tổ 18 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.000.000		F1
200	Huỳnh Hữu Nhân	#####		Tổ 18 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
201	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân		#####	Tổ 10 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
202	Nguyễn Trung Thành	#####		Tổ 24 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	1.000.000		F1
203	Nguyễn Trung Tín	#####		Tổ 24 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	1.000.000		F1
204	Lê Thị Mỹ Linh		#####	Tổ 15 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/09/2021	1.000.000		F1
205	Lê Thị Mỹ Chi		#####	Tổ 15 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/10/2021	1.000.000		F1
206	Lê Thành Kỳ	#####		Tổ 15 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/09/2021	1.000.000		F1
207	Lê Thiên Phúc Đức	#####		Tổ 17 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/09/2021	1.000.000		F1
208	Lê Thiên Tài	#####		Tổ 17 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/09/2021	1.000.000		F1
209	Lê Ngọc Như Ý		#####	Tổ 17 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/09/2021	1.000.000		F1
210	Nguyễn Thị Tú Anh		#####	KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
211	Lê TiNi	#####		Tổ 28 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/08/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
212	Ngô Văn Quốc	#####		Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/09/2021	1.000.000		F1
213	Ngô Thị Cẩm Tiên		#####	Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
214	Ngô Thị Cẩm Uyên		#####	Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
215	Hồ Minh Trí	#####		KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/11/2021	1.000.000		F1
216	Huỳnh Thành Luật	#####		KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/10/2021	1.000.000		F1
217	Huỳnh Thành Luân	#####		KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/10/2021	1.000.000		F1
218	Lê Nguyễn Văn Cao	#####		Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
219	Huỳnh Thị Phương Vy		#####	Tổ 25 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.000.000		F1
220	Phùng Huỳnh Anh	#####		Tổ 05 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	03/10/2021	1.000.000		F1
221	Hồ Chí Tinh	#####		Tổ 06 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/09/2021	1.000.000		F1
222	Lê Chí Thiện	#####		Tổ 10 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
223	Trần Minh Khang	#####		Tổ 01 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/10/2021	1.000.000		F1
224	Trần Thế An	#####		Tổ 01 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/10/2021	1.000.000		F1
225	Giang Mỹ Duyên		#####	Tổ 22 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
226	Nguyễn Bảo Anh	#####		Tổ 10 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.000.000		F1
227	Nguyễn Thu Hương		#####	Tổ 7A KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.000.000		F1
228	Lê Châu Khánh Thy		#####	Tổ 24 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.000.000		F1
229	Lê Châu Phước Thịnh	#####		Tổ 24 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	09/09/2021	1.000.000		F1
230	Cao Yến Thi		#####	KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/09/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
231	Cao Thị Yến Nhi		#####	KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/09/2021	1.000.000		F1
232	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên		#####	KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
233	Tổng Nam Dương	#####		Tổ 12 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
234	Nguyễn Lan Anh		#####	Tổ 24 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.000.000		F1
235	Trần Quốc Khánh	#####		Tổ 24 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.000.000		F1
236	Trương Anh Hào	#####		Tổ 24 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1
237	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như		#####	KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/09/2021	1.000.000		F1
238	Xa Thị Kiều Vy		#####	KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
239	Lê Phù Nguyễn Khánh	#####		Tổ 18 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
240	Nguyễn Ngọc Quyên		#####	Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	26/09/2021	1.000.000		F1
241	Nguyễn Hoàng Phúc	#####		Tổ 4 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/09/2021	1.000.000		F1
242	Phạm Quỳnh Anh		#####	Tổ 9 KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/12/2021	1.000.000		F1
243	Nam Minh Khôi	#####		KP Ngã ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	1.000.000		F1
244	Nguyễn Minh Huy	#####		Tổ 8 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
245	Nguyễn Minh Đức	#####		Tổ 8 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
246	Nguyễn Tường Vy	#####		Tổ 8 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/09/2021	1.000.000		F1
247	Nguyễn Trần Mộc Nhiên	#####		Tổ 6 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
248	Hà Dương Quỳnh Ánh	#####		Tổ 8 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/09/2021	1.000.000		F1
249	Ngô Thanh Nhựt	#####		Tổ 16 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
250	Tổng Lê Gia Bảo	#####		Tổ 16 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1
251	Tổng Thủy Hằng		#####	Tổ 16 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	1.000.000		F1
252	Ngô Thị Kim Ngân		#####	Tổ 16 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1
253	Ngô Thanh Hiếu	#####		Tổ 16 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1
254	Trần Nguyên Duyên Thiên Lý		#####	Tổ 20 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.000.000		F1
255	Lê Thùy Linh		#####	hẻm 11 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
256	Nguyễn Trần Nguyên Lộc	#####		Tổ 14 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/12/2021	1.000.000		F1
257	Nguyễn Trâm Anh		#####	Tổ 19 KP Lò Bom	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.000.000		F1
258	Lý Gia Bảo	#####		Tổ 18 KP Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/09/2021	1.000.000		F1
259	Phạm Lý Trâm Anh	#####		Tổ 18 KP Cư Xá Mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/09/2021	1.000.000		F1
260	Trần Thị Thanh Thúy		#####	Tổ 36 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.000.000		F1
261	Vũ Tô Ngọc Anh		#####	Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.000.000		F1
262	Vũ Tô Thảo Nguyên		#####	Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.000.000		F1
263	Nguyễn Dương Bảo Thy		#####	Tổ 21 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/09/2021	1.000.000		F1
264	Trịnh Tấn Phát	#####		Tổ 21 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/09/2021	1.000.000		F1
265	Dương Ngọc Song Thu		#####	Tổ 21 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/09/2021	1.000.000		F1
266	Vũ Khánh Duy	#####		KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/09/2021	1.000.000		F1
267	Lê Phương Anh		#####	KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
268	Lê Hoàng Gia Yên		#####	KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
269	Lê Châu Anh		#####	KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
270	Lâm Nguyễn Khả Uyên		#####	Tổ 21 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	05/09/2021	1.000.000		F1
271	Nguyễn Phan Bảo Anh		#####	Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	1.000.000		F1
272	Nguyễn Bá Quân Anh	#####		Tổ 32 KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	03/12/2021	1.000.000		F1
273	Lưu Tùng Quân	#####		KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	1.000.000		F1
274	Lưu Tùng Lâm	#####		KP Cư Xá mới	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	1.000.000		F1
275	Đỗ Thị Thanh Thủy		#####	Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.000.000		F1
276	Trương Minh Sanh	#####		Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.000.000		F1
277	Lý Hồng Vẹn		#####	Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
278	Lý Thanh Hiền	#####		Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
279	Ngô Bảo Trâm		#####	Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
280	Nguyễn Thị Mỹ Anh		#####	Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
281	Dương Văn Bảo Anh	#####		Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
282	Trần Nguyễn Minh Tú	#####		Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
283	Lý Thị Hồng Mãi		#####	Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
284	Nguyễn Thị Yến Phương		#####	Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
285	Nguyễn Thị Lan Anh		#####	Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
286	Tăng Thành Khang	#####		Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
287	Hồ Thiện Phúc	#####		Tổ 8 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/09/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
288	Huỳnh Phước Lộc	#####		Tổ 17 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	15/09/2021	1.000.000		F1
289	Nguyễn Minh Phú	#####		Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
290	Nguyễn Thị Kim Ngọc		#####	Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
291	Nguyễn Thị Kim Vàng		#####	Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
292	Nguyễn Bảo Châm		#####	Tổ 10 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/09/2021	1.000.000		F1
293	Trần Hoài Anh	#####		Tổ 20 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
294	Trần Thị Thơm		#####	Tổ 20 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
295	Trần Thị Kim Anh		#####	Tổ 20 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1
296	Trần Văn nghĩa	#####		Tổ 20 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
297	Nguyễn Phạm Quang Khải	#####		Tổ 18 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/09/2021	1.000.000		F1
298	Lâm Đăng Khoa	#####		Tổ 18 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.000.000		F1
299	Nguyễn Chí Khải	#####		Tổ 9 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.000.000		F1
300	Nguyễn Thị Ái My		#####	Tổ 18 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
301	Nguyễn Chí Tâm	#####		Tổ 18 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.000.000		F1
302	Đặng Thanh Tiền	#####		Tổ 18 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
303	Vũ Nguyễn Bảo Ngọc		#####	Tổ 01 KP Kiên Tân	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.000.000		F1
304	Dương Minh Châu		#####	Tổ 4 KP Lung Kha Na	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	01/10/2021	1.000.000		F1
305	Phan Minh Thiện	#####		Tổ 3 KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1
306	Phan Minh Phụng	#####		Tổ 3 KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/09/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
326	Danh Hoàng Nhất	#####		Tổ 4 KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	14/09/2021	1.000.000		F1
327	Nguyễn Huỳnh Hải Đăng	#####		KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	24/09/2021	1.000.000		F1
328	Dương Lê Thu Trang		#####	Tổ 26 KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1
329	Dương Phương Thảo		#####	Tổ 26 KP Xà Ngách	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1
330	Nguyễn Ngọc Trâm		#####	Tổ 2b KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
331	Nguyễn Đặng Thái Nguyên	24/12./2014		Tổ 2b KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
332	Nguyễn Thị Tú Anh		#####	Tổ 2 KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
333	Nguyễn Lê Thanh Hà		#####	Tổ 9c KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
334	Nguyễn Lê Thanh Hòa		#####	Tổ 9c KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	19/12/2021	1.000.000		F1
335	Trần Thị Diễm Thu		#####	Tổ 9b KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
336	Lương Quốc Thương	#####		KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1
337	Diệp Thủy Tiên		#####	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1
338	Lương Quốc Tài	#####		KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1
339	Tô Lê Ngọc Minh		#####	KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	07/12/2021	1.000.000		F1
340	Lâm Hoàng Khang	#####		Tổ 8 KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	1.000.000		F1
341	Nguyễn Đoàn Gia An	#####		Tổ 9 KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	08/12/2021	1.000.000		F1
342	Nguyễn Đoàn Như Ý	#####		Tổ 9 KP Hòa Lập	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000		F1
343	Bùi Hoàng Trí Đức	#####		khu phố Cư Xá	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	16/12/2021	1.000.000		F1
344	Mạnh Phước Thiện	#####		Tổ 3, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	1.000.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
345	Mành Thiên Phú	#####		Tổ 3, Ngã Ba	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	1.000.000		F0
346	Phạm Ngọc Minh	#####		tổ 15, Tám Thước	TT Kiên Lương	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F0
VIII. KIÊN BÌNH									49.000.000		
01	Phan Nguyễn Kiều Trang		06/09/2017	ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	08/11/2021	1.000.000		F1
02	Trần Yến Nhi		05/10/2014	ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
03	Trần Thanh Được	28/02/2016		ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F1
04	Trần Trung Kiên	12/02/2010		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
05	Đồng Chí Nhân	01/11/2021		ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/01/2021	1.000.000		F1
06	Trần Yến Nhi		16/09/2020	ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	09/11/2021	1.000.000		F1
07	Chiêm Thị Yến Trang		17/03/2009	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	09/11/2021	1.000.000		F1
08	Trần Trung Hiếu	31/03/2018		ấp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/09/2021	1.000.000		F1
09	Nguyễn Hoàng Khải Đăng	15/10/2015		ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	30/11/2021	1.000.000		F1
10	Ngô Gia Hân		18/12/2020	ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1
11	Lê Ngọc Hiếu	21/07/2008		ấp Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.000.000		F1
12	Nguyễn Bùi Hà Minh		28/07/2008	ấp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F1
13	Phan Ngọc Khả Vy		01/07/2017	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.000.000		F1
14	Ngô Thị Ngọc Lan		07/11/2010	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	21/11/2021	1.000.000		F1
15	Mạc Phạm Bảo Hân		16/05/2014	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	17/12/2021	1.000.000		F1
16	Nguyễn Thị Hoàng My		06/11/2007	Cống Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/11/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
17	Trương Cao Thanh Thanh		20/11/2008	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	15/11/2021	1.000.000		F1
18	Bùi Lê Thảo Vy		19/11/2008	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
19	Bùi Lê Trọng Vĩnh	27/09/2010		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
20	Trần Thanh Trúc		21/10/20210	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
21	Trần Trúc Linh		06/04/2020	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
22	Trần Trúc Quỳnh		04/06/2021	Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
23	Nguyễn Hoàng Đạt	17/03/2011		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
24	Quách Ái Trân		01/06/2006	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F0
25	Quách Ngọc Đăng	21/10/2021		Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
26	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên		15/01/2018	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
27	Lý Anh Phước	16/07/2020		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
28	Danh Hoài Lâm	07/03/2015		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
29	Đặng Thị Tố Anh		02/05/2017	Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
30	Nguyễn Song Huy	06/11/2017		Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
31	Dương Lâm Ngọc Giàu		24/03/2020	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
32	Châu Ngọc Tú Anh		10/09/2021	Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
33	Hồ Quỳnh Anh		17/11/2021	Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F0
34	Hồ Minh Anh	20/10/2015		Cổng Tre	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	01/12/2021	1.000.000		F1
35	Phan Trần Gia Bảo	24/09/2016		Kiên sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	Kiên Giang	20/12/2021	1.000.000		F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện				
1	2	3	4	5			6	7	8	9
36	Trần Trung Phát	26/12/2015		áp Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	01/12/2021	1.000.000		F1
37	Võ Thành Tài	24/04/2011		áp Lung Lớn	Kiên Bình	Kiên Lương	15/12/2021	1.000.000		F0
38	Lê Phú Mỹ	22/01/2018		áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	10/12/2021	1.000.000		F1
39	Lê Phú Tây	05/03/2019		áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	10/12/2021	1.000.000		F0
40	Nguyễn Thanh Toàn	08/04/2011		áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	10/12/2021	1.000.000		F1
41	Trần Chí Bảo	28/07/2015		áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	11/11/2021	1.000.000		F1
42	Trần Bảo Yến		07/05/2019	áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	11/11/2021	1.000.000		F1
43	Danh Ngọc Trâm		24/02/2012	áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	15/12/2021	1.000.000		F1
44	Trần Kiều Anh		22/08/2013	áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	15/12/2021	1.000.000		F1
45	Trần Quốc Anh	24/04/2008		áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	15/12/2021	1.000.000		F0
46	Mạc Phạm Huy Tấn	12/07/2007		Kiên Thanh	Kiên Bình	Kiên Lương	17/12/2021	1.000.000		F1
47	Danh Ngọc Triệu	24/10/2017		áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	15/12/2021	1.000.000		F1
48	Ngô Thị Châm		06/01/2006	áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	10/12/2021	1.000.000		F1
49	Huỳnh Lê Như Ý		2019	áp Kiên Sơn	Kiên Bình	Kiên Lương	04/11/2021	1.000.000		F1
IX. BÌNH TRỊ										
01	Lâm Anh Ly		01/5/2013	áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	16/9/2021	1.000.000	F0
02	Lâm Chí Vỹ		24/3/2009	áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.000.000	F0
03	Danh Thị Yến Như		25/10/2005	áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	15/8/2021	1.000.000	F1
04	Ngô Minh Khánh	2012		áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000	F0
05	Ngô Minh Đăng	2013		áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000	F0
06	Danh Thành Phát	2016		áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.000.000	F1
07	Nguyễn Thành Nhân	2008		áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.000.000	F1
08	Nguyễn Huỳnh Như		2014	áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	02/12/2021	1.000.000	F0



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh			
1	2	3	4	5			6	7	8	9
09	Nguyễn Thị Hà My		2011	áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
10	Danh Thái	2008		áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
11	Danh Tinh	2011		áp Rạch Đùng	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
12	Danh Hữu Nghĩa	09/4/2012		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
13	Danh Quỳnh Thủy Vy		2020	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
14	Danh Thành Khiêm	2018		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
15	Danh Thị Ngọc Yến		2012	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
16	Cao Thành Danh	2015		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
17	Dương Thị Hồng Cẩm		2021	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
18	Cao Minh Tuấn	2008		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
19	Đình Thị Bích Ngọc		2015	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
20	Dương Nhân	2006		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
21	Đình Thái Lợi		2009	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
22	Đình Thái Lâm	2011		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
23	Dương Duy	2006		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
24	Dương Hoàng Thiên	2020		áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
25	Danh Mỹ Quyên		2016	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
26	Lý Thị Cẩm Tú		2010	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
27	Lý Thị Cẩm Tiên		2012	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
28	Danh Thị Cẩm Tiên		2008	áp Núi Mây	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
29	Nguyễn Thị Quỳnh Như		11/10/2019	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
30	Đình Thị Phương Linh		11/3/2008	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
31	Nguyễn Thị Khả Hân		18/12/2014	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
32	Nguyễn Bình Giang		28/11/2015	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
33	Đình Nguyễn Tiến Đạt	15/10/2016		áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
34	Nguyễn Trần Bảo Anh		03/02/2020	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
35	Nguyễn Thị Thảo Vy		08/3/2011	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0
36	Đoàn Thị Kim Loan		2014	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
37	Đặng Thành Đàm	2014		áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F1
38	Đỗ Nguyễn Hương		2011	áp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	1.000.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5			6	7	8	9	
39	Nguyễn Võ Khánh Ngọc		2009	ấp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	07/9/2021	1.000.000		F0
40	Lê Thành Đức	2008		ấp song chính	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	11/11/2021	1.000.000		F1
41	Trương Thị Như		2012	tổ 4 ấp hồ bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
42	Trương Thị Ý		2014	tổ 4 ấp hồ bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
43	Lai Văn Dĩ	2006		tổ 1 ấp hồ bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.000.000		F1
44	Lai Văn Định	2010		tổ 1 ấp hồ bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	09/12/2021	1.000.000		F1
45	Trương Trung Thất	09/1/2016		tổ 4 ấp hồ bườn	Bình Trị	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1

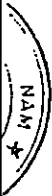
X. SON HẢI

01	Trương Tấn Phong	2015		Tổ 1, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
02	Trương Tấn Phi	2011		Tổ 1, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/11/2021	1.000.000		F1
03	Phạm Cai Tổng	2007		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	19/11/2021	1.000.000		F1
04	Nguyễn Phạm Thanh Đạt	2019		Tổ 6, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
05	Bùi Quang Vinh	2007		Tổ 4, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
06	Trần Thị Ánh		2010	Tổ 4, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
07	Nguyễn Phạm Như Thiện		2010	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
08	Trần Mai Khanh		2010	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
09	Phạm Khánh Toàn	2007		Tổ 1, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
10	Trần Thị Trúc Ly		2012	Tổ 4, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
11	Trần Thị Mộng Trâm		2006	Tổ 4, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	04/12/2021	1.000.000		F1
12	Dương Khả Ai		2007	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.000.000		F1
13	Dương Quốc Duy	2017		Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	10/12/2021	1.000.000		F1
14	Nguyễn Thị Ngọc Bích		2020	Tổ 8, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
15	Phạm Thị Minh Ngọc		2017	Tổ 9, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
16	Trần Thị Phương Nghi		2008	Tổ 7, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
17	Huyền Quốc Đình	2012		Tổ 6, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	12/12/2021	1.000.000		F1
18	Trần Chí Tinh	2010		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
19	Lê Khánh Duy	2010		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
20	Trịnh Hà Thu		2009	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
21	Đặng Thiên Kim		2019	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
22	Đặng Thiên Ngân		2019	Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F1
23	Trịnh Hà Nam	2007		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F0
24	Trần Chí Toàn	2007		Tổ 5, ấp Hòn Hèo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện				
1	2	3	4	5			6	7	8	9
25	Nguyễn Ngọc Khả Vi		2013	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F0
26	Nguyễn Phạm Phương Vi		2018	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
27	Trần Thanh Ngoan	2016		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
28	Trần Huỳnh Long	2017		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
29	Lê Thành Sang	2009		Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
30	Trần Thị Tuyết Nhung		2012	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
31	Võ Văn Hà	2008		Tổ 6, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
32	Huỳnh Gia Lạc	2007		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
33	Huỳnh Gia Huy	2010		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
34	Trần Thanh Ngân		2012	Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
35	Tạ Thanh Sang	2006		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	13/12/2021	1.000.000	F1
36	Trần Văn Trung	2014		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.000.000	F1
37	Nguyễn Thanh Hải	2007		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	14/12/2021	1.000.000	F1
38	Đinh Đăng Khoa	2017		Tổ 5, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	15/12/2021	1.000.000	F1
39	Trần Thị Ngọc Diệp		2019	Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000	F1
40	Danh Minh Phúc Thịnh	2010		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000	F1
41	Danh Minh Khang	2008		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000	F1
42	Đinh Hưu Thiện	2016		Tổ 8, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000	F1
43	Lê Ngọc Yên		2011	Tổ 1, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	18/12/2021	1.000.000	F1
44	Trần Văn Khang	2008		Tổ 2, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	22/12/2021	1.000.000	F1
45	Vũ Trần Thanh Hằng		2014	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	1.000.000	F1
46	Danh Ngọc Bảo Ngân		2019	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	1.000.000	F1
47	Danh Ngọc Bảo Trần		2012	Tổ 9, ấp Hòn Héo	Sơn Hải	Kiên Lương	Kiên Giang	28/12/2021	1.000.000	F0
XI. HÒN NGHỆ										
01	Vũ Anh Kiệt	2008		Tổ 3, Bãi Chướng,	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.000.000	F1
02	Vũ Tân Nhật Nam	2012		Tổ 3, Bãi Chướng,	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.000.000	F1
03	Nguyễn Kim Ngân		2016	Tổ 3, Bãi Chướng,	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.000.000	F1
04	Nguyễn Hoàng Thịnh	2017		Tổ 3, Bãi Chướng,	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.000.000	F1
05	Nguyễn Hoàng Khang	2015		Tổ 3, Bãi Chướng,	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.000.000	F1

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Khu Phố	Địa chỉ			Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ		Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5			6	7	8	9	
06	Nguyễn Chí Thanh	2018		Tổ 3, Bãi Chướng,	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	11/12/2021	1.000.000		F1
07	Nguyễn Thị Bông		2007	Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	1.000.000		F1
08	Ngô Văn Toàn	2008		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	21/12/2021	1.000.000		F0
09	Nguyễn Thanh Khỏe	2009		Tổ 6, Bãi Nam	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	27/12/2021	1.000.000		F1
10	Danh Thị Đa Vi		2013	Tổ 3, Bãi Chướng,	Hòn Nghệ	Kiên Lương	Kiên Giang	31/12/2021	1.000.000		F0
XII. HÒA DIỄN											
01	Hồ Thị Thủy An		2007	ấp Càng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.000.000		F0
02	Cao Tấn Đạt	2013		ấp Càng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.000.000		F0
03	Võ Thanh Tiên	2011		ấp Càng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F0
04	Thái Thị Nguyệt Anh		2012	ấp Càng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F0
05	Võ Thị Huệ Hương		2006	ấp Càng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F0
06	Võ Thị Diễm Trinh		2014	ấp Càng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F0
07	Tiền Nhi	2005		ấp Cờ Trắng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	20/11/2021	1.000.000		F0
08	Lê Thị Ánh Tuyết		2007	ấp Cờ Trắng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F0
09	Nguyễn Thủy Hào		2008	ấp Cờ Trắng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F0
10	Nguyễn Minh Trí	2009		ấp Cờ Trắng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.000.000		F0
11	Phan Quốc Đan	2015		ấp Cờ Trắng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F0
12	Phan Quốc Kiệt	2007		ấp Cờ Trắng,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F0
13	Trịnh Minh Khánh		2019	ấp Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	10/11/2021	1.000.000		F0
14	Dương Thị Tuyết Ngân		2013	ấp Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	11/9/2021	1.000.000		F0
15	Trịnh Tiến Đạt	2010		ấp Núi Trầu	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	21/9/2021	1.000.000		F0
16	Nguyễn Thiên Kim		2020	ấp Hòa Giang,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F0
17	Nguyễn Thiên Phúc	2016		ấp Hòa Giang,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	25/11/2021	1.000.000		F0
18	Nguyễn Thanh Nguyên	2010		ấp Hòa Giang,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	24/9/2021	1.000.000		F0
19	Nguyễn Thanh Quyên		2012	ấp Hòa Giang,	Hòa Diên	Kiên Lương	Kiên Giang	16/09/2021	1.000.000		F0

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
20	Nguyễn Phát Tài	2013		ấp Hòa Giang,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	13/9/2021	1.000.000		F0
21	Sa Thị Yến Linh		2012	ấp Hòa Giang,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	04/9/2021	1.000.000		F0
22	Nguyễn Tuấn Anh	2018		ấp Hòa Lạc,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.000.000		F0
23	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh		2011	ấp Hòa Lạc,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	06/12/2021	1.000.000		F0
24	Dương Kim Ngọc Dự		2018	ấp Cờ Trắng,	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	03/11/2021	1.000.000		F1
25	Hải Lê	2014		tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	1.000.000		F1
26	Hải Liêm	2016		tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	06/11/2021	1.000.000		F1
27	Đỗ Thúy Hằng		2015	tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.000.000		F1
28	Đỗ Minh Hà		2017	tổ 10, ấp Thanh Lợi	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.000.000		F1
29	Nguyễn Lê Khánh Toàn	2013		tổ 4, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.000.000		F1
30	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc		2018	tổ 1, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.000.000		F1
31	Trần Gia Bảo	2016		tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.000.000		F1
32	Trần Gia Huệ		2014	tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.000.000		F1
33	Trần Thị Tú Bằng		2006	tổ 3, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	14/11/2021	1.000.000		F1
34	Nguyễn Anh Thư		2008	Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.000.000		F1
35	Ngô Ái Vy		2010	Tổ 5, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.000.000		F1
36	Trương Văn Khiêm	2006		Tổ 6, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	16/11/2021	1.000.000		F1
37	Nguyễn Văn Quý	2016		tổ 6, ấp Cờ Trắng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.000.000		F1
38	Trần Thạch Minh Châu		2020	tổ 1, ấp Hòa Lạc	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	17/11/2021	1.000.000		F1
39	Trịnh Đỗ Anh Hào	2005		Tổ 5, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	18/11/2021	1.000.000		F1
40	Dương Duy Khánh	2015		tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
41	Dương Duy Khang	2013		tổ 10, ấp Núi Trầu	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	23/11/2021	1.000.000		F1
42	Nguyễn An Tính	2008		tổ 6, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	24/11/2021	1.000.000		F1



Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ				Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ	Khu Phố	Xã, phường, Thị trấn	Huyện	Tỉnh				
1	2	3	4	5				6	7	8	9
43	Nguyễn Thị Huỳnh Như		2009	tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
44	Nguyễn Ngọc Quỳnh xuân		2013	tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
45	Lưu Thị Ngọc Yến		2010	tổ 6, ấp Kinh I	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	26/11/2021	1.000.000		F1
46	Hồ Thúy Hằng		2005	tổ 3, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	27/11/2021	1.000.000		F1
47	Cao Tấn Khang	2019		tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
48	Cao Thiên Ý		2020	tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
49	Võ Thị Như Ý		2013	tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
50	Võ Thanh Tình	2013		tổ 9, ấp Càng	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	28/11/2021	1.000.000		F1
51	Trần Thị Kim Yến		2006	tổ 1, ấp Hòa Giang	Hòa Điền	Kiên Lương	Kiên Giang	29/11/2021	1.000.000		F1
TỔNG CỘNG (989 người)									989.000.000		
Tổng (1+2)									4.384.840.000		

Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng.

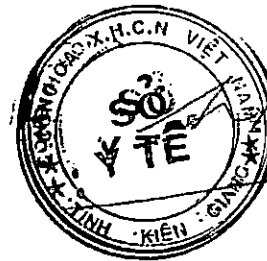
NGƯỜI LẬP BẢNG



Lê Văn Trung

Kiên Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2022

GIÁM ĐỐC 



Hà Văn Phúc

